

Số: 22/BB-ĐHĐCĐ-2023

Cám Phá, ngày 28 tháng 12 năm 2023

BIÊN BẢN
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG NĂM 2023

Công ty cổ phần Than Đèo Nai - Vinacomin, trụ sở chính tại Phường Cẩm Tây, Thành phố Cẩm Phá, Tỉnh Quảng Ninh. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty số: 5700101299 Đăng ký thay đổi lần thứ tư ngày 22/12/2021. Nơi cấp: Sở Kế hoạch Đầu tư Tỉnh Quảng Ninh.

Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2023- Công ty cổ phần Than Đèo Nai- Vinacomin (“Đại hội”) đã được tiến hành khai mạc vào hồi 8h30’ ngày 28/12/2023 tại Phòng họp số 1, Văn phòng Công ty dưới sự chủ tọa của ông Nguyễn Trọng Tốt, Chủ tịch Hội đồng quản trị (HDQT) Công ty.

Đại hội đã được tiến hành theo trình tự sau đây:

I. VỀ CÔNG TÁC TỔ CHỨC:

1. Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông.

Ông Nguyễn Danh Tuấn, Trưởng Ban kiểm tra tư cách cổ đông Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông.

* Tại thời điểm 8h25’ Tổng số cổ đông tham dự đại hội 22 cổ đông, đại diện cho 21.213.623 cổ phần, chiếm 72,06% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty, trong đó tham dự trực tiếp là 13 cổ đông, tham dự thông qua ủy quyền là 09 cổ đông. Sau kiểm tra 22 cổ đông đủ tư cách tham dự Đại hội theo quy định.

Ông Nguyễn Trọng Tốt, Chủ tọa Đại hội tuyên bố Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2023 hợp lệ và tổ chức điều hành Đại hội theo quy định (Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết).

2. Thông qua Chương trình, Quy chế làm việc Đại hội.

a) Ông Nguyễn Quang Tùng, trình bày: Chương trình, Quy chế làm việc Đại hội.

b) Đại hội đã tiến hành biểu quyết:

- Chương trình đại hội: Tổng số cổ phần tán thành: 21.213.623 cổ phần chiếm 100% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp và tham gia biểu quyết;

- Quy chế làm việc đại hội: Tổng số cổ phần tán thành: 21.213.623 cổ phần chiếm 100% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp và tham gia biểu quyết;

Như vậy Chương trình Đại hội và Quy chế làm việc của Đại hội được thông qua với tỷ lệ tán thành là 100% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp và tham gia biểu quyết.

3. Chủ tọa Đại hội đã cử ông Hoàng Đức Giang làm thư ký Đại hội và tổ giúp việc.

Chủ tọa Đại hội đã đề cử Ban kiểm phiếu để thực hiện công tác bầu cử tại Đại hội gồm các ông/bà có tên sau và tiến hành biểu quyết:

- Ông: Bùi Văn Nhã - Trưởng ban.

- Ông: Nguyễn Thắng Lợi - uỷ viên

- Ông: Lương Thế Dũng - uỷ viên

- Bà: Hoàng Thị Quỳnh Trang - uỷ viên.

Ban kiểm phiếu tại Đại hội được thông qua với tổng số cổ phần tán thành là 21.213.623 cổ phần chiếm 100% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp và tham gia biểu quyết.



Đại hội còn có sự tham gia của Đại diện Tập đoàn Công nghiệp Than- Khoáng sản Việt Nam (TKV), các thành viên HĐQT, Giám đốc, Trưởng ban và các thành viên Ban kiểm soát (BKS) của Công ty cổ phần Than Đèo Nai- Vinacomin.

II. CÁC NỘI DUNG TRÌNH TẠI ĐẠI HỘI:

1. Thông qua Phương án hợp nhất Công ty cổ phần Than Cọc Sáu- Vinacomin và Công ty cổ phần Than Đèo Nai- Vinacomin;
2. Thông qua dự thảo Hợp đồng hợp nhất Công ty cổ phần Than Cọc Sáu- Vinacomin và Công ty cổ phần Than Đèo Nai- Vinacomin;
3. Thông qua dự thảo Điều lệ Công ty cổ phần Than Đèo Nai- Cọc Sáu - TKV và bổ sung ngành nghề Công ty sau hợp nhất;
4. Thông qua Phương án phát hành cổ phiếu để hoán đổi;
5. Thông qua Phương án sản xuất kinh doanh Công ty hợp nhất;
6. Thông qua dự kiến Phương án phân phối lợi nhuận năm 2023 của Công ty cổ phần Than Đèo Nai-Vinacomin;
7. Bầu cử các chức danh của công ty hợp nhất bao gồm thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên ban kiểm soát, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Trưởng Ban kiểm soát, Giám đốc.

III. ĐẠI HỘI TIẾN HÀNH THẢO LUẬN VÀ BIỂU QUYẾT CÁC NỘI DUNG SAU:

1. Nội dung: Thông qua Phương án hợp nhất Công ty cổ phần Than Đèo Nai - Vinacomin và Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin.

Sau khi nghe Ông Đặng Thanh Bình - Giám đốc Công ty trình bày nội dung Tờ trình Thông qua Phương án hợp nhất Công ty cổ phần Than Đèo Nai- Vinacomin và Công ty cổ phần Than Cọc Sáu- Vinacomin (*Bản dự thảo phương án đã được đăng tải toàn văn trên trang Website của Công ty và gửi trong tập tài liệu Đại hội của các đại biểu cổ đông*).

(*Chi tiết theo Tờ trình số 6104 /TTr-TĐN ngày 22 /12/2023 và hồ sơ đính kèm*).

Đại hội đã tiến hành thảo luận và biểu quyết:

a) Thảo luận:

- Đại hội uỷ quyền cho HĐQT Công ty tiếp tục triển khai, thực hiện các nội dung, công việc theo quy định để hợp nhất thành công hai Công ty;
- Ý kiến khác phát biểu tại Đại hội: Không có.

b) Đại hội đã tiến hành biểu quyết Phương án hợp nhất Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin và Công ty cổ phần Than Đèo Nai - Vinacomin với các nội dung cơ bản trên. Số phiếu phát ra là 22 phiếu, số phiếu thu về là 22 phiếu, trong đó:

- Số phiếu biểu quyết hợp lệ: 22 phiếu;
- Số phiếu biểu quyết không hợp lệ: 0 phiếu.

* *Kết quả biểu quyết:*

- Tán thành: 21.213.623 cổ phần chiếm 100% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp và tham gia biểu quyết;
- Không tán thành: 0 cổ phần chiếm 0 % số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp và tham gia biểu quyết;
- Không ý kiến: 0 cổ phần chiếm 0 % số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp và tham gia biểu quyết.

Như vậy Phương án hợp nhất Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin và Công ty cổ phần Than Đèo Nai - Vinacomin được thông qua với 21.213.623 cổ phần chiếm 100 % số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp và tham gia biểu quyết.

2. Nội dung: Thông qua dự thảo hợp đồng hợp nhất giữa Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin và Công ty cổ phần Than Đèo Nai - Vinacomin.

001
 CÔNG
 CỔ
 HẠN
 VIN
 PH

Sau khi nghe Ông Nguyễn Văn Hùng- Thành viên độc lập HĐQT Công ty, trình bày nội dung Tờ trình Thông qua dự thảo hợp đồng hợp nhất hai Công ty (*Bản dự thảo hợp đồng đã được đăng tải toàn văn trên trang Website của Công ty và gửi trong tập tài liệu Đại hội của các đại biểu cổ đông*).

(Chi tiết theo Tờ trình số 6105 /TTr-TĐN ngày 22 /12/2023 và hồ sơ đính kèm).

Đại hội đã tiến hành thảo luận và biểu quyết:

a) Phản thảo luận:

Ý kiến phát biểu tại Đại hội: Không có.

b) Đại hội đã tiến hành biểu quyết thông qua dự thảo hợp đồng hợp nhất giữa Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin và Công ty cổ phần Than Đèo Nai - Vinacomin. Số phiếu phát ra là 22 phiếu, số phiếu thu về là 22 phiếu, trong đó:

- Số phiếu biểu quyết hợp lệ: 22 phiếu;

- Số phiếu biểu quyết không hợp lệ: 0 phiếu.

* *Kết quả biểu quyết:*

- Tán thành: 21.213.623 cổ phần chiếm 100% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp và tham gia biểu quyết;

- Không tán thành: 0 cổ phần chiếm 0 % số Cổ phần có quyền biểu quyết dự họp và tham gia biểu quyết;

- Không ý kiến: 0 cổ phần chiếm 0 % số Cổ phần có quyền biểu quyết dự họp và tham gia biểu quyết.

Như vậy hợp đồng hợp nhất giữa Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin và Công ty cổ phần Than Đèo Nai - Vinacomin được thông qua với 21.213.623 cổ phần chiếm 100 % số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp và tham gia biểu quyết.

3. Nội dung: Thông qua dự thảo Điều lệ và bổ sung ngành nghề kinh doanh của Công ty cổ phần Than Đèo Nai - Cọc Sáu - TKV.

Sau khi nghe Bà Vũ Thị Hương- Kế toán trưởng Công ty, trình bày nội dung cơ bản dự thảo Điều lệ Công ty hợp nhất và bổ sung ngành nghề kinh doanh (*Bản dự thảo điều lệ đã được đăng tải toàn văn trên trang Website của Công ty và gửi trong tập tài liệu Đại hội của các đại biểu cổ đông*).

(Chi tiết theo TTr số 6106/TTr-TĐN và TTr số 6108/TTr-TĐN ngày 22 /12/2023 đính kèm)

Đại hội đã tiến hành thảo luận và biểu quyết:

a) Phản thảo luận:

- Ý kiến phát biểu tại Đại hội: Không có.

- Ý kiến tham gia khác: Ngày 22/12/2023, cổ đông TKV có ý kiến tham gia tại Văn bản số 6346/TKV-TCNS về toàn văn dự thảo Điều lệ Công ty hợp nhất.

Ông Nguyễn Trọng Tốt- Chủ tọa Đại hội tiếp thu ý kiến tham gia của cổ đông TKV theo nội dung trên để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua và đưa vào Nghị quyết của Đại hội.

b) Đại hội đã tiến hành biểu quyết thông qua dự thảo Điều lệ của Công ty cổ phần Than Đèo Nai- Cọc Sáu- TKV nêu trên. Số phiếu phát ra là 22 phiếu, số phiếu thu về là 22 phiếu, trong đó:

- Số phiếu biểu quyết hợp lệ: 22 phiếu;

- Số phiếu biểu quyết không hợp lệ: 0 phiếu.

* *Kết quả biểu quyết:*

- Tán thành: 21.213.623 cổ phần chiếm 100% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp và tham gia biểu quyết;

- Không tán thành: 0 cổ phần chiếm 0 % số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp và tham gia biểu quyết;

- Không ý kiến: 0 cổ phần chiếm 0 % số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp và tham gia biểu quyết.

Như vậy, dự thảo Điều lệ của Công ty cổ phần Than Đèo Nai - Cọc Sáu - TKV được thông qua với 21.213.623 cổ phần chiếm 100 % số Cổ phần có quyền biểu quyết dự họp và tham gia biểu quyết.

c) Đại hội đã tiến hành biểu quyết thông qua bổ sung ngành nghề kinh doanh của Công ty cổ phần Than Đèo Nai- Cọc Sáu- TKV. Số phiếu phát ra là 22 phiếu, số phiếu thu về là 22 phiếu, trong đó:

- Số phiếu biểu quyết hợp lệ: 22 phiếu;

- Số phiếu biểu quyết không hợp lệ: 0 phiếu.

* *Kết quả biểu quyết:*

- Tán thành: 21.213.623 cổ phần chiếm 100% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp và tham gia biểu quyết;

- Không tán thành: 0 cổ phần chiếm 0 % số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp và tham gia biểu quyết;

- Không ý kiến: 0 cổ phần chiếm 0 % số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp và tham gia biểu quyết.

Như vậy, việc bổ sung ngành nghề kinh doanh của Công ty cổ phần Than Đèo Nai - Cọc Sáu - TKV được thông qua với 21.213.623 cổ phần chiếm 100 % số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp và tham gia biểu quyết.

4. Nội dung: Thông qua Phương án phát hành cổ phiếu để hoán đổi.

Đại hội đã nghe Bà Vũ Thị Hương- Kế toán trưởng Công ty, trình bày nội dung cơ bản Phương án phát hành cổ phiếu để hoán đổi.

(Chi tiết theo Tờ trình số 6107/TTr-TĐN ngày 22/12/2023 đính kèm).

Đại hội đã tiến hành thảo luận và biểu quyết:

a) Phần thảo luận:

Ý kiến phát biểu tại Đại hội: Không có.

b) Đại hội đã tiến hành biểu quyết thông qua Phương án phát hành cổ phiếu để hoán đổi.

Số phiếu phát ra là 22 phiếu, số phiếu thu về là 22 phiếu, trong đó:

- Số phiếu biểu quyết hợp lệ: 22 phiếu;

- Số phiếu biểu quyết không hợp lệ: 0 phiếu.

* *Kết quả biểu quyết:*

- Tán thành: 21.213.623 cổ phần chiếm 100% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp và tham gia biểu quyết;

- Không tán thành: 0 cổ phần chiếm 0 % số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp và tham gia biểu quyết;

- Không ý kiến: 0 cổ phần chiếm 0 % số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp và tham gia biểu quyết.

Như vậy, Phương án phát hành cổ phiếu để hoán đổi được thông qua với 21.213.623 cổ phần chiếm 100 % số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp và tham gia biểu quyết.

5. Nội dung: Thông qua Phương án sản xuất kinh doanh Công ty hợp nhất

Đại hội đã nghe Bà Vũ Thị Hương- Kế toán trưởng Công ty, trình bày nội dung cơ bản Phương án sản xuất kinh doanh Công ty hợp nhất.

(Chi tiết theo Tờ trình số 6109/TTr-TĐN ngày 22/12/2023 đính kèm).

Đại hội đã tiến hành thảo luận và biểu quyết:

a) Phần thảo luận:

Ý kiến phát biểu tại Đại hội: Không có.

b) Đại hội đã tiến hành biểu quyết thông qua Phương án sản xuất kinh doanh Công ty hợp nhất.

Số phiếu phát ra là 22 phiếu, số phiếu thu về là 22 phiếu, trong đó:



- Số phiếu biểu quyết hợp lệ: 22 phiếu;

- Số phiếu biểu quyết không hợp lệ: 0 phiếu.

* *Kết quả biểu quyết:*

- Tán thành: 21.213.623 cổ phần chiếm 100% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp và tham gia biểu quyết;

- Không tán thành: 0 cổ phần chiếm 0 % số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp và tham gia biểu quyết;

- Không ý kiến: 0 cổ phần chiếm 0 % số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp và tham gia biểu quyết.

Như vậy, Phương án sản xuất kinh doanh Công ty hợp nhất được thông qua với 21.213.623 cổ phần chiếm 100 % số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp và tham gia biểu quyết.

6. Nội dung: Thông qua dự kiến Phương án phân phối lợi nhuận năm 2023 Công ty cổ phần Than Đèo Nai- Vinacomin;

Đại hội đã nghe Bà Vũ Thị Hương - Kế toán trưởng Công ty, trình bày nội dung cơ bản dự kiến Phương án phân phối lợi nhuận năm 2023 Công ty cổ phần Than Đèo Nai- Vinacomin.

(Chi tiết theo Tờ trình số 6110/TTr-TĐN ngày 22/12/2023 đính kèm).

Đại hội đã tiến hành thảo luận và biểu quyết:

a) **Phản thảo luận:**

- Ý kiến phát biểu tại Đại hội: Không có;

- Ý kiến tham gia khác: Ngày 22/12/2023, cổ đông TKV có ý kiến tham gia tại Văn bản số 6346/TKV-TCNS như sau: *"Toàn bộ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến thời điểm ngày 31/12/2023 và số dư các quỹ theo Báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2023 được Công ty kiểm toán độc lập kiểm toán của Công ty cổ phần Than Đèo Nai - Vinacomin, Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin sẽ thuộc quyền quyết định của cổ đông 02 công ty cổ phần sau khi đã được hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại. Phương án phân phối lợi nhuận, phương án phân chia cổ tức cụ thể sẽ được thông qua tại ĐHĐCĐ thường niên 2024 của 02 Công ty cổ phần"*.

Ông Nguyễn Trọng Tốt- Chủ toạ Đại hội tiếp thu ý kiến tham gia của cổ đông TKV như trên, bổ sung vào nội dung dự kiến Phương án phân phối lợi nhuận năm 2023 để Đại hội đồng cổ đông biểu quyết và đưa vào Nghị quyết Đại hội.

b) Đại hội đã tiến hành biểu quyết thông qua dự kiến Phương án phân phối lợi nhuận năm 2023 của Công ty cổ phần Than Đèo Nai- Vinacomin nêu trên. Số phiếu phát ra là 22 phiếu, số phiếu thu về là 22 phiếu, trong đó:

- Số phiếu biểu quyết hợp lệ: 22 phiếu;

- Số phiếu biểu quyết không hợp lệ: 0 phiếu.

* *Kết quả biểu quyết:*

- Tán thành: 21.213.623 cổ phần chiếm 100% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp và tham gia biểu quyết;

- Không tán thành: 0 cổ phần chiếm 0 % số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp và tham gia biểu quyết;

- Không ý kiến: 0 cổ phần chiếm 0 % số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp và tham gia biểu quyết.

Như vậy, dự kiến Phương án phân phối lợi nhuận năm 2023 của Công ty cổ phần than Đèo Nai- Vinacomin được thông qua với 21.213.623 cổ phần chiếm 100 % số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp và tham gia biểu quyết.

7. Nội dung: Công tác bầu cử tại HĐQT, BKS, CT HĐQT, TBKS, GD tại Đại hội.

7.1. Ông Nguyễn Danh Tuấn – Tổ trưởng Tổ bầu cử trình bày các nội dung:

- Quy chế bầu cử, ứng cử thành viên HĐQT/BKS, Chủ tịch HĐQT, Trưởng BKS và Giám đốc Công ty hợp nhất (Dự thảo đính kèm);

- Tờ trình Phương án nhân sự và bầu cử thành viên HĐQT/BKS, các chức danh khác của Công ty hợp nhất (Chi tiết theo Tờ trình số 6231/TTr-TĐN ngày 28/12/2023 đính kèm)

- Tờ trình danh sách các ứng viên tham gia bầu cử tại Đại hội (Chi tiết theo Tờ trình số 6232/TTr-TĐN ngày 28/12/2023 đính kèm).

7.2. Chủ tọa thống nhất danh sách các ứng viên tại Đại hội như sau:

* Danh sách ứng viên được đề cử bầu thành viên HĐQT: (5 người)

(1) Ông Nguyễn Trọng Tốt (do Cổ đông TKV đề cử);

(2) Ông Đặng Thanh Bình (do Cổ đông TKV đề cử);

(3) Ông Nguyễn Văn Thuận (do Cổ đông TKV đề cử);

(4) Ông Nguyễn Trọng Hùng (do HĐQT Công ty đề cử);

(5) Ông Nguyễn Tấn Long (do HĐQT Công ty đề cử).

* Danh sách ứng viên được đề cử bầu thành viên BKS: (03 người).

(1) Bà Nguyễn Thị Lương Anh (do Cổ đông TKV đề cử);

(2) Bà Nguyễn Thị Yến (do BKS Công ty đề cử);

(3) Bà Trần Thị Điệp (do BKS Công ty đề cử).

Qua kiểm tra hồ sơ các ứng viên cung cấp, xác nhân của các cơ quan có thẩm quyền; HĐQT Công ty Cổ Phần Than Đèo Nai- Vinacomin thấy rằng các ứng này đủ tiêu chuẩn để bầu vào các chức danh tương ứng.

7.3. Biểu quyết thông qua:

Đại hội tiến hành biểu quyết bằng thẻ thông qua Phương án nhân sự bầu cử, danh sách các ứng viên tham gia bầu thành viên HĐQT/BKS và Quy chế bầu cử, ứng cử tại Đại hội với kết quả biểu quyết cụ thể như sau:

a. Quy chế bầu cử, ứng cử thành viên HĐQT/BKS, Chủ tịch HĐQT, Trưởng BKS và Giám đốc Công ty hợp nhất

Số phiếu phát ra là 22 phiếu, số phiếu thu về là 22 phiếu, trong đó:

- Số phiếu hợp lệ: 22 phiếu

- Số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu

* Kết quả biểu quyết:

- Tán thành: 21.213.623 cổ phần chiếm 100% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp và tham gia biểu quyết;

- Không tán thành: c 0 cổ phần chiếm 0 % số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp và tham gia biểu quyết;

- Không ý kiến: 0 cổ phần chiếm 0 % số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp và tham gia biểu quyết.

Như vậy, Quy chế bầu cử, ứng cử thành viên HĐQT/BKS, Chủ tịch HĐQT, Trưởng BKS và Giám đốc Công ty hợp nhất được thông qua với 21.213.623 cổ phần chiếm 100 % số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp và tham gia biểu quyết.

b. Phương án nhân sự và bầu cử thành viên HĐQT/BKS, các chức danh khác

Số phiếu phát ra là 22 phiếu, số phiếu thu về là 22 phiếu, trong đó:

- Số phiếu hợp lệ: 22 phiếu

- Số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu

* Kết quả biểu quyết:

- Tán thành: 21.213.623 cổ phần chiếm 100% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp và tham gia biểu quyết;

- Không tán thành: 0 cổ phần chiếm 0 % số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp và tham gia biểu quyết;

- Không ý kiến: 0 cổ phần chiếm 0 % số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp và tham gia biểu quyết.



Như vậy, Phương án nhân sự và bầu cử thành viên HĐQT/BKS, các chức danh khác của Công ty hợp nhất được thông qua với 21.213.623 cổ phần chiếm 100 % số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp và tham gia biểu quyết.

c. Danh sách các ứng viên tham gia bầu cử thành viên HĐQT, BKS

Số phiếu phát ra là 22 phiếu, số phiếu thu về là 22 phiếu, trong đó:

- Số phiếu hợp lệ: 22 phiếu

- Số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu

* *Kết quả biểu quyết:*

- Tán thành: 21.213.623 cổ phần chiếm 100% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp và tham gia biểu quyết;

- Không tán thành: 0 cổ phần chiếm 0 % số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp và tham gia biểu quyết;

- Không ý kiến: 0 cổ phần chiếm 0 % số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp và tham gia biểu quyết.

Như vậy, danh sách các ứng viên tham gia bầu cử thành viên HĐQT, BKS được thông qua với 21.213.623 cổ phần chiếm 100 % số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp và tham gia biểu quyết.

7.4. Tổ chức bầu thành viên HĐQT, thành viên ban kiểm soát.

Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT/Ban kiểm soát Công ty cổ phần Than Đèo Nai - Cọc Sáu - TKV là 05 năm kể từ ngày Công ty chính thức được hoạt động.

Đại hội tiến hành bỏ phiếu bầu các ứng viên tham gia thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát của Công ty hợp nhất với nhiệm kỳ 05 năm kể từ ngày Công ty hợp nhất chính thức hoạt động. Gồm các Ông/Bà có tên sau đây:

(Có biên bản kiểm phiếu kèm theo):

* Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Than Đèo Nai - Cọc Sáu - TKV:

(1) Ông Nguyễn Trọng Tốt – Thành viên HĐQT;

(2) Ông Đặng Thanh Bình – Thành viên HĐQT;

(3) Ông Nguyễn Văn Thuận – Thành viên HĐQT;

(4) Ông Nguyễn Trọng Hùng – Thành viên HĐQT;

(5) Ông Nguyễn Tấn Long – Thành viên HĐQT.

* Thành viên BKS Công ty cổ phần Than Đèo Nai - Cọc Sáu - TKV:

(1) Bà Nguyễn Thị Lương Anh – Thành viên BKS;

(2) Bà Nguyễn Thị Yến – Thành viên BKS;

(3) Bà Trần Thị Điệp – Thành viên BKS.

7.5. Bầu cử chức danh Chủ tịch HĐQT, Trưởng Ban kiểm soát của Công ty cổ phần Than Đèo Nai - Cọc Sáu - TKV.

Nhiệm kỳ của Chủ tịch HĐQT và Trưởng Ban kiểm soát Công ty cổ phần Than Đèo Nai - Cọc Sáu - TKV là 05 năm kể từ ngày Công ty chính thức được hoạt động.

* Đại hội biểu quyết thông qua danh sách ứng viên bầu Chủ tịch HĐQT và Trưởng ban kiểm soát, gồm các ông/bà sau:

- Danh sách ứng viên bầu Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Than Đèo Nai- Cọc Sáu- TKV:

(1) Ông Nguyễn Trọng Tốt – Thành viên HĐQT;

(2) Ông Đặng Thanh Bình – Thành viên HĐQT;

(3) Ông Nguyễn Văn Thuận – Thành viên HĐQT;

(4) Ông Nguyễn Trọng Hùng – Thành viên HĐQT;

(5) Ông Nguyễn Tấn Long – Thành viên HĐQT.

- Danh sách ứng viên bầu TBKS, Công ty cổ phần Than Đèo Nai - Cọc Sáu - TKV:

(1) Bà Nguyễn Thị Lương Anh – Thành viên BKS;

(2) Bà Nguyễn Thị Yến – Thành viên BKS;

00
CỔ
CỔ
HAI
VIR
PH

(3) Bà Trần Thị Diệp – Thành viên BKS.

Số đại biểu Cổ đông tham gia biểu quyết là 22 thẻ, trong đó:

- Số thẻ hợp lệ: 22 thẻ

- Số thẻ không hợp lệ: 0 thẻ

* *Kết quả biểu quyết:*

- Tán thành: 21.213.623 cổ phần chiếm 100% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp và tham gia biểu quyết;

- Không tán thành: 0 cổ phần;

- Không ý kiến: 0 cổ phần.

Như vậy, danh sách các ứng viên tham gia bầu Chủ tịch HĐQT và TBKS được Đại hội thông qua với 21.213.623 cổ phần chiếm 100 % số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp và tham gia biểu quyết.

* Đại hội tiến hành bỏ phiếu bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị, bầu Trưởng ban kiểm soát theo danh sách các ứng viên đã được Chủ tọa Đại hội báo cáo tại Đại hội theo nguyên tắc ứng viên nào có số phiếu cao nhất sẽ là Chủ tịch HĐQT và Trưởng ban kiểm soát. Cụ thể như sau:

(Có biên bản kiểm phiếu kèm theo):

1) Ông: Nguyễn Trọng Tốt – Giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT

2) Bà: Nguyễn Thị Lương Anh - Giữ chức vụ Trưởng ban kiểm soát.

7.6. Tổ chức bầu Giám đốc Công ty cổ phần Than Đèo Nai- Cọc Sáu- TKV.

* Đại hội biểu quyết bằng thẻ thông qua danh sách ứng viên bầu Giám đốc Công ty cổ phần Than Đèo Nai - Cọc Sáu - TKV gồm các Ông/Bà sau:

(1) Ông Đặng Thanh Bình – Thành viên HĐQT;

(2) Ông Nguyễn Văn Thuận – Thành viên HĐQT;

(3) Ông Nguyễn Trọng Hùng – Thành viên HĐQT;

(4) Ông Nguyễn Tấn Long – Thành viên HĐQT.

Số đại biểu Cổ đông tham gia biểu quyết là 22 thẻ, trong đó:

- Số thẻ hợp lệ: 22 thẻ

- Số thẻ không hợp lệ: 0 thẻ

* *Kết quả biểu quyết:*

- Tán thành: 21.213.623 cổ phần chiếm 100% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp và tham gia biểu quyết;

- Không tán thành: 0 cổ phần;

- Không ý kiến: 0 cổ phần.

Như vậy, danh sách các ứng viên tham gia bầu Giám đốc Công ty được Đại hội thông qua với 21.213.623 cổ phần chiếm 100 % số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp và tham gia biểu quyết. Nhiệm kỳ của Giám đốc của Công ty cổ phần Than Đèo Nai - Cọc Sáu - TKV là 05 năm kể từ ngày Công ty hợp nhất chính thức hoạt động.

Đại hội tiến hành bỏ phiếu bầu Giám đốc Công ty cổ phần Than Đèo Nai- Cọc Sáu- TKV trong danh sách các ứng viên đã được Đại hội thông qua theo nguyên tắc ứng viên nào có số phiếu cao nhất sẽ là Giám đốc Công ty cổ phần Than Đèo Nai- Cọc Sáu- TKV.

Kết quả các cổ đông tại Đại hội đã bầu Ông: Đặng Thanh Bình giữ chức vụ Giám đốc Công ty cổ phần Than Đèo Nai- Cọc Sáu- TKV.

(Có biên bản kiểm phiếu kèm theo):

IV. THỦ TỤC BẾ MẠC ĐẠI HỘI:

1. Ông Hoàng Đức Giang - Thư ký Đại hội đọc dự thảo Biên bản và dự thảo Nghị quyết Đại hội.

2. Ông Nguyễn Trọng Tốt- Chủ tọa Đại hội thông qua Đại hội dự thảo Biên bản và Nghị quyết Đại hội.

3129
G TY
PHẦN
ĐỀ O I
(COMI
- T. 9N

- Số phiếu biểu quyết hợp lệ: 22 phiếu.
- Số phiếu biểu quyết không hợp lệ: 0 phiếu.
- * Kết quả biểu quyết:

- Tổng số phiếu tán thành: 22 Phiếu đại diện cho 21.213.623 Cổ phần chiếm 100% số Cổ phần có quyền biểu quyết dự họp;
- Tổng số phiếu không tán thành: 22 phiếu.
- Tổng số phiếu không ý kiến: 0 phiếu.

Như vậy Biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2023, Công ty CP than Đèo Nai- Vinacomin được thông qua với 21.213.623 Cổ phần chiếm 100 % số Cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

3. Ông Nguyễn Trọng Tốt - Thay mặt Ban tổ chức làm các thủ tục tuyên bố bế mạc đại hội.

Đại hội kết thúc vào hồi 11h 40' cùng ngày./.

THƯ KÝ ĐẠI HỘI



Hoàng Đức Giang

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA**



**Nguyễn Trọng Tốt
CHỦ TỊCH HĐQT CÔNG TY**

Nơi nhận:

- UBCKNN, Sở GDCKHN (Báo cáo);
- Tổng Công ty LK&BT CKVN (B/c);
- Tập đoàn CN Than - KS Việt Nam (B/c);
- Các cổ đông Công ty;
- Thành viên HĐQT, BKS; BGĐ, KTT;
- Đăng Website Công ty;
- Lưu VT, HĐQT.



Số: 22/NQ-ĐHĐCĐ-2023

Cám Phả, ngày 28 tháng 12 năm 2023

NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG NĂM 2023

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 của Quốc Hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Than Đèo Nai-Vinacomin được thông qua tại ĐHĐCĐ thường niên ngày 20/4/2021;

- Căn cứ vào Biên bản số: 22 /BB-ĐHĐCĐ ngày 28/12/2023 của Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2023 của Công ty Cổ phần Than Đèo Nai-Vinacomin,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Phương án hợp nhất Công ty Cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin và Công ty Cổ phần Than Đèo Nai- Vinacomin (đính kèm Phụ lục 01);

Cụ thể: Tổng số cổ phần tán thành là 21.213.623 cổ phần, đạt tỷ lệ 100 % số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp và tham gia biểu quyết.

Điều 2. Thông qua dự thảo hợp đồng hợp nhất giữa Công ty Cổ phần Than Cọc Sáu- và Vinacomin Công ty Cổ phần Than Đèo Nai- Vinacomin (đính kèm Phụ lục 02). ĐHĐCĐ ủy quyền cho cho HĐQT Công ty đàm phán, bổ sung và hoàn chỉnh Hợp đồng hợp nhất cho phù hợp với tình hình thực tế và các quy định pháp luật có liên quan;

Cụ thể: Tổng số cổ phần tán thành là 21.213.623 cổ phần, đạt tỷ lệ 100 % số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp và tham gia biểu quyết.

Điều 3. Thông qua Điều lệ Công ty sau hợp nhất và bổ sung ngành nghề kinh doanh của Công ty hợp nhất (đính kèm Phụ lục 03);

Cụ thể: Tổng số cổ phần tán thành là 21.213.623 cổ phần, đạt tỷ lệ 100 % số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp và tham gia biểu quyết.

Điều 4. Thông qua Phương án phát hành cổ phiếu để hoán đổi (đính kèm Phụ lục 04);

Cụ thể: Tổng số cổ phần tán thành là 21.213.623 cổ phần, đạt tỷ lệ 100 % số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp và tham gia biểu quyết.

Điều 5. Thông qua Phương án sản xuất kinh doanh Công ty hợp nhất (đính kèm Phụ lục 05). ĐHĐCĐ ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty phối hợp với Công ty Cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin để thực hiện các nội dung có liên quan nhằm đảm bảo mang lại hiệu quả cao nhất cho Công ty hợp nhất.

Cụ thể: Tổng số cổ phần tán thành là 21.213.623 cổ phần, đạt tỷ lệ 100 % số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp và tham gia biểu quyết.



Điều 6. Thông qua dự kiến Phương án phân phối lợi nhuận năm 2023, Công ty Cổ phần Than Đèo Nai- Vinacomin, cụ thể như sau:

- Không trích lập bổ sung quỹ đầu tư phát triển.

- Kết quả lợi nhuận sau thuế lũy kế đến thời điểm ngày 31/12/2023 (trong đó Lợi nhuận chưa phân phối lũy kế đến ngày 30/6/2023 là: 26.473.017.011 đồng); các quỹ không thuộc vốn chủ sở hữu theo BCTC kiểm toán tại thời điểm 31/12/2023 (nếu có) sẽ thuộc về quyền quyết định của cổ đông Công ty cổ phần Than Đèo Nai – Vinacomin sau khi đã được hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại (nếu có). Phương án phân phối lợi nhuận, phương án chia cổ tức cụ thể sẽ được thông qua tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 của Công ty CP Than Đèo Nai- Vinacomin.

Cụ thể: tổng số cổ phần tán thành là 21.213.623 cổ phần, đạt tỷ lệ 100 % số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp và tham gia biểu quyết.

Điều 7. Thông qua số lượng thành viên HĐQT là 5 thành viên, và công nhận kết quả bỏ phiếu và quyết định các Ông/Bà có tên dưới đây trúng cử thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Than Đèo Nai- Cọc Sáu- TKV (nhiệm kỳ 5 năm) kể từ ngày Công ty chính thức hoạt động.

1. Ông: Nguyễn Trọng Tốt - Thành viên HĐQT
2. Ông: Đặng Thanh Bình - Thành viên HĐQT
3. Ông: Nguyễn Văn Thuận - Thành viên HĐQT
4. Ông: Vũ Trọng Hùng - Thành viên HĐQT
5. Ông: Nguyễn Tấn Long - Thành viên HĐQT.

(Theo hồ sơ, biên bản kiểm phiếu tại Đại hội)

Điều 8. Thông qua số lượng thành viên BKS là 3 thành viên, và công nhận kết quả bỏ phiếu và quyết định các Ông/Bà có tên dưới đây trúng cử thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Than Đèo Nai- Cọc Sáu- TKV (nhiệm kỳ 5 năm) kể từ ngày Công ty chính thức hoạt động.

1. Bà: Nguyễn Thị Lương Anh - Thành viên BKS
2. Bà: Nguyễn Thị Yên - Thành viên BKS
3. Bà: Trần Thị Diệp - Thành viên BKS.

(Theo hồ sơ, biên bản kiểm phiếu tại Đại hội)

Điều 9. Công nhận kết quả bỏ phiếu và quyết định các Ông/Bà có tên dưới đây trúng cử Chủ tịch HĐQT, Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Than Đèo Nai- Cọc Sáu- TKV (nhiệm kỳ 5 năm) kể từ ngày Công ty chính thức hoạt động.

1. Ông: Nguyễn Trọng Tốt - Giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT
2. Bà: Nguyễn Thị Lương Anh - Giữ chức vụ Trưởng ban KS.

(Theo hồ sơ, biên bản kiểm phiếu tại Đại hội)

Điều 10. Công nhận kết quả bỏ phiếu và quyết định Ông: Đặng Thanh Bình giữ chức vụ Giám đốc Công ty cổ phần Than Đèo Nai- Cọc Sáu- TKV (nhiệm kỳ 5 năm) kể từ ngày Công ty chính thức hoạt động.

(Theo hồ sơ, biên bản kiểm phiếu tại Đại hội)

Điều 11. Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho HĐQT Công ty cổ phần Than Đèo Nai- Vinacomin chủ động hoàn thiện các thủ tục, tài liệu liên quan đến việc

hợp nhất Công ty Cổ phần Than Đèo Nai-Vinacomin và Công ty Cổ phần Than Cọc Sáu-Vinacomin.

Điều 12. Điều khoản thi hành:

Đại Hội đồng cổ đông bất thường năm 2023, Công ty Cổ phần Than Đèo Nai- Vinacomin đã được tiến hành công khai, minh bạch, hợp pháp.

Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. Đại hội ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Than Đèo Nai- Vinacomin có trách nhiệm tiến hành các công việc đã được Đại hội quyết nghị, đảm bảo lợi ích của các Cổ đông, lợi ích Công ty và phù hợp với quy định của Pháp luật./.

Nơi nhận:

- UBCKNN, Sở GDCKHN (B/c);
- Tổng Công ty LK&BT CKVN (B/c);
- Tập đoàn TKV (theo HS);
- Các cổ đông Công ty (qua Website);
- Thành viên HĐQT, BKS (e-copy);
- Thành viên Ban GD, KTT(e-copy);
- Đăng Website Cty;
- Lưu VT, HĐQT.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA**



**Nguyễn Trọng Tốt
CHỦ TỊCH HĐQT CÔNG TY**



PHỤ LỤC 01
PHƯƠNG ÁN HỢP NHẤT
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CỘC SÁU – VINACOMIN
VÀ CÔNG TY CỔ PHẦN THAN ĐÈO NAI – VINACOMIN

A. PHƯƠNG ÁN HỢP NHẤT DOANH NGHIỆP

I. Thông tin về các công ty tham gia hợp nhất:

1. Thông tin chung của TC6 và TDN

- Tên Công ty bị hợp nhất: **CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CỘC SÁU – VINACOMIN**
 - Địa chỉ trụ sở chính: Phường Cẩm Phú, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.
 - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5700101002 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp lần đầu ngày 02/01/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 05/12/2019.
 - Vốn điều lệ: 324.961.050.000 đồng (*Ba trăm hai mươi bốn tỷ chín trăm sáu mươi một triệu không trăm năm mươi nghìn đồng*).
 - Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 32.496.105 cổ phiếu.
 - Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu.
- Tên công ty bị hợp nhất: **CÔNG TY CỔ PHẦN THAN ĐÈO NAI – VINACOMIN**
 - Địa chỉ trụ sở chính: Số 42, phố Kim Đồng, Phường Cẩm Tây, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.
 - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5700101299 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp lần đầu ngày 01/01/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 22/12/2021.
 - Vốn điều lệ: 294.390.970.000 đồng (*Hai trăm chín mươi bốn tỷ ba trăm chín mươi triệu chín trăm bảy mươi nghìn đồng*).
 - Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 29.439.097 cổ phiếu.
 - Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu.

2. Chỉ tiêu và hoạt động kinh doanh của TC6 và TDN 3 năm gần nhất

Một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của TC6

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	30/09/2023
1. Tổng giá trị tài sản	1.708.220	1.795.088	1.420.072	1.395.331
2. Doanh thu thuần	3.124.086	2.675.815	3.237.001	1.514.680
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	6.142	48.868	(7.614)	(7.773)

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	30/09/2023
4. Lợi nhuận khác	1.071	663	9.784	10.893
5. Lợi nhuận trước thuế	7.213	49.531	2.170	3.120
6. Lợi nhuận sau thuế	7.213	38.085	1.574	2.496
7. Tỷ lệ trả cổ tức	2%	4,5%	0%	-

Một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của TDN

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	9T/2023
1. Tổng giá trị tài sản	1.383.436	1.329.875	1.469.478	1.521.016
2. Doanh thu thuần	3.014.960	3.214.243	3.792.755	2.951.296
3. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	53.965	42.785	57.953	35.633
4. Lợi nhuận khác	2.640	6.077	4.218	1.069
5. Lợi nhuận trước thuế	56.606	48.862	62.172	36.702
6. Lợi nhuận sau thuế	44.870	39.067	49.566	29.249
7. Tỷ lệ trả cổ tức	8%	14%	8%	NA

II. Thông tin về Công ty sau hợp nhất

1. Thông tin chung về công ty sau hợp nhất

- Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN THAN ĐÈO NAI - CỘC SÁU - TKV
- Tên viết tắt: THAN ĐÈO NAI - CỘC SÁU
- Tên tiếng Anh: DEO NAI - COC SAU - TKV COAL JOINT STOCK COMPANY
- Trụ sở chính: Số 42, phố Kim Đồng, phường Cẩm Tây, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

2. Ngành nghề, phạm vi hoạt động kinh doanh của công ty hợp nhất:

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty cổ phần Than Đèo Nai - Cọc Sáu - TKV là: Khai thác than theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Danh sách ngành nghề kinh doanh của Công ty hợp nhất:

STT	Mã ngành kinh doanh	Ngành nghề kinh doanh của Công ty Hợp nhất (dự kiến)	Ngành nghề kinh doanh của TDN	Ngành nghề kinh doanh của TC6
1	0510	Khai thác và thu gom than cứng	Khai thác và thu gom than cứng	Khai thác và thu gom than cứng
2	0520	Khai thác và thu gom than non	Khai thác và thu gom than non	Khai thác và thu gom than non
3	0710	Khai thác quặng sắt	Khai thác quặng sắt	Khai thác quặng sắt
4	0722	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt	
5	0810	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét
6	0892	Khai thác và thu gom than bùn		Khai thác và thu gom than bùn
7	0990	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác		Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác
8	0321	Nuôi trồng thủy sản biển	Nuôi trồng thủy sản biển	Nuôi trồng thủy sản biển
9	1104	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng		Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng
10	2211	Sản xuất săm, lốp cao su; đắp và tái chế lốp cao su	Sản xuất săm, lốp cao su; đắp và tái chế lốp cao su	Sản xuất săm, lốp cao su; đắp và tái chế lốp cao su
11	2219	Sản xuất sản phẩm khác từ cao su		Sản xuất sản phẩm khác từ cao su
12	2392	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	
13	2511	Sản xuất các cấu kiện kim loại		Sản xuất các cấu kiện kim loại

STT	Mã ngành kinh doanh	Ngành nghề kinh doanh của Công ty Hợp nhất (dự kiến)	Ngành nghề kinh doanh của TDN	Ngành nghề kinh doanh của TC6
14	2591	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại		Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại
15	2592	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	
16	2824	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng		Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng
17	3311	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn		
18	3312	Sửa chữa máy móc, thiết bị	Sửa chữa máy móc, thiết bị	Sửa chữa máy móc, thiết bị
19	3313	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học		Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học
20	3314	Sửa chữa thiết bị điện		Sửa chữa thiết bị điện
21	3315	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)		Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)
22	3319	Sửa chữa thiết bị khác		Sửa chữa thiết bị khác
23	3320	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp.		Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp.
24	3512	Truyền tải và phân phối điện		Truyền tải và phân phối điện
25	3600	Khai thác, xử lý và cung cấp nước		Khai thác, xử lý và cung cấp nước

STT	Mã ngành kinh doanh	Ngành nghề kinh doanh của Công ty Hợp nhất (dự kiến)	Ngành nghề kinh doanh của TDN	Ngành nghề kinh doanh của TC6
26	3700	Thoát nước và xử lý nước thải		Thoát nước và xử lý nước thải
27	4101	Xây dựng nhà để ở		Xây dựng nhà để ở
28	4102	Xây dựng nhà không để ở		Xây dựng nhà không để ở
29	4211	Xây dựng công trình đường sắt	Xây dựng công trình đường sắt	
30	4212	Xây dựng công trình đường bộ	Xây dựng công trình đường bộ	
31	4291	Xây dựng công trình thủy		
32	4292	Xây dựng công trình khai khoáng		
33	4293	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo.		
34	4299	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	
35	4311	Phá dỡ		Phá dỡ
36	4312	Chuẩn bị mặt bằng	Chuẩn bị mặt bằng	Chuẩn bị mặt bằng
37	4321	Lắp đặt hệ thống điện		Lắp đặt hệ thống điện
38	4520	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác
39	4663	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng
40	4912	Vận tải hàng hóa đường sắt	Vận tải hàng hóa đường sắt	Vận tải hàng hóa đường sắt

STT	Mã ngành kinh doanh	Ngành nghề kinh doanh của Công ty Hợp nhất (dự kiến)	Ngành nghề kinh doanh của TDN	Ngành nghề kinh doanh của TC6
41	4931	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)		Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)
42	4933	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ
43	5022	Vận tải hàng hoá đường thủy nội địa	Vận tải hàng hoá đường thủy nội địa	Vận tải hàng hoá đường thủy nội địa
44	5210	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa		Kho bãi và lưu giữ hàng hóa
45	5222	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy - Quản lý khai thác cảng và bến thủy nội địa.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy - Quản lý khai thác cảng và bến thủy nội địa.	
46	5510	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày
47	5610	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống, phục vụ lưu động	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống, phục vụ lưu động	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống, phục vụ lưu động
48	5621	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng		Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng
49	6810	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Cho thuê điều hành,		

STT	Mã ngành kinh doanh	Ngành nghề kinh doanh của Công ty Hợp nhất (dự kiến)	Ngành nghề kinh doanh của TDN	Ngành nghề kinh doanh của TC6
		quản lý nhà và đất không để ở.		
50	7730	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển.		

3. Vốn điều lệ

- Vốn điều lệ của Công ty Hợp nhất là: 619.352.020.000 đồng (Sáu trăm mười chín tỷ, ba trăm năm mươi hai triệu, không trăm hai mươi nghìn đồng)
- Số cổ phần phát hành: 61.935.202 cổ phần
- Loại cổ phần: cổ phần phổ thông
- Mệnh giá mỗi cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần.

4. Cơ cấu nguồn vốn và tài sản sau hợp nhất

Giả thiết Ngày Hợp nhất là ngày 30/09/2023, ta sẽ tính toán được các chỉ tiêu của Công ty hợp nhất dựa trên số liệu Quyết toán báo cáo tài chính Quý III/2023 của TC6 và TDN như sau:

TT	Chỉ tiêu	TC6	TDN	Công ty Hợp nhất
1	Vốn điều lệ trước hợp nhất (triệu đồng)	324.961	294.391	619.352
2	Số cổ phiếu đang lưu hành (cổ phiếu)	32.496.105	29.439.097	61.935.202
3	Tổng tài sản (triệu đồng)	1.395.331	1.521.016	2.916.347

5. Thông tin về các mối liên hệ giữa các tổ chức bị hợp nhất

(i) Quan hệ sở hữu chéo:

Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam là công ty mẹ của CTCP Than Cọc Sáu và CTCP Than Đèo Nai:

Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam sở hữu tại	Số lượng cổ phần sở hữu (cp)	Tỷ lệ nắm giữ (%)
Công ty Than Cọc Sáu	21.130.131	65,02%
Công ty Than Đèo Nai	19.135.414	65,00%

(ii) Quan hệ với người có liên quan khác:

TC6 và TDN là công ty con của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam.

(iii) Quan hệ kinh doanh và các quan hệ khác với bên thứ ba:

TC6 và TDN tiến hành khai thác, quản lý và giao sản phẩm cho Tập đoàn trên cơ sở hợp đồng khai thác, sàng tuyển, chế biến than. Việc ký kết hợp đồng cung cấp than với các khách hàng sẽ do Tập đoàn trực tiếp đứng ra ký kết. Công ty có trách nhiệm thực hiện các hợp đồng đó theo sự chỉ định của Tập đoàn.

6. Phương án hoạt động kinh doanh sau hợp nhất:

Kế hoạch sản xuất kinh doanh sau hợp nhất (dự kiến):

TT	Chỉ tiêu	Năm 2024
1	Doanh thu (triệu đồng)	5.824.582
2	Lợi nhuận sau thuế (triệu đồng)	67.766
3	Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/doanh thu (%)	1,16%
4	Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu (ROE) (%)	9,47%
5	Tỷ lệ cổ tức (tính trên mệnh giá) (%)	6%

7. Phương án sử dụng lao động:

Vào Ngày Hợp Nhất, toàn bộ người lao động của TC6 và TDN sẽ trở thành người lao động của Công ty Hợp nhất. Công ty Hợp nhất có nghĩa vụ thừa nhận, tôn trọng và cam kết tiếp tục kế thừa các hợp đồng lao động của người lao động của TC6 và TDN. Đồng thời, Công ty Hợp nhất sẽ đảm bảo chế độ làm việc, thu nhập và phúc lợi cho người lao động tối thiểu đạt mức hiện tại.

III. Thông tin về việc hợp nhất

1. Mục đích hợp nhất:

Việc hợp nhất Công ty cổ phần Than Cọc Sáu – Vinacomin (“TC6”) và Công ty cổ phần Than Đèo Nai – Vinacomin (“TDN”) được thực hiện theo Quyết định số 1263/QĐ-TTg ngày 27/10/2023 về việc Phê duyệt Đề án cơ cấu lại Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam đến năm 2025.

Việc hợp nhất TC6 và TDN nhằm mục đích nâng cao hiệu quả trong sản xuất kinh doanh, giải quyết những khó khăn về khai thác, biên giới, trữ lượng, đồ thái, sắp xếp mô hình tổ chức tinh gọn, bố trí lao động hợp lý. Việc hợp nhất không chỉ giảm được các đầu mối mà còn giúp Công ty nâng trữ lượng tài nguyên, tiết kiệm tối đa quản lý nhân lực và giúp giảm các chi phí quản lý, thuế tài nguyên, phục vụ phụ trợ... nhờ đó nâng cao hiệu quả trong hoạt động.

2. Hình thức hợp nhất:

- Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin, Công ty cổ phần Than Đèo Nai - Vinacomin sẽ hợp nhất thành một pháp nhân mới là Công Ty Hợp Nhất thông qua hoán đổi cổ phiếu TC6 và cổ phiếu TDN lấy cổ phiếu của Công Ty Hợp Nhất theo Hợp đồng hợp nhất. Vào

Ngày Hợp Nhất, Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin và Công ty cổ phần Than Đèo Nai - Vinacomin chấm dứt tồn tại, chuyển toàn bộ quyền và lợi ích hợp pháp, các khoản nợ chưa thanh toán, hợp đồng lao động và các nghĩa vụ khác cho Công Ty Hợp Nhất.

- Tỷ lệ hoán đổi cổ phiếu để thực hiện hợp nhất sẽ được tính toán dựa trên kết quả định giá của các Công ty bị hợp nhất thực hiện bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY, vốn điều lệ của các Công ty bị hợp nhất và vốn điều lệ của Công ty Hợp nhất.

3. Chi phí hợp nhất

Các chi phí hợp nhất bao gồm các chi phí phát sinh để thực hiện toàn bộ quá trình hợp nhất từ khi các bên ký kết hợp đồng hợp nhất cho đến khi Công ty hợp nhất nhận được Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mới và có đầy đủ quyền sở hữu, sử dụng đối với tài sản của các Công ty bị hợp nhất, bao gồm nhưng không hạn chế ở các chi phí sau: chi phí thực hiện hồ sơ giấy tờ, xin chấp thuận; chi phí đăng ký, chuyển giao quyền sở hữu... Mỗi bên tự chịu các chi phí và phí tổn phát sinh cho bên đó liên quan đến hợp đồng và giao dịch hợp nhất, cho dù giao dịch hợp nhất có hoàn thành hay không.

4. Phương pháp kế toán hợp nhất

Giá trị tài sản, nợ phải trả, vốn chủ sở hữu của CTCP Than Cọc Sáu - Vinacomin, CTCP Than Đèo Nai - Vinacomin sẽ được chuyển giao cho Công ty hợp nhất bằng cách hợp cộng sổ kế toán, với các nguyên tắc cơ bản sau:

Vốn chủ sở hữu của Công ty Hợp nhất sẽ bằng tổng Giá trị tài sản thuần của 2 Công ty tại ngày *Ngày Hợp nhất (là ngày Công ty hợp nhất nhận được Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp)*. Giá trị tài sản thuần này là chênh lệch giữa Tổng tài sản và Tổng nợ phải trả tại *Ngày Hợp nhất*. Như vậy:

- Vốn điều lệ của công ty Hợp nhất sẽ bằng tổng vốn điều lệ của 2 Công ty tham gia hợp nhất;
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của công ty Hợp nhất được xác định bằng tổng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của TC6 và TDN;
- Các nguồn quỹ của công ty Hợp nhất được xác định bằng tổng các nguồn quỹ của 2 công ty tham gia hợp nhất.

Tài sản và nợ phải trả của Công ty hợp nhất được xác định bằng tổng tài sản và nợ phải trả của CTCP Than Cọc Sáu và CTCP Than Đèo Nai tại *Ngày Hợp nhất*.

5. Các phương pháp xác định giá trị cổ phần; Tỷ lệ và nguyên tắc hoán đổi:

a. Các phương pháp xác định giá trị cổ phần:

Có 3 phương pháp xác định giá trị cổ phần cho TDN và TC6, cụ thể như sau:

- Phương pháp tài sản: Phương pháp tài sản phản ánh chính xác giá trị các tài sản hiện hữu và các tiềm năng của doanh nghiệp tại thời điểm thẩm định nhưng lại đánh giá tài sản ở trạng thái tĩnh.
- Phương pháp tỷ số bình quân: Giá trị doanh nghiệp xác định thông qua so sánh với giá của 3 công ty đã niêm yết trên sàn chứng khoán hoặc đăng ký giao dịch. Các chỉ số tài chính của các đơn vị này chưa có tính chất tương đồng và chưa phù hợp về quy mô nhưng phản ánh được góc nhìn về giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Phương pháp giá giao dịch: Phương pháp này phản ánh được giá trị trên thị trường của

Cổ phiếu. Giá trị giao dịch từ khi niêm yết đến thời điểm thẩm định giá có sự biến động, được nhà đầu tư chấp nhận và có giao dịch khớp lệnh. Tuy nhiên, khối lượng giao dịch của cổ phiếu TC6 là nhỏ so với tổng khối lượng cổ phiếu niêm yết, mức độ giao dịch trên thị trường cũng không thường xuyên.

Do đó, Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY đã lựa chọn phương pháp tài sản để tính toán giá trị cổ phần làm cơ sở tính toán tỷ lệ hoán đổi thực hiện hợp nhất 2 Công ty.

b. Giá trị cổ phần

✦ Giá trị cổ phần Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin

Căn cứ vào Chứng thư thẩm định giá Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin số 1068/2023/UHY- BCTĐG ngày 07/12/2023 và Báo cáo Tư vấn giá số 1068/2023/UHY-BCTV ngày 07/12/2023 của Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY tại thời điểm 30/06/2023:

Giá trị phần vốn chủ sở hữu của TC6 tại thời điểm 30/06/2023 (1)	1.422.626.840.377 đồng
Tổng số cổ phần của CTCP Than Cọc Sáu - Vinacomin (2)	32.496.105 cổ phần
Giá trị 1 cổ phần là: (3) = (1)/(2)	43.778 đồng/cổ phần

✦ Giá trị cổ phần Công ty cổ phần Than Đèo Nai - Vinacomin

Căn cứ vào Chứng thư thẩm định giá Công ty cổ phần Than Đèo Nai - Vinacomin số 1067/2023/UHY-BCTĐG ngày 07/12/2023 và Báo cáo tư vấn giá số 1067/2023/UHY-BCTV ngày 07/12/2023 của Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY tại thời điểm 30/06/2023:

Giá trị phần vốn chủ sở hữu của TDN tại thời điểm 30/06/2023 (1)	1.332.537.554.120 đồng
Phương án phân phối lợi nhuận sau thuế tích lũy đến thời điểm 30/06/2023 (2)	(26.473.017.011) đồng
Giá trị phần vốn chủ sở hữu của Công ty cổ phần Than Đèo Nai – Vinacomin dự kiến sau khi thực hiện phân phối lợi nhuận đến thời điểm 30/06/2023 là: (3)=(1)-(2)	1.306.064.537.109 đồng
Tổng số cổ phần của CTCP Than Đèo Nai - Vinacomin (4)	29.439.097 cổ phần
Giá trị 1 cổ phần là: (5) = (1)/(4)	45.264 đồng/cổ phần
Giá trị 1 cổ phần (dự kiến sau khi thực hiện phân phối lợi nhuận) là: (6)=(3)/(4)	44.365 đồng/cổ phần

c. Tỷ lệ hoán đổi

Căn cứ theo kết quả Báo cáo kết quả chứng thư thẩm định giá CTCP Than Cọc Sáu và CTCP Than Đèo Nai, Báo cáo tư vấn giá do Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY thực hiện, tỷ lệ hoán đổi của các cổ đông Công ty bị Hợp nhất được tính toán như sau:

TT	Chỉ tiêu	TC6	TDN	Công ty Hợp nhất
1	Vốn điều lệ trước hợp nhất (30/06/2023)	324.961.050.000	294.390.970.000	

TT	Chỉ tiêu	TC6	TDN	Công ty Hợp nhất
2	Số cổ phiếu đang lưu hành (30/06/2023)	32.496.105	29.439.097	
3	Vốn điều lệ sau hợp nhất trên sổ sách kế toán			619.352.020.000
Tỷ lệ hoán đổi khi TDN chưa thực hiện phân phối lợi nhuận				
4	Vốn chủ sở hữu (đã được đánh giá lại) (30/06/2023)	1.422.626.840.377	1.332.537.554.120	
5	Giá trị 1 cổ phần đã được đánh giá lại (30/06/2023)	43.778	45.264	
6	Trọng số về tương quan tỷ lệ giá trị vốn chủ sở hữu được đánh giá lại giữa 2 công ty	51,63%	48,37%	
7	Số vốn cổ phần công ty hợp nhất mà các cổ đông công ty bị hợp nhất sẽ nhận được	319.771.447.926	299.580.572.074	
8	Tỷ lệ hoán đổi cổ phần ((8)=(7)/(1))	0,9840	1,0176	
9	Tỷ lệ hoán đổi cổ phần (làm tròn số)	1	1	
Tỷ lệ hoán đổi khi TDN thực hiện phân phối lợi nhuận				
10	Vốn chủ sở hữu (đã được đánh giá lại) (30/06/2023)	1.422.626.840.377	1.306.064.537.109	
11	Giá trị 1 cổ phần đã được đánh giá lại (30/06/2023)	43.778	44.365	
12	Trọng số về tương quan tỷ lệ giá trị vốn chủ sở hữu được đánh giá lại giữa 2 công ty	52,14%	47,86%	
13	Số vốn cổ phần công ty hợp nhất mà các cổ đông công ty bị hợp nhất sẽ nhận được	322.930.143.228	296.421.876.772	



TT	Chỉ tiêu	TC6	TDN	Công ty Hợp nhất
14	Tỷ lệ hoán đổi cổ phần ((14)=(13)/(1))	0,9938	1,0069	
15	Tỷ lệ hoán đổi cổ phần (làm tròn số)	1	1	

Kết luận: Như vậy, tỷ lệ hoán đổi cổ phiếu được xác định là 1:1. Có nghĩa là:

- 01 cổ phiếu TC6 sẽ được hoán đổi lấy 01 cổ phiếu Công ty Hợp nhất.
- 01 cổ phiếu TDN sẽ được hoán đổi lấy 01 cổ phiếu Công ty Hợp nhất.

6. Thời hạn, thủ tục và điều kiện chuyển đổi tài sản

Toàn bộ tài sản, quyền và lợi ích hợp pháp của các Bên được coi là đã chuyển giao cho Công Ty Hợp Nhất vào Ngày Hợp Nhất tính theo giá trị sổ sách tại Ngày Hợp Nhất.

- a. Vào Ngày Hợp Nhất, Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin và Công ty cổ phần Than Đèo Nai - Vinacomin sẽ lập Hội đồng bàn giao tài sản gồm Người đại diện theo pháp luật, các thành viên HĐQT, đại diện Ban kiểm soát của từng Công ty (nếu có). Hội đồng bàn giao tài sản có trách nhiệm bảo quản, thống kê, ký Biên bản bàn giao với Hội đồng tiếp nhận tài sản của Công Ty Hợp Nhất. Hội đồng tiếp nhận tài sản gồm Người đại diện theo pháp luật, các thành viên HĐQT của Công Ty Hợp Nhất.
- b. Vào Ngày Hợp Nhất, toàn bộ hồ sơ, tài liệu liên quan đến quá trình tổ chức và hoạt động của các Công ty bị hợp nhất phải được chuyển giao cho Công Ty Hợp Nhất. Các Bên đồng thời thực hiện việc khóa sổ kế toán, kiểm kê tài sản, lập Báo cáo tài chính và bàn giao toàn bộ tài liệu kế toán cho Công Ty Hợp Nhất trên cơ sở Biên bản bàn giao.
- c. Việc chuyển giao tài sản và nghĩa vụ nợ phải được ghi nhận tại Biên bản bàn giao, xác nhận tình trạng Tài sản/Nghĩa vụ nợ theo từng danh mục Tài sản/Nghĩa vụ nợ. Hội đồng bàn giao tài sản của mỗi Bên liên đới chịu trách nhiệm trong trường hợp kê khai không đúng, không đầy đủ tình trạng tài sản, công nợ của mỗi Công ty trong Biên bản bàn giao.
- d. Tất cả các khoản tiền và khoản nợ (thuộc bất kỳ loại nào và bằng bất kỳ loại tiền tệ nào) đến hạn, còn nợ, phát sinh hoặc phải trả cho bên thứ ba nào của Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin, Công ty cổ phần Than Đèo Nai - Vinacomin tồn tại trước Ngày Hợp Nhất và đã được liệt kê tại Báo cáo kiểm toán và Bảng tổng hợp các thay đổi phát sinh sẽ được chuyển giao cho và trở thành nghĩa vụ của Công Ty Hợp Nhất. Công Ty Hợp Nhất có nghĩa vụ thanh toán đầy đủ đối với bên thứ ba đó.
- e. Đối với các tài sản phải đăng ký theo quy định của pháp luật (nếu có), Công Ty Hợp Nhất sẽ thực hiện các thủ tục cần thiết để nhận chuyển quyền sở hữu từ các Công ty bị hợp nhất sang Công Ty Hợp Nhất trong vòng 06 (sáu) tháng kể từ Ngày Hợp Nhất trên cơ sở phù hợp với các quy định pháp luật có liên quan.
- f. Vào Ngày Hợp Nhất, Công Ty Hợp Nhất căn cứ vào Biên bản bàn giao mở sổ kế toán, tổng hợp Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin, Công ty cổ phần Than Đèo Nai - Vinacomin thành Báo cáo tài chính của Công Ty Hợp Nhất.
- g. Kể từ Ngày Hợp Nhất, Công Ty Hợp Nhất sẽ kế thừa tất cả các quyền và nghĩa vụ Các Bên theo các hợp đồng còn hiệu lực giữa Bên A, Bên B với bên thứ ba trước Ngày Hợp

Nhất, và sẽ bị ràng buộc bởi các hợp đồng đó.

- h. Công Ty Hợp Nhất sẽ không có nghĩa vụ thanh toán bất cứ khoản tiền nào hoặc tài sản nào khác cho bất cứ tổ chức/cá nhân nào liên quan đến cổ phần của Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin, Công ty cổ phần Than Đèo Nai - Vinacomin.
 - i. Trong thời gian kể từ ngày ký Hợp đồng hợp nhất cho đến Ngày Hợp Nhất, hai Công ty vẫn hoạt động kinh doanh bình thường, vẫn thực hiện các nghĩa vụ về tài sản hoặc các nghĩa vụ khác theo hợp đồng đã ký kết, hoặc ký các hợp đồng cần thiết khác phục vụ hoạt động kinh doanh thường ngày, cũng như ban hành các quyết định nội bộ khác để điều hành các công việc thường ngày, tuy nhiên phải tuân thủ các cam kết và hạn chế khác mà các Công ty đã thống nhất và ghi nhận tại Hợp đồng hợp nhất.
 - j. DHDCD của Hai Công ty bị hợp nhất sẽ bầu thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Trưởng Ban Kiểm soát và bổ nhiệm Giám đốc của Công Ty Hợp Nhất. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Giám đốc của Công Ty Hợp Nhất sẽ được tính từ Ngày Hợp Nhất.
 - k. Kể từ ngày Ngày Ký kết Hợp đồng hợp nhất, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc của hai Công ty bị hợp nhất vẫn tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ của mình, phối hợp với nhau làm tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh của Mỗi Bên và sẽ chấm dứt mọi quyền và nghĩa vụ vào Ngày Hợp Nhất.
 - l. Công Ty Hợp Nhất sẽ không tham gia vào hoạt động vận hành, kinh doanh và quản lý của Mỗi Bên trong thời gian kể từ ngày Ngày Ký kết Hợp đồng hợp nhất đến Ngày Hợp Nhất.
- 7. Tỷ suất lợi nhuận trên vốn mỗi cổ phần trước và sau hợp nhất, so sánh giá thị trường với giá trị sau chuyển đổi**

Stt	Chỉ tiêu	TC6	TDN	Công ty Hợp nhất
1	Lợi nhuận sau thuế (31/12/2022) (triệu đồng)	1.574	49.566	
2	Số cổ phiếu đang lưu hành (cổ phiếu)	32.496.105	29.439.097	
3	Tỷ suất lợi nhuận trên vốn cổ phần	0,47%	13,16%	
4	Giá đóng cửa cổ phiếu tại ngày 31/12/2022	4.200 đồng/cp	7.000 đồng/cp	
5	Giá trị sau khi chuyển đổi (đồng)	N/A	N/A	619.352.020.000

8. Lộ trình hợp nhất và trình tự, thủ tục, điều kiện, tổ chức thực hiện chuyển đổi cổ phần

a. Lộ trình hợp nhất (dự kiến)

Công việc thực hiện	Thời gian
<p>Tổ chức ĐHĐCĐ của các bên công ty bị hợp nhất để thông qua việc hợp nhất.</p> <p>2 Công ty ký Hợp đồng hợp nhất tại ngày ĐHĐCĐ thông qua Hợp đồng hợp nhất.</p>	6 tuần (bao gồm cả thời gian chốt danh sách)
2 Công ty thực hiện công bố thông tin về nghị quyết, biên bản ĐHĐCĐ thông qua phương án, điều lệ và hợp đồng hợp nhất	Trong vòng 24h kể từ khi được thông qua
TC6 và TDN thông báo và gửi cho các chủ nợ và người lao động hợp đồng hợp nhất	Trong vòng 15 ngày kể từ khi ĐHĐCĐ thông qua hợp đồng hợp nhất.
2 Công ty cùng nộp hồ sơ xin ý kiến Ủy ban cạnh tranh quốc gia về tập trung kinh tế khi thực hiện hợp nhất	4 tuần
TC6 và TDN nộp hồ sơ và xin cấp phép của UBCKNN về phương án phát hành cổ phiếu để thực hiện hợp nhất.	8 tuần
2 Công ty công bố thông báo phát hành cổ phiếu hoán đổi	Trong vòng 7 ngày kể từ ngày có giấy phép chào bán chứng khoán ra công chúng của UBCKNN
2 Công ty thực hiện chốt danh sách cổ đông để thực hiện việc hoán đổi cổ phiếu	Gửi thông báo chốt danh sách đến Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam 8 ngày làm việc trước ngày chốt danh sách.
Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu gửi UBCKNN	Trong vòng 10 ngày kể từ ngày thực hiện hoán đổi cổ phiếu.
Hủy đăng ký giao dịch, lưu ký cổ phần của Công ty bị hợp nhất	2 tuần
Hoàn thiện hồ sơ đăng ký chính thức Công ty Hợp nhất nộp lên Sở Kế Hoạch và Đầu Tư ở tại địa phương nơi có trụ sở của Công ty Hợp nhất.	2 tuần
Chuyển giao toàn bộ tài sản, nợ, quyền và nghĩa vụ từ các công ty bị hợp nhất sang công ty Hợp nhất vào Ngày Hợp nhất	2 tuần
<ul style="list-style-type: none"> - Đăng ký cấp lại các giấy phép chuyên ngành - Đăng ký công ty đại chúng đối với Công ty Hợp nhất - Đăng ký lưu ký chứng khoán của Công ty Hợp nhất - Đăng ký giao dịch đối với Công ty Hợp nhất - Đăng ký quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng các tài sản phải 	4 tuần – 8 tuần

Công việc thực hiện	Thời gian
đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng.	

b. Thời hạn, thủ tục và điều kiện chuyển đổi cổ phần

- Kể từ ngày ĐHĐCĐ thông qua phương án hoán đổi cổ phiếu cho đến Ngày Đăng Ký Cuối Cùng, TC6 và TDN không được phát hành thêm, phân chia, tách, gộp cổ phần.
- TC6 và TDN phải xác định ngày chốt danh sách cổ đông của mỗi bên để tiến hành việc hoán đổi cổ phiếu thành cổ phiếu của Công ty Hợp Nhất (“Ngày Đăng Ký Cuối Cùng”).
- Kể từ Ngày Hợp Nhất: Mọi cổ phần do TC6, TDN đã phát hành và đang lưu hành trước thời điểm hoán đổi sẽ tự động bị hủy và chấm dứt tồn tại.
- Công ty Hợp nhất sẽ không thanh toán bất cứ khoản tiền nào hoặc tài sản nào khác cho bất cứ tổ chức/cá nhân nào liên quan đến cổ phần của TC6 và TDN.
- Việc chuyển giao cổ phiếu sẽ được thực hiện tại Trụ sở Công ty Hợp nhất, trong vòng 30 ngày kể từ Ngày Hợp Nhất.

c. Phương án huy động nguồn vốn, trong trường hợp tổ chức bị hợp nhất không đủ năng lực tài chính, để bảo đảm quyền lợi của các cổ đông phản đối, không đồng ý việc hợp nhất

Căn cứ Điều 132 và Điều 134 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, trong trường hợp cổ đông của TC6 và TDN không biểu quyết thông qua phương án hợp nhất thì sẽ có quyền yêu cầu công ty mua lại cổ phần. Tuy nhiên, công ty chỉ thực hiện mua lại khi có nguồn và sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại, công ty vẫn đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác.

B. PHƯƠNG ÁN BẢO VỆ QUYỀN LỢI, LỢI ÍCH HỢP PHÁP CỦA CÁC TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CÓ LIÊN QUAN

Phương án bảo vệ quyền lợi, lợi ích hợp pháp của cổ đông, chủ nợ, người lao động và các chức danh quản lý, khách hàng của TC6 và TDN: chi tiết theo dự thảo Phương án đính kèm.

C. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY BỊ HỢP NHẤT

1. Tiến hành thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính, kê khai tài sản, quyền, nghĩa vụ, lợi ích hợp pháp một cách trung thực, chính xác.
2. Không thực hiện tăng vốn làm ảnh hưởng đến tỷ lệ chuyển đổi cổ phần trong thời gian kể từ khi Hợp đồng hợp nhất có hiệu lực.
3. Không mở rộng ngành nghề kinh doanh, hoặc đầu tư vào một dự án nào mà không được sự đồng ý bằng văn bản của Bên còn lại kể từ ngày Hợp đồng hợp nhất có hiệu lực.
4. Không sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ, thay thế các chính sách, quy chế, quy định, quy trình quản lý, điều hành đang được áp dụng tại công ty kể từ ngày Hợp đồng hợp nhất có hiệu lực (bao gồm cả các quy định về tài chính, kế toán, kiểm toán...).
5. Phối hợp, kiểm soát việc thực hiện theo Hợp đồng hợp nhất.
6. Không ban hành bất kỳ văn bản nào gây cản trở việc hợp nhất.

10
NG
PH
ĐỀ
ACQ
- T.5

7. Giải quyết các khiếu nại, tranh chấp có liên quan đến việc hợp nhất và mọi hoạt động của mỗi Bên tính đến Ngày Hợp nhất.
8. Cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về số liệu các khoản nợ, tiền phải trả, nghĩa vụ tài chính và chi phí phát sinh của mỗi Bên tính đến Ngày Hợp nhất. Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Người đại diện theo pháp luật của mỗi Bên liên đới chịu trách nhiệm trong trường hợp kê khai không đúng, không đầy đủ tình trạng tài sản, công nợ của mỗi Bên.

D. THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH CỦA HĐQT

Sau khi được ĐHĐCĐ thông qua phương án hợp nhất, tỷ lệ hoán đổi cổ phiếu, dự thảo Hợp đồng hợp nhất, ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT 2 công ty thực hiện ký kết hợp đồng hợp nhất, và chỉnh sửa, bổ sung hợp đồng hợp nhất (nếu cần) để đảm bảo quyền lợi cao nhất cho Công ty và các cổ đông.

E. ĐIỀU LỆ CÔNG TY HỢP NHẤT

Dự thảo Điều lệ Công ty hợp nhất tuân theo quy định của Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 về hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

F. CÁC NỘI DUNG LIÊN QUAN TỚI THUẾ VÀ NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH ĐỐI VỚI NHÀ NƯỚC

Các công ty bị hợp nhất cần thực hiện quyết toán thuế, thực hiện hoàn thành đầy đủ nghĩa vụ đối với nhà nước trước khi chấm dứt hoạt động.

G. PHƯƠNG ÁN XỬ LÝ VÀ/HOẶC BỒI THƯỜNG TRONG TRƯỜNG HỢP MỘT BÊN BỊ HỢP NHẤT ĐƠN PHƯƠNG HỦY BỎ THỎA THUẬN HỢP NHẤT

Nếu một trong hai bên công ty bị hợp nhất đơn phương hủy bỏ thỏa thuận hợp nhất, bên vi phạm có trách nhiệm bồi thường cho bên kia bất kỳ khoản mất mát, thiệt hại nào do hành vi vi phạm thỏa thuận hợp nhất đã được kí kết của mình hoặc người đại diện của mình gây ra bao gồm nhưng không giới hạn tất cả các khoản chi phí, phí tổn liên quan đến việc ký kết, thực hiện và chấm dứt thỏa thuận hợp nhất.

H. ĐĂNG KÝ LƯU KÝ CỔ PHIẾU PHÁT HÀNH ĐỂ HOÁN ĐỔI CỦA CÔNG TY HỢP NHẤT TẠI TỔNG CÔNG TY LƯU KÝ VÀ BÙ TRỪ CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM VÀ ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỔ PHIẾU TRÊN HỆ THỐNG UPCOM CỦA SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Công ty hợp nhất có trách nhiệm đăng ký công ty đại chúng với UBCKNN sau khi đi vào hoạt động và đáp ứng các điều kiện theo quy định.

Toàn bộ số cổ phiếu phát hành để hoán đổi của Công ty hợp nhất sẽ được đăng ký lưu ký tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam và đăng ký giao dịch trên hệ thống UpCOM của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

I. THỜI GIAN THỰC HIỆN

Thời gian thực hiện dự kiến: trong năm 2024. ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT chủ động

triển khai các thủ tục để hợp nhất 2 Công ty trên cơ sở đảm bảo tuân thủ đúng các quy định của pháp luật hiện hành.

J. CÁC NỘI DUNG ỦY QUYỀN CHO HĐQT

ĐHĐCD ủy quyền cho Hội đồng quản trị triển khai các công việc liên quan đến hợp nhất công ty, bao gồm nhưng không giới hạn các công việc sau đây:

1. Hoàn thiện Phương án hợp nhất theo các nội dung mà ĐHĐCD bất thường đã thông qua, bao gồm nhưng không giới hạn ở Kết quả bầu cử thành viên HĐQT, Ban kiểm soát và bổ nhiệm Giám đốc, người đại diện theo pháp luật của Công ty hợp nhất;

2. Đàm phán, bổ sung và hoàn chỉnh Hợp đồng hợp nhất cho phù hợp với tình hình thực tế và các quy định pháp luật có liên quan giữa Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin và Công ty cổ phần Than Đèo Nai - Vinacomin;

3. Triển khai, xây dựng và thực hiện tất cả các thủ tục, tài liệu cần thiết để phát hành cổ phiếu thực hiện hoán đổi để thực hiện hợp nhất theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty;

4. Chủ động triển khai thực hiện các thủ tục nhằm đảm bảo việc hợp nhất Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin và Công ty cổ phần Than Đèo Nai - Vinacomin được tiến hành nhanh chóng và đảm bảo các quy định của pháp luật hiện hành;

5. Tổ chức, sắp xếp bộ máy hoạt động, nhân sự của Công ty hợp nhất để đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh được liên tục;

6. Phối hợp với Công ty hợp nhất thực hiện tất cả các thủ tục, tài liệu cần thiết để lưu ký và đăng ký giao dịch tập trung số cổ phiếu phát hành tại Tổng công ty Lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và trên hệ thống UpCOM của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội theo quy định của Pháp luật.



PHỤ LỤC 02
DỰ THẢO HỢP ĐỒNG HỢP NHẤT GIỮA
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CỘC SÁU – VINACOMIN
VÀ CÔNG TY CỔ PHẦN THAN ĐÈO NAI – VINACOMIN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG HỢP NHẤT
(Số:)

giữa

CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CỘC SÁU - VINACOMIN

và

CÔNG TY CỔ PHẦN THAN ĐÈO NAI - VINACOMIN

Quảng Ninh, tháng ... năm 202...

Hợp đồng hợp nhất này ("**Hợp đồng**") được lập và ký kết vào ngày ... tháng ... năm 202... ("**Ngày Ký Kết**") giữa và bởi các bên tham gia hợp nhất, gồm có:

BÊN A: CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CỘC SÁU - VINACOMIN (Bên A)

- Mã cổ phiếu: TC6
- Tên doanh nghiệp: CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CỘC SÁU - VINACOMIN
- Tên giao dịch tiếng Anh: VINACOMIN – COC SAU COAL JOINT STOCK COMPANY
- Trụ sở chính: Phường Cẩm Phú, Thị xã Cẩm Phá, Tỉnh Quảng Ninh
- Điện thoại: +84-(33) 3 862 062 Fax: +84-(33) 3 863 936
- Website: <http://www.cocsau.com>
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5700101002 thay đổi lần thứ 7 ngày 05/12/2019 và Giấy xác nhận nội dung đăng ký doanh nghiệp ngày 13/5/2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp.
- Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn Thuận Chức vụ: Giám đốc

Và

BÊN B: CÔNG TY CỔ PHẦN THAN ĐÈO NAI - VINACOMIN (Bên B)

- Mã Cổ phiếu: TDN
- Tên giao dịch tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN THAN ĐÈO NAI - VINACOMIN
- Tên giao dịch tiếng Anh: Vinacomin – Deo Nai Coal Joint Stock Company
- Trụ sở chính: Số 42, phố Kim Đồng, Phường Cẩm Tây, Thành phố Cẩm Phá, tỉnh Quảng Ninh
- Điện thoại: +84-(33) 3864 251 Fax: +84-(33) 3863 942
- Website: <http://www.deonai.com>
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5700101299 thay đổi lần thứ 4 ngày 22/12/2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp
- Đại diện theo pháp luật: Ông Đặng Thanh Bình Chức vụ: Giám đốc

(Bên A và Bên B sau đây được gọi chung là "**Các Bên**"/"**Hai Bên**" và được gọi riêng là "**Bên**"/"**Một Bên**"/"**Mỗi Bên**"/"**Công ty bị hợp nhất**").

Thông tin về các mối liên hệ giữa các doanh nghiệp bị hợp nhất:

- Quan hệ sở hữu chéo và quan hệ với người có liên quan của 2 Công ty bị hợp nhất: Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin và Công ty cổ phần Than Đèo Nai - Vinacomin đều là công ty con của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam
- Quan hệ kinh doanh và các quan hệ khác với bên thứ ba: Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin và Công ty cổ phần Than Đèo Nai - Vinacomin thường xuyên có quan hệ kinh doanh



với các công ty con, công ty liên doanh liên kết của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam.

CĂN CỨ PHÁP LÝ:

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng Khoán số 54/2019/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Than Đèo Nai - Vinacomin;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin số ... thông qua phương án hợp nhất và hợp đồng hợp nhất ngày ...;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Than Đèo Nai - Vinacomin số ... thông qua phương án hợp nhất và hợp đồng hợp nhất ngày ...;
- Căn cứ Nghị quyết Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin số ... thông qua hợp đồng hợp nhất ngày ...;
- Căn cứ Nghị quyết Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Than Đèo Nai - Vinacomin số ... thông qua hợp đồng hợp nhất ngày ...;
- Quyết định số 2006/QĐ-TTg ngày 12/12/2017 về việc Phê duyệt Đề án tái cơ cấu Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam giai đoạn 2017 – 2020;
- Quyết định số 1263/QĐ-TTg ngày 27/10/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án cơ cấu lại Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam đến năm 2025.

Với mục đích tái cấu trúc lại doanh nghiệp thông qua việc hợp nhất hai Bên để nâng cao vị thế của công ty sau hợp nhất và thống nhất tập trung quản lý các khu vực khai thác; tăng trưởng về quy mô của Công Ty Hợp Nhất, lành mạnh về tài chính; xây dựng lại bộ máy quản lý tập trung, hiệu quả; tiết giảm các chi phí; đồng thời, vẫn tiếp tục kế thừa được thương hiệu, lịch sử văn hóa của 2 công ty trước đó.

Trên cơ sở kết quả thương lượng, đàm phán giữa Hai Bên, Bên A và Bên B thống nhất ký kết Hợp đồng hợp nhất này với các nội dung điều khoản và điều kiện cụ thể như sau:

ĐIỀU 1. GIẢI THÍCH TỪ NGỮ VÀ QUY ƯỚC VIẾT TẮT

- 1.1. **Hợp đồng** là Hợp đồng hợp nhất được ký kết giữa Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin và Công ty cổ phần Than Đèo Nai – Vinacomin..

- 1.2. **Giao Dịch Hợp Nhất** là việc Bên A và Bên B hợp nhất thành Công Ty Hợp Nhất thông qua hoán đổi cổ phiếu của Bên A và Bên B lấy cổ phiếu của Công Ty Hợp Nhất. Sau khi việc hợp nhất được hoàn thành, Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin và Công ty cổ phần Than Đèo Nai - Vinacomin chấm dứt tồn tại, chuyển toàn bộ quyền và lợi ích hợp pháp, trách nhiệm về các nghĩa vụ, các khoản nợ chưa thanh toán, hợp đồng lao động và các nghĩa vụ tài sản khác sang Công Ty Hợp Nhất.
- 1.3. **Công Ty Hợp Nhất** là công ty được hình thành từ Giao Dịch Hợp Nhất.
- 1.4. **Công ty bị hợp nhất** là Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin và Công ty cổ phần Than Đèo Nai - Vinacomin.
- 1.4. **Cổ phần** là phần vốn được chia bằng nhau từ vốn điều lệ của công ty cổ phần.
- 1.5. **Cổ phiếu** là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành.
- 1.6. **Chủ nợ** là cá nhân, cơ quan, tổ chức có quyền yêu cầu doanh nghiệp, hợp tác xã thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ.
- 1.7. **Phương án hợp nhất** là toàn bộ nội dung về các vấn đề các Bên phải thực hiện liên quan đến việc hợp nhất, đã được Đại hội đồng Cổ đông của Các Bên thông qua một cách hợp pháp. Phương án hợp nhất là một cấu phần của bộ hồ sơ đề nghị Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận hợp nhất.
- 1.8. **Ngày Hợp Nhất** là ngày Công Ty Hợp Nhất nhận được Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Doanh Nghiệp.
- 1.9. **Ngày Đăng Ký Cuối Cùng** là ngày chốt danh sách cổ đông đồng thời của cả Bên A và Bên B để tiến hành việc hoán đổi cổ phần.
- 1.10. **Ngày Hoàn thành** là ngày mà tất cả các điều kiện tại Điều 3.5 Hợp đồng này được đáp ứng toàn bộ.
- 1.11. **DHĐCD** là Đại hội đồng cổ đông.
- 1.12. **HDQT** là Hội đồng quản trị.
- 1.13. **BKS** là Ban kiểm soát.
- 1.14. **GCNĐKDN** là Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Doanh Nghiệp.
- 1.15. **TC6** là mã Cổ phiếu Công ty Cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin
- 1.16. **TDN** là mã Cổ phiếu Công ty Cổ phần Than Đèo Nai - Vinacomin
- 1.17. **UBCKNN** là Ủy ban chứng khoán nhà nước.

ĐIỀU 2. THÔNG TIN CÔNG TY HỢP NHẤT

- 2.1. Bên A và Bên B sẽ hợp nhất thành Công Ty Hợp Nhất bằng cách hoán đổi cổ phiếu của Bên A và Bên B lấy cổ phiếu của Công Ty Hợp Nhất. Vào Ngày Hợp Nhất, Bên A và Bên B chấm

dứt tồn tại, Công Ty Hợp Nhất được hưởng toàn bộ tài sản, quyền, lợi ích hợp pháp và chịu trách nhiệm về các nghĩa vụ, các khoản nợ chưa thanh toán, hợp đồng lao động và các nghĩa vụ tài sản khác của Bên A và Bên B. Thông tin về Công Ty Hợp Nhất như sau:

Thông tin dự kiến:

- Tên doanh nghiệp bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN THAN ĐÈO NAI - CỘC SÁU - TKV
- Tên doanh nghiệp bằng tiếng Anh: DEO NAI - COC SAU - TKV COAL JOINT STOCK COMPANY
- Tên doanh nghiệp viết tắt: THAN ĐÈO NAI - CỘC SÁU
- Trụ sở chính: Số 42, phố Kim Đồng, phường Cẩm Tây, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh
- Website:.....

2.2. Ngành nghề, phạm vi hoạt động kinh doanh của Công Ty Hợp Nhất:

STT	Mã ngành kinh doanh	Ngành nghề kinh doanh của Công ty Hợp nhất (dự kiến)	Ngành nghề kinh doanh của TDN	Ngành nghề kinh doanh của TC6
1	0510	Khai thác và thu gom than cứng	Khai thác và thu gom than cứng	Khai thác và thu gom than cứng
2	0520	Khai thác và thu gom than non	Khai thác và thu gom than non	Khai thác và thu gom than non
3	0710	Khai thác quặng sắt	Khai thác quặng sắt	Khai thác quặng sắt
4	0722	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt	
5	0810	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét
6	0892	Khai thác và thu gom than bùn		Khai thác và thu gom than bùn
7	0990	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác		Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác
8	0321	Nuôi trồng thủy sản biển	Nuôi trồng thủy sản biển	Nuôi trồng thủy sản biển
9	1104	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng		Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng

STT	Mã ngành kinh doanh	Ngành nghề kinh doanh của Công ty Hợp nhất (dự kiến)	Ngành nghề kinh doanh của TDN	Ngành nghề kinh doanh của TC6
10	2211	Sản xuất sẫm, lớp cao su; đắp và tái chế lớp cao su	Sản xuất sẫm, lớp cao su; đắp và tái chế lớp cao su	Sản xuất sẫm, lớp cao su; đắp và tái chế lớp cao su
11	2219	Sản xuất sản phẩm khác từ cao su		Sản xuất sản phẩm khác từ cao su
12	2392	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	
13	2511	Sản xuất các cấu kiện kim loại		Sản xuất các cấu kiện kim loại
14	2591	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại		Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại
15	2592	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	
16	2824	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng		Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng
17	3311	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn		
18	3312	Sửa chữa máy móc, thiết bị	Sửa chữa máy móc, thiết bị	Sửa chữa máy móc, thiết bị
19	3313	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học		Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học
20	3314	Sửa chữa thiết bị điện		Sửa chữa thiết bị điện
21	3315	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)		Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)
22	3319	Sửa chữa thiết bị khác		Sửa chữa thiết bị khác
23	3320	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp.		Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp.



STT	Mã ngành kinh doanh	Ngành nghề kinh doanh của Công ty Hợp nhất (dự kiến)	Ngành nghề kinh doanh của TDN	Ngành nghề kinh doanh của TC6
24	3512	Truyền tải và phân phối điện		Truyền tải và phân phối điện
25	3600	Khai thác, xử lý và cung cấp nước		Khai thác, xử lý và cung cấp nước
26	3700	Thoát nước và xử lý nước thải		Thoát nước và xử lý nước thải
27	4101	Xây dựng nhà để ở		Xây dựng nhà để ở
28	4102	Xây dựng nhà không để ở		Xây dựng nhà không để ở
29	4211	Xây dựng công trình đường sắt	Xây dựng công trình đường sắt	
30	4212	Xây dựng công trình đường bộ	Xây dựng công trình đường bộ	
31	4291	Xây dựng công trình thủy		
32	4292	Xây dựng công trình khai khoáng		
33	4293	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo.		
34	4299	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	
35	4311	Phá dỡ		Phá dỡ
36	4312	Chuẩn bị mặt bằng	Chuẩn bị mặt bằng	Chuẩn bị mặt bằng
37	4321	Lắp đặt hệ thống điện		Lắp đặt hệ thống điện
38	4520	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác
39	4663	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng
40	4912	Vận tải hàng hóa đường sắt	Vận tải hàng hóa đường sắt	Vận tải hàng hóa đường sắt

STT	Mã ngành kinh doanh	Ngành nghề kinh doanh của Công ty Hợp nhất (dự kiến)	Ngành nghề kinh doanh của TDN	Ngành nghề kinh doanh của TC6
41	4931	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)		Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)
42	4933	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ
43	5022	Vận tải hàng hoá đường thủy nội địa	Vận tải hàng hoá đường thủy nội địa	Vận tải hàng hoá đường thủy nội địa
44	5210	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa		Kho bãi và lưu giữ hàng hóa
45	5222	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy - Quản lý khai thác cảng và bến thủy nội địa.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy - Quản lý khai thác cảng và bến thủy nội địa.	
46	5510	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày
47	5610	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống, phục vụ lưu động	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống, phục vụ lưu động	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống, phục vụ lưu động
48	5621	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng		Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng
49	6810	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Cho thuê điều hành, quản lý nhà và đất không để ở.		
50	7730	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển.		

01
JG
PH
ĐỀ
ACC
T-T

2.3. Người đại diện theo pháp luật, Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Giám đốc của Công Ty Hợp Nhất do ĐHĐCĐ hai Công ty bị hợp nhất bầu, thông qua.

2.4. Vốn điều lệ

- Vốn điều lệ của Công Ty Hợp Nhất là: 619.352.020.000 đồng (Sáu trăm mười chín tỷ, ba trăm năm mươi hai triệu, không trăm hai mươi nghìn đồng)
- Số lượng cổ phiếu dự kiến lưu hành: 61.935.202 cổ phần
- Loại cổ phần: phổ thông
- Mệnh giá mỗi cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần

2.5. Điều lệ Công Ty Hợp Nhất

Dự thảo Điều lệ Công Ty Hợp Nhất do Các Bên xây dựng và được Đại hội đồng cổ đông Các Bên thông qua. Sau Ngày Hợp Nhất, dự thảo Điều lệ này sẽ trở thành Điều lệ Công Ty Hợp Nhất.

ĐIỀU 3. HỢP NHẤT CÔNG TY

3.1. Hình thức hợp nhất

- a. Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin, Công ty cổ phần Than Đèo Nai - Vinacomin sẽ hợp nhất thành một pháp nhân mới là Công Ty Hợp Nhất thông qua hoán đổi cổ phiếu TC6 và cổ phiếu TDN lấy cổ phiếu của Công Ty Hợp Nhất theo Hợp đồng hợp nhất này. Vào Ngày Hợp Nhất, Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin và Công ty cổ phần Than Đèo Nai - Vinacomin chấm dứt tồn tại, chuyển toàn bộ quyền và lợi ích hợp pháp, các khoản nợ chưa thanh toán, hợp đồng lao động và các nghĩa vụ khác cho Công Ty Hợp Nhất.
- b. Tỷ lệ hoán đổi cổ phiếu để thực hiện hợp nhất sẽ được tính toán dựa trên kết quả định giá của các Công ty bị hợp nhất thực hiện bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY, vốn điều lệ của các Công ty bị hợp nhất và vốn điều lệ của Công ty Hợp nhất.

3.2. Phương pháp kế toán hợp nhất

Giá trị tài sản, nợ phải trả, vốn chủ sở hữu của Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin, Công ty cổ phần Than Đèo Nai - Vinacomin sẽ được chuyển giao cho Công Ty Hợp Nhất bằng cách hợp cộng trên sổ kế toán, với các nguyên tắc cơ bản sau:

- a. Vốn chủ sở hữu của Công Ty Hợp Nhất sẽ bằng tổng Giá trị tài sản thuần của hai Công ty bị hợp nhất tại ngày Ngày Hợp Nhất. Giá trị tài sản thuần này là chênh lệch giữa Tổng tài sản và Tổng nợ phải trả tại Ngày Hợp Nhất. Như vậy:
 - Vốn điều lệ của Công Ty Hợp Nhất sẽ bằng tổng vốn điều lệ của hai Công ty bị hợp nhất;
 - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Công Ty Hợp Nhất được xác định bằng tổng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Bên A và Bên B;
 - Các nguồn quỹ của Công Ty Hợp Nhất được xác định bằng tổng các nguồn quỹ của hai Công ty bị hợp nhất.

- b. Tài sản và nợ phải trả của Công Ty Hợp Nhất được xác định bằng cách hợp cộng tài sản và nợ phải trả của Bên A và Bên B tại Ngày Hợp Nhất.

3.3. Thời gian hợp nhất

Sau khi UBCKNN, Cơ quan đăng ký kinh doanh chấp thuận việc hợp nhất giữa Bên A và Bên B, Các Bên thực hiện các công việc cần thiết theo quy định của Hợp đồng này, các quy định khác của pháp luật để hoàn tất Giao Dịch Hợp Nhất.

3.4. Điều kiện hợp nhất

Các Bên tham gia thực hiện hợp nhất khi thỏa mãn các điều kiện sau đây:

- a. Phương án hợp nhất, Hợp đồng hợp nhất, Dự thảo Điều lệ Công Ty Hợp Nhất và phương án hoạt động kinh doanh sau hợp nhất được ĐHĐCĐ của Hai Bên thông qua và được đại diện có thẩm quyền của Hai Bên ký kết Hợp đồng hợp nhất.
- b. Các Công ty bị hợp nhất đã thông báo về giao dịch hợp nhất và gửi các tài liệu liên quan cho các chủ nợ, bao gồm nhưng không giới hạn các ngân hàng, tổ chức cung cấp tín dụng, các ngân hàng, tổ chức, cá nhân hiện đang nhận tài sản bảo đảm hay bảo lãnh hoặc các biện pháp bảo đảm khác và các trái chủ (nếu có).
- c. Các Công ty bị hợp nhất đã thông báo về Giao Dịch Hợp Nhất cho tất cả người lao động của Công ty theo quy định của pháp luật.
- d. Giao dịch Hợp nhất này không vi phạm điều cấm của Luật Cạnh Tranh về tập trung kinh tế.
- e. Tất cả các phê chuẩn, chấp thuận cần thiết từ các cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước có thẩm quyền hay từ bất kỳ bên thứ ba nào đều đã đạt được quy định pháp luật, bao gồm nhưng không giới hạn ở Giấy Chứng Nhận Đăng ký Chào bán Cổ Phiếu hoán đổi để hợp nhất ("Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Chào Bán") do UBCKNN cấp để thực hiện việc hoán đổi cổ phiếu theo Hợp đồng hợp nhất.
- f. Các Bên đã tiến hành việc công bố thông tin cần thiết về Giao dịch Hợp nhất theo quy định của pháp luật hiện hành.

3.5. Thủ tục hợp nhất

Giao Dịch Hợp Nhất được thực hiện theo quy định tại Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và các văn bản pháp luật khác có liên quan, theo đó, Các Bên cần chuẩn bị:

- a. Dự thảo Phương án hợp nhất, Hợp đồng hợp nhất và Dự thảo Điều lệ Công Ty Hợp Nhất;
- b. Tổ chức phiên họp ĐHĐCĐ để thông qua Phương án hợp nhất; Hợp đồng hợp nhất; Dự thảo Điều lệ Công Ty Hợp Nhất; dự kiến Nhân sự tham gia Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Giám đốc, Người đại diện theo pháp luật của Công Ty Hợp Nhất.
- c. Nộp hồ sơ thông báo về việc hợp nhất lên Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia.
- d. Nộp hồ sơ đăng ký phát hành cổ phiếu để hoán đổi theo hợp đồng hợp nhất lên UBCKNN.



- c. Sau khi nhận được Giấy Chứng Nhận Đăng ký Chào bán Cổ Phiếu hoán đổi để hợp nhất do UBCKNN cấp, Hai Bên sẽ cùng nhau xác định Ngày Đăng Ký Cuối Cùng để tiến hành việc hoán đổi cổ phần.
- f. Nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp thành lập Công Ty Hợp Nhất.
- g. Hai Bên sẽ tiến hành bàn giao tài sản, quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp sang Công Ty Hợp Nhất ngoại trừ các tài sản phải đăng ký chuyển quyền sở hữu như quy định tại Điều 5.5 của Hợp đồng này.

3.6. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công Ty Hợp Nhất

- a. ĐHĐCĐ của Hai Công ty bị hợp nhất sẽ bầu thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Trưởng Ban Kiểm soát và bổ nhiệm Giám đốc của Công Ty Hợp Nhất. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Giám đốc của Công Ty Hợp Nhất sẽ được tính từ Ngày Hợp Nhất.
- b. Kể từ ngày Ngày Ký kết Hợp đồng này, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc của hai Công ty bị hợp nhất vẫn tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ của mình, phối hợp với nhau làm tăng hiệu quả sản xuất của Mỗi Bên và sẽ chấm dứt mọi quyền và nghĩa vụ vào Ngày Hợp Nhất.
- c. Công Ty Hợp Nhất sẽ không tham gia vào hoạt động vận hành, kinh doanh và quản lý của Mỗi Bên trong thời gian kể từ ngày Ngày Ký kết Hợp đồng này đến Ngày Hợp Nhất

ĐIỀU 4. PHƯƠNG ÁN HOÁN ĐỔI CỔ PHẦN

4.1. Phương pháp xác định tỷ lệ hoán đổi cổ phần:

- a. **Vốn điều lệ Công Ty Hợp Nhất = Tổng vốn điều lệ của các Công ty bị hợp nhất.**
- b. Trên cơ sở giá trị phần vốn chủ sở hữu theo kết quả thẩm định giá của các Công ty bị hợp nhất (Giá trị tài sản thuần định giá), tỷ trọng tương quan của kết quả này trong tổng giá trị để tính toán số lượng cổ phần phát hành của Công Ty Hợp Nhất nhằm mục đích hoán đổi lấy cổ phần của các Công ty bị hợp nhất. Cụ thể:
 - Số lượng cổ phần của Công ty Hợp nhất phát hành để hoán đổi lấy cổ phần của Bên A = Tỷ trọng vốn chủ sở hữu định giá lại của Bên A x số lượng cổ phần của Công ty Hợp nhất
 - Số lượng cổ phần của Công ty Hợp nhất phát hành để hoán đổi lấy cổ phần của Bên B = Tỷ trọng vốn chủ sở hữu định giá lại của Bên B x số lượng cổ phần của Công ty Hợp nhất
 - Tỷ lệ hoán đổi của cổ đông Bên A, Bên B = Số lượng cổ phần của Công ty Hợp nhất phát hành để hoán đổi lấy cổ phần của Bên A, Bên B / Số cổ phần đang lưu hành của Công ty bị Hợp nhất đó
 - Số lượng cổ phần Công ty Hợp nhất mà cổ đông Bên A, Bên B được nhận = Tỷ lệ hoán đổi của cổ đông Bên A, Bên B x Số lượng cổ phần Bên A, Bên B thuộc sở hữu của cổ đông đó.

4.2. Tỷ lệ chuyển đổi dự kiến:

Công Ty Hợp Nhất sẽ phát hành cổ phiếu để hoán đổi lấy toàn bộ số cổ phiếu đang lưu hành của các Công ty bị hợp nhất theo phương thức dưới đây và đã được Đại hội đồng cổ đông các Công ty bị hợp nhất thông qua. Theo đó, tất cả các cổ đông hiện hữu của các Công ty bị hợp nhất sẽ trở thành cổ đông của Công Ty Hợp Nhất thông qua việc sở hữu cổ phiếu Công Ty Hợp Nhất phát hành theo Phương án phát hành cổ phiếu để hoán đổi, cụ thể như sau:

- Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty cổ phần Than Đèo Nai - Cọc Sáu - TKV
- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành: 61.935.202 cổ phiếu
- Tổng giá trị dự kiến phát hành theo mệnh giá: 619.352.020.000 đồng
- Đối tượng phát hành: Cổ đông hiện hữu của Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin, Công ty cổ phần Than Đèo Nai - Vinacomin theo danh sách cổ đông tại thời điểm chốt danh sách cổ đông để thực hiện việc hoán đổi.
- Phương thức phát hành: Công Ty Hợp Nhất sẽ phát hành 61.935.202 cổ phiếu để hoán đổi lấy toàn bộ cổ phiếu của các cổ đông trong các Công ty bị hợp nhất, trong đó:
 - Tỷ lệ hoán đổi đối với cổ đông Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin là 01 cổ phần của Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin sẽ được hoán đổi với 01 cổ phiếu Công Ty Hợp Nhất.
 - ✓ Tỷ lệ hoán đổi đối với cổ đông Công ty cổ phần Than Đèo Nai - Vinacomin là 01 cổ phiếu của Công ty cổ phần Than Đèo Nai - Vinacomin sẽ được hoán đổi với 01 cổ phiếu Công Ty Hợp Nhất.

Ví dụ: vào ngày chốt danh sách cổ đông của Bên A để thực hiện hoán đổi cổ phiếu, cổ đông Nguyễn Văn A hiện đang sở hữu 123 cổ phiếu Bên A. Khi đó, cổ đông A sẽ được hưởng 123 quyền, 123 quyền này sẽ được hoán đổi lấy số cổ phiếu của Công Ty Hợp Nhất tương ứng là $123 \times 1 = 123$ cổ phiếu.

- Toàn bộ số cổ phiếu phát hành để thực hiện hoán đổi không bị hạn chế chuyển nhượng.

4.3. Trình tự, thủ tục và điều kiện chuyển đổi cổ phần

- a. Kể từ ngày ĐHĐCD của mỗi Bên thông qua phương án hoán đổi cổ phiếu cho đến Ngày Đăng Ký Cuối Cùng, Bên A và Bên B không được phát hành thêm, phân chia, tách, gộp cổ phần.
- b. Bên A và Bên B phải xác định ngày chốt danh sách cổ đông của Mỗi Bên để tiến hành việc hoán đổi cổ phiếu thành cổ phiếu của Công Ty Hợp Nhất (“Ngày Đăng Ký Cuối Cùng”) và thông báo Ngày Đăng Ký Cuối Cùng đến các cổ đông hiện hữu của mình. Mỗi Bên có trách nhiệm bàn giao danh sách cổ đông chốt tại Ngày Đăng Ký Cuối Cùng của mình cho Công Ty Hợp Nhất.

Công Ty Hợp Nhất sẽ phát hành cổ phiếu để hoán đổi lấy toàn bộ số cổ phiếu đang lưu hành của các Công ty bị hợp nhất theo phương thức dưới đây và đã được Đại hội đồng cổ đông các Công ty bị hợp nhất thông qua. Theo đó, tất cả các cổ đông hiện hữu của các Công ty bị hợp nhất sẽ trở thành cổ đông của Công Ty Hợp Nhất thông qua việc sở hữu cổ phiếu Công Ty Hợp Nhất phát hành theo Phương án phát hành cổ phiếu để hoán đổi, cụ thể như sau:

- Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Đèo Nai - TKV
- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành: 61.935.202 cổ phiếu
- Tổng giá trị dự kiến phát hành theo mệnh giá: 619.352.020.000 đồng
- Đối tượng phát hành: Cổ đông hiện hữu của Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin, Công ty cổ phần Than Đèo Nai - Vinacomin theo danh sách cổ đông tại thời điểm chốt danh sách cổ đông để thực hiện việc hoán đổi.
- Phương thức phát hành: Công Ty Hợp Nhất sẽ phát hành 61.935.202 cổ phiếu để hoán đổi lấy toàn bộ cổ phiếu của các cổ đông trong các Công ty bị hợp nhất, trong đó:
 - Tỷ lệ hoán đổi đối với cổ đông Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin là 01 cổ phần của Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin sẽ được hoán đổi với 01 cổ phiếu Công Ty Hợp Nhất.
 - ✓ Tỷ lệ hoán đổi đối với cổ đông Công ty cổ phần Than Đèo Nai - Vinacomin là 01 cổ phiếu của Công ty cổ phần Than Đèo Nai - Vinacomin sẽ được hoán đổi với 01 cổ phiếu Công Ty Hợp Nhất.

Ví dụ: vào ngày chốt danh sách cổ đông của Bên A để thực hiện hoán đổi cổ phiếu, cổ đông Nguyễn Văn A hiện đang sở hữu 123 cổ phiếu Bên A. Khi đó, cổ đông A sẽ được hưởng 123 quyền, 123 quyền này sẽ được hoán đổi lấy số cổ phiếu của Công Ty Hợp Nhất tương ứng là $123 \times 1 = 123$ cổ phiếu.

- Toàn bộ số cổ phiếu phát hành để thực hiện hoán đổi không bị hạn chế chuyển nhượng.

4.3. Trình tự, thủ tục và điều kiện chuyển đổi cổ phần

- a. Kể từ ngày DHDCĐ của mỗi Bên thông qua phương án hoán đổi cổ phiếu cho đến Ngày Đăng Ký Cuối Cùng, Bên A và Bên B không được phát hành thêm, phân chia, tách, gộp cổ phần.
- b. Bên A và Bên B phải xác định ngày chốt danh sách cổ đông của Mỗi Bên để tiến hành việc hoán đổi cổ phiếu thành cổ phiếu của Công Ty Hợp Nhất ("Ngày Đăng Ký Cuối Cùng") và thông báo Ngày Đăng Ký Cuối Cùng đến các cổ đông hiện hữu của mình. Mỗi Bên có trách nhiệm bàn giao danh sách cổ đông chốt tại Ngày Đăng Ký Cuối Cùng của mình cho Công Ty Hợp Nhất.

- c. Sau Ngày Hợp Nhất, mọi cổ phiếu do Bên A, Bên B đã phát hành và đang lưu hành trước thời điểm hoán đổi sẽ tự động bị hủy niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà nội và chấm dứt tồn tại.
- d. Việc chuyển giao cổ phiếu sẽ được thực hiện tại Trụ sở Công Ty Hợp Nhất, trong vòng 30 ngày kể từ Ngày Hợp Nhất. Cổ đông của Bên A và cổ đông của Bên B sẽ được nhận Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần Công Ty Hợp Nhất. Toàn bộ Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần/Sổ cổ đông của Bên A và Bên B sẽ được tự động hủy ngay sau khi Công Ty Hợp Nhất nhận bàn giao.
- e. Công Ty Hợp Nhất có trách nhiệm thực hiện các thủ tục đăng ký, lưu ký cổ phiếu của Công Ty Hợp Nhất tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam và đăng ký giao dịch cổ phiếu trên hệ thống giao dịch Upcom. Công Ty Hợp Nhất sẽ đăng ký niêm yết cổ phiếu lên Sở giao dịch chứng khoán khi đáp ứng đủ các điều kiện niêm yết theo quy định của pháp luật hiện hành.

ĐIỀU 5. THỜI HẠN, THỦ TỤC VÀ ĐIỀU KIỆN CHUYỂN ĐỔI TÀI SẢN

Toàn bộ tài sản, quyền và lợi ích hợp pháp của các Bên được coi là đã chuyển giao cho Công Ty Hợp Nhất vào Ngày Hợp Nhất tính theo giá trị sổ sách tại Ngày Hợp Nhất.

- m. Vào Ngày Hợp Nhất, Bên A và Bên B sẽ lập Hội đồng bàn giao tài sản gồm Người đại diện theo pháp luật, các thành viên HĐQT, đại diện Ban kiểm soát của từng Bên (nếu có). Hội đồng bàn giao tài sản có trách nhiệm bảo quản, thống kê, ký Biên bản bàn giao với Hội đồng tiếp nhận tài sản của Công Ty Hợp Nhất. Hội đồng tiếp nhận tài sản gồm Người đại diện theo pháp luật, các thành viên HĐQT của Công Ty Hợp Nhất.
- n. Vào Ngày Hợp Nhất, toàn bộ hồ sơ, tài liệu liên quan đến quá trình tổ chức và hoạt động của các Công ty bị hợp nhất phải được chuyển giao cho Công Ty Hợp Nhất. Các Bên đồng thời thực hiện việc khóa sổ kế toán, kiểm kê tài sản, lập Báo cáo tài chính và bàn giao toàn bộ tài liệu kế toán cho Công Ty Hợp Nhất trên cơ sở Biên bản bàn giao.
- o. Việc chuyển giao tài sản và nghĩa vụ nợ phải được ghi nhận tại Biên bản bàn giao, xác nhận tình trạng Tài sản/Nghĩa vụ nợ theo từng danh mục Tài sản/Nghĩa vụ nợ. Hội đồng bàn giao tài sản của mỗi Bên liên đới chịu trách nhiệm trong trường hợp kê khai không đúng, không đầy đủ tình trạng tài sản, công nợ của mỗi Bên trong Biên bản bàn giao.
- p. Tất cả các khoản tiền và khoản nợ (thuộc bất kỳ loại nào và bằng bất kỳ loại tiền tệ nào) đến hạn, còn nợ, phát sinh hoặc phải trả cho bên thứ ba nào của Bên A, Bên B tồn tại trước Ngày Hợp Nhất và đã được liệt kê tại Báo cáo kiểm toán và Bảng tổng hợp các thay đổi phát sinh sẽ được chuyển giao cho và trở thành nghĩa vụ của Công Ty Hợp Nhất. Công Ty Hợp Nhất có nghĩa vụ thanh toán đầy đủ đối với bên thứ ba đó.
- q. Đối với các tài sản phải đăng ký theo quy định của pháp luật (nếu có), Công Ty Hợp Nhất sẽ thực hiện các thủ tục cần thiết để nhận chuyển quyền sở hữu từ các Công ty bị hợp nhất sang

Công Ty Hợp Nhất trong vòng 06 (sáu) tháng kể từ Ngày Hợp Nhất trên cơ sở phù hợp với các quy định pháp luật có liên quan.

- r. Vào Ngày Hợp Nhất, Công Ty Hợp Nhất căn cứ vào Biên bản bàn giao mở sổ kế toán, tổng hợp Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin, Công ty cổ phần Than Đèo Nai - Vinacomin thành Báo cáo tài chính của Công Ty Hợp Nhất.
- s. Kể từ Ngày Hợp Nhất, Công Ty Hợp Nhất sẽ kế thừa tất cả các quyền và nghĩa vụ Các Bên theo các hợp đồng còn hiệu lực giữa Bên A, Bên B với bên thứ ba trước Ngày Hợp Nhất, và sẽ bị ràng buộc bởi các hợp đồng đó.
- t. Công Ty Hợp Nhất sẽ không có nghĩa vụ thanh toán bất cứ khoản tiền nào hoặc tài sản nào khác cho bất cứ tổ chức/cá nhân nào liên quan đến cổ phần của Bên A, Bên B.
- u. Trong thời gian kể từ ngày ký Hợp đồng này cho đến Ngày Hợp Nhất, các Bên vẫn hoạt động kinh doanh bình thường, vẫn thực hiện các nghĩa vụ về tài sản hoặc các nghĩa vụ khác theo hợp đồng đã ký kết, hoặc ký các hợp đồng cần thiết khác phục vụ hoạt động kinh doanh thường ngày, cũng như ban hành các quyết định nội bộ khác để điều hành các công việc thường ngày, tuy nhiên phải tuân thủ các cam kết và hạn chế khác mà các Bên đã thống nhất và ghi nhận tại Hợp đồng này.

ĐIỀU 6. PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG LAO ĐỘNG

- 6.1. Trong vòng 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày ĐHĐCĐ thông qua Hợp đồng Hợp nhất, các Công ty bị hợp nhất có trách nhiệm thông báo cho tất cả người lao động biết về việc hợp nhất giữa Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin, Công ty cổ phần Than Đèo Nai - Vinacomin.
- 6.2. Sau Ngày Hợp Nhất, Công Ty Hợp Nhất có trách nhiệm lập kế hoạch sử dụng và sắp xếp, giải quyết lao động trên cơ sở phù hợp với điều kiện hoạt động của Công Ty Hợp Nhất, phù hợp với trình độ, năng lực của người lao động và phù hợp với các quy định của pháp luật về lao động. Đối với người lao động không muốn làm việc tại Công Ty Hợp Nhất, Công Ty Hợp Nhất sẽ chấm dứt hợp đồng lao động với họ theo quy định pháp luật hiện hành. Đồng thời, Công Ty Hợp Nhất sẽ đảm bảo chế độ làm việc, thu nhập và phúc lợi cho người lao động tối thiểu đạt mức hiện tại của họ trước thời điểm hợp nhất.
- 6.3. Vào Ngày Hợp Nhất, toàn bộ người lao động của Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin, Công ty cổ phần Than Đèo Nai - Vinacomin sẽ trở thành người lao động của Công Ty Hợp Nhất. Công Ty Hợp Nhất có nghĩa vụ thừa nhận, tôn trọng và cam kết tiếp tục kế thừa các hợp đồng lao động của người lao động của Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin, Công ty cổ phần Than Đèo Nai - Vinacomin. Đồng thời, Công Ty Hợp Nhất sẽ đảm bảo chế độ làm việc, thu nhập và phúc lợi cho người lao động tối thiểu đạt mức hiện tại của họ trước thời điểm hợp nhất.

ĐIỀU 7. PHƯƠNG ÁN BẢO VỆ QUYỀN LỢI CỦA CỔ ĐÔNG, NHÀ ĐẦU TƯ, CHỦ NỢ

- 7.1. Đối với cổ đông không thông qua phương án hợp nhất:

Cổ đông các Công ty bị hợp nhất không thông qua phương án hợp nhất có quyền yêu cầu công ty mua lại theo quy định tại Điều 132, Điều 134 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, phù hợp với Điều lệ, quy định nội bộ của Mỗi Bên.

7.2. Đối với chủ nợ:

Trong vòng 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày ĐHCĐ Các Bên thông qua Hợp đồng hợp nhất, các Công ty bị hợp nhất có trách nhiệm gửi Hợp đồng hợp nhất đến tất cả các chủ nợ ("**Các Chủ Nợ**"). Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin và Công ty cổ phần Than Đèo Nai - Vinacomin cần:

- Gửi văn bản thông báo cho Các Chủ Nợ về việc hợp nhất; và
- Gửi thông báo và xin chấp thuận từ Các Chủ Nợ cho việc các Công ty bị hợp nhất chuyển giao nghĩa vụ thanh toán cho Công Ty Hợp Nhất (đối với các thỏa thuận vay giữa Bên A, Bên B và Các Chủ Nợ yêu cầu việc chuyển giao nghĩa vụ thanh toán của các Công ty bị hợp nhất phải xin ý kiến của Các Chủ Nợ đó).

Kể từ Ngày Hợp Nhất, Công Ty Hợp Nhất sẽ kế thừa nghĩa vụ và chịu trách nhiệm thanh toán đối với Các Chủ Nợ.

7.3. Đối với khách hàng:

Các Công ty bị hợp nhất cần tiến hành các công việc sau:

- a. Gửi văn bản thông báo về việc hợp nhất cho các khách hàng có hợp đồng còn hiệu lực với Mỗi Bên; và
- b. Gửi thông báo hoặc xin chấp thuận từ các khách hàng cho việc các Công ty bị hợp nhất chuyển giao quyền lợi, nghĩa vụ cho Công Ty Hợp Nhất (đối với các hợp đồng/thỏa thuận giữa Bên A và Bên B và các khách hàng yêu cầu việc chuyển giao quyền lợi, nghĩa vụ của các Công ty bị hợp nhất phải được sự đồng thuận của các khách hàng đó).
- c. Toàn bộ Khách hàng của các Công ty bị hợp nhất sẽ được chuyển giao cho Công Ty Hợp Nhất. Công Ty Hợp Nhất kế thừa về nguyên tắc tất cả các quyền và nghĩa vụ của các Công ty bị hợp nhất đối với Khách hàng.
- d. Các Công ty bị hợp nhất và Công Ty Hợp Nhất cam kết cao nhất về đảm bảo mọi điều kiện giao dịch và quyền lợi, nghĩa vụ sẽ được thực hiện như đã giao kết với khách hàng trong và sau khi tiến hành Giao Dịch Hợp Nhất.

ĐIỀU 8. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN

Mỗi Bên trong Hợp đồng này có các quyền và nghĩa vụ như sau:

- 8.1. Tiến hành thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính, kê khai tài sản, quyền, nghĩa vụ, lợi ích hợp pháp một cách trung thực, chính xác.
- 8.2. Không mở rộng ngành nghề kinh doanh, hoặc đầu tư vào một dự án nào mà không được sự đồng ý bằng văn bản của Bên còn lại kể từ ngày Hợp đồng này có hiệu lực. Không thực hiện

bất kỳ hoạt động nào có khả năng gây phương hại đến việc thực hiện các hợp đồng đang có hiệu lực vào thời điểm ký kết Hợp đồng này.

- 8.3. Không sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ, thay thế các chính sách, quy chế, quy định, quy trình quản lý, điều hành đang được áp dụng tại công ty kể từ ngày Hợp đồng này có hiệu lực (bao gồm cả các quy định về tài chính, kế toán, kiểm toán...).
- 8.4. Phối hợp, kiểm soát việc thực hiện theo Hợp đồng này.
- 8.5. Không ban hành bất kỳ văn bản nào gây cản trở việc Giao Dịch Hợp Nhất.
- 8.6. Cung cấp kịp thời thông tin liên quan đến Giao Dịch Hợp Nhất theo yêu cầu của Bên kia.
- 8.7. Chịu trách nhiệm toàn bộ đối với tất cả những thông tin, tài liệu, giấy tờ... cung cấp để phục vụ cho Giao Dịch Hợp Nhất.
- 8.8. Giải quyết các khiếu nại, tranh chấp có liên quan đến việc Giao Dịch Hợp Nhất và mọi hoạt động của Mỗi Bên tính đến Ngày Hợp Nhất.
- 8.9. Cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về số liệu các khoản nợ, tiền phải trả, nghĩa vụ tài chính và chi phí phát sinh của Mỗi Bên tính đến Ngày Hợp Nhất. Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Người đại diện theo pháp luật của Mỗi Bên liên đới chịu trách nhiệm trong trường hợp kê khai không đúng, không đầy đủ tình trạng tài sản, công nợ của Bên đó.
- 8.10. Trong thời gian kể từ Ngày Ký Kết Hợp đồng đến Ngày Hợp Nhất, Mỗi Bên phải đảm bảo các hoạt động kinh doanh được diễn ra một cách bình thường; tuân thủ quy định của pháp luật hiện hành; giữ gìn hình ảnh, thương hiệu và uy tín của mình.
- 8.11. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Hợp đồng này, Phương án hợp nhất, và theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 9. ĐIỀU LỆ

Dự thảo Điều lệ của Công Ty Hợp Nhất được ĐHĐCĐ Các Bên biểu quyết thông qua theo quy định của pháp luật. Dự thảo Điều Lệ sau khi được ĐHĐCĐ biểu quyết thông qua sẽ trở thành Điều lệ chính thức của Công Ty Hợp Nhất kể từ Ngày Hợp Nhất.

ĐIỀU 10. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

- 10.1. Các Bên cam kết hỗ trợ nhau trong việc thực hiện các nội dung của Hợp đồng này, nếu có tranh chấp Các Bên phải cùng nhau bàn bạc tìm cách giải quyết tốt nhất trên tinh thần hợp tác đôi bên cùng có lợi.
- 10.2. Trong trường hợp Các Bên thương lượng không thành trong vòng 30 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp, tranh chấp sẽ được đưa ra giải quyết tại Tòa án nhân dân có thẩm quyền.

ĐIỀU 11. HIỆU LỰC HỢP ĐỒNG

- 11.1. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ khi được đại diện có thẩm quyền của Các Bên ký.

- 11.2. Hợp đồng này chấm dứt trong những trường hợp sau:
 - a. Giao Dịch Hợp Nhất đã hoàn tất theo quy định tại Hợp Đồng này; hoặc
 - b. Theo thoả thuận bằng văn bản của Các Bên về việc chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn; hoặc
 - c. Theo yêu cầu của Bên A hoặc Bên B nếu các điều kiện cho Giao Dịch Hợp Nhất không đáp ứng do hành vi vi phạm nghĩa vụ, cam kết và đảm bảo của Một Bên, trừ khi Các Bên có thoả thuận khác, trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày kể từ Ngày Ký Kết; hoặc
 - d. Một hoặc Các Bên bị giải thể, phá sản theo quy định pháp luật.
- 11.3. Trong trường hợp Hợp đồng này bị chấm dứt theo các quy định nêu trên, ngoại trừ việc Một Bên yêu cầu chấm dứt theo quy định tại Điều 11.2.(c), Mỗi Bên sẽ tự chịu tất cả các chi phí, phí tổn liên quan đến việc ký kết, thực hiện và chấm dứt Hợp đồng này.
- 11.4. Trong trường hợp Hợp đồng này bị Một Bên chấm dứt theo quy định tại Điều 11.2.(c) thì Bên vi phạm có trách nhiệm bồi thường cho Bên kia bất kỳ khoản thiệt hại nào do hành vi vi phạm Hợp đồng của mình gây ra bao gồm nhưng không giới hạn tất cả các khoản chi phí, phí tổn liên quan đến việc ký kết, thực hiện và chấm dứt Hợp đồng này.

ĐIỀU 12. CÔNG BỐ THÔNG TIN

- 12.1. Sau khi ĐHCĐ Mỗi Bên thông qua việc hợp nhất và các tài liệu hợp nhất, Mỗi Bên có nghĩa vụ tự mình công bố thông tin theo quy định của pháp luật hiện hành về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
- 12.2. Công Ty Hợp Nhất phải tiến hành thủ tục công bố thông tin liên quan đến việc hình thành pháp nhân mới đến các cơ quan Nhà nước có liên quan theo quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

ĐIỀU 13. ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- 13.1. Hợp đồng này sẽ thay thế mọi kết quả thoả thuận, đàm phán, biên bản ghi nhớ trước đây giữa các Bên liên quan đến Giao Dịch Hợp Nhất theo Hợp đồng này. Các kết quả thoả thuận, đàm phán, biên bản ghi nhớ này sẽ chấm dứt hiệu lực từ ngày Hợp đồng này có hiệu lực.
- 13.2. Nếu bất kỳ điều khoản nào của Hợp Đồng này bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền tuyên bố là vô hiệu hoặc trái quy định của pháp luật hoặc không có hiệu lực thì hành vi bất kỳ lý do gì, điều khoản đó sẽ bị loại ra khỏi Hợp đồng với điều kiện là việc loại ra đó không ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoặc làm thay đổi cơ bản nội dung Hợp đồng này. Các Bên sẽ đàm phán trên tinh thần hợp tác để thoả thuận lại các điều khoản này. Các vấn đề chưa được quy định trong Hợp đồng này sẽ được Các Bên xử lý theo thoả thuận giữa Các Bên hoặc theo quy định của pháp luật.
- 13.3. Không Bên nào được chuyển giao hoặc uỷ quyền thực hiện toàn bộ hoặc một phần các quyền, lợi ích, hoặc nghĩa vụ phát sinh từ Hợp đồng này hoặc liên quan tới Hợp đồng này mà không được đồng ý trước bằng văn bản của Bên kia. Hợp đồng này sẽ có giá trị ràng buộc và có hiệu

lực đối với Các Bên trong Hợp đồng này và những bên kế thừa hoặc nhận chuyển nhượng được phép.

13.4. Tất cả các thông báo và liên lạc khác dưới đây phải được lập thành văn bản và sẽ được coi là đã được chuyển đến nếu được gửi với tư cách cá nhân hoặc gửi bằng dịch vụ chuyển phát thương mại, hoặc gửi qua máy fax (có chứng từ xác nhận) cho Các Bên theo các địa chỉ hoặc số fax (hoặc theo địa chỉ hoặc số fax khác cho một Bên được ghi rõ trong một thông báo bằng văn bản):

- **Gửi cho Bên A:**

Địa chỉ:

Điện thoại:

Người liên hệ:

- **Gửi cho Bên B:**

Địa chỉ:

Điện thoại:

Người liên hệ:

13.5. Mọi sửa đổi, bổ sung đối với Hợp đồng này phải được lập bằng văn bản; được các cấp có thẩm quyền của Các Bên thông qua và thực hiện ký kết theo quy định của pháp luật.

13.6. Các phụ lục đính kèm Hợp đồng này là một phần không tách rời của Hợp đồng.

13.7. Hợp đồng này làm thành (.....) bản gốc có giá trị pháp lý như nhau, Mỗi Bên giữ (.....) bản để thực hiện.

ĐỂ GHI NHẬN CÁC THỎA THUẬN TRONG HỢP ĐỒNG NÀY, đại diện của Các Bên ký kết một cách hợp lệ vào ngày được ghi tại trang đầu tiên của Hợp đồng này.

ĐẠI DIỆN

**CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CỘC
SÁU - VINACOMIN**

GIÁM ĐỐC

ĐẠI DIỆN

**CÔNG TY CỔ PHẦN THAN ĐÈO NAI -
VINACOMIN**

GIÁM ĐỐC

NGUYỄN VĂN THUẤN

ĐẶNG THANH BÌNH

1001
CÔNG
CỔ
LIÊN
VINA
PHÁ

PHỤ LỤC 03
DỰ THẢO ĐIỀU LỆ CÔNG TY SAU HỢP NHẤT

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN ĐÈO NAI - CỌC SÁU - TKV

-----o0o-----

Logo

ĐIỀU LỆ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN
ĐÈO NAI-CỌC SÁU - TKV

Ngàytháng....năm

Cám Phá, ngày tháng năm 2023

**ĐIỀU LỆ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG**

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Công ty cổ phần Than Đèo Nai-Cộc sáu - TKV (dưới đây gọi là “Công ty”) được thành lập theo Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 trên cơ sở hợp nhất 2 Công ty: Công ty cổ phần Than Cộc Sáu – Vinacomin và Công ty cổ phần Than Đèo Nai – Vinacomin.

2. Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty được xây dựng trên cơ sở:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 17/6/2020;

- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 26/11/2019;

- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán đã được Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 31/12/2020;

- Điều lệ mẫu áp dụng cho các công ty đại chúng ban hành kèm theo thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính quy định về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.

3. Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường của các công ty tham gia hợp nhất: Công ty cổ phần Than Cộc Sáu - Vinacomin thông qua vào ngày 29/12/2023; Công ty cổ phần Than Đèo Nai - Vinacomin thông qua ngày 28/12/2023;

4. Điều lệ này là cơ sở pháp lý cho mọi hoạt động của Công ty. Các quy định của Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị khi được thông qua một cách hợp lệ, phù hợp với luật pháp và Điều lệ này, sẽ là những quy tắc và quy định ràng buộc để tiến hành các hoạt động kinh doanh.

**CHƯƠNG I
ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ**

Điều 1. Giải thích từ ngữ, thuật ngữ trong Điều lệ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a) “Công ty” có nghĩa là Công ty cổ phần Than Đèo Nai-Cộc Sáu - TKV được thành lập trên cơ sở hợp nhất Công ty cổ phần Than Cộc Sáu – Vinacomin và Công ty cổ phần Than Đèo Nai – Vinacomin; là công ty con của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam;

b) “Hội đồng” có nghĩa là Hội đồng quản trị của Công ty được viết tắt là “Hội đồng quản trị”;

c) “Địa bàn kinh doanh” có nghĩa là phạm vi địa lý thực hiện các hoạt động kinh doanh của Công ty, bao gồm trong và ngoài lãnh thổ Việt Nam;



d) “Vốn điều lệ” là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập Công ty và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này;

đ) “Vốn có quyền biểu quyết” là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

e) “Luật Doanh nghiệp” là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;

f) “Luật Chứng khoán” là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;

g) “Ngày thành lập” có nghĩa là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;

h) “Pháp luật” có nghĩa là tất cả các văn bản quy phạm pháp luật được quy định tại Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

i) “Người quản lý doanh nghiệp” là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ này;

j) “Người điều hành doanh nghiệp” là Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ này;

k) “Người có liên quan” là các cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Khoản 23 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp; Khoản 46 Điều 4 của Luật Chứng khoán;

l) “Cổ đông” là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty

n) “Cổ đông lớn” là cổ đông được quy định tại Khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán.

o) “Cổ tức” là khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại của Công ty sau khi đã thực hiện nghĩa vụ về tài chính;

p) “Thời hạn hoạt động” có nghĩa là thời hạn hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 của Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được thông qua bằng một nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

q) “Sở giao dịch chứng khoán” là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.

r) “Việt Nam” có nghĩa là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

2. Trong Điều lệ này, bất kỳ một tham chiếu nào tới bất kỳ một điều khoản hoặc văn bản nào sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế chúng. Trường hợp các văn bản pháp quy điều chỉnh các nội dung liên quan đến Điều lệ này bị sửa đổi, bổ sung, thay thế thì những nội dung liên quan trong Điều lệ này sẽ được thực hiện theo nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế của văn bản pháp quy đó. Đại hội đồng cổ đông lần gần nhất sau đó phải sửa lại Điều lệ cho phù hợp.

3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

4. Các từ hoặc thuật ngữ được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp và Luật Chứng khoán (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

CHƯƠNG II
TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty:

a) Tên tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN THAN ĐÈO NAI-CỘC SÁU - TKV

b) Tên tiếng Anh: ĐEO NAI-COC SAU COAL JOINT STOCK COMPANY.

c) Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN THAN ĐÈO NAI-CỘC SÁU - TKV

d) Tên viết tắt: THAN ĐÈO NAI-CỘC SÁU

2. Công ty có biểu tượng riêng như sau:

3. Hình thức của Công ty:

Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

4. Công ty là công ty con của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam do Tập đoàn chi phối thông qua tỷ lệ nắm giữ cổ phần chi phối tại Công ty, thông qua thương hiệu của Tập đoàn hoặc thông qua các quyền chi phối khác theo quy định của pháp luật và quy chế quản lý nội bộ của Tập đoàn.

Tài nguyên, trữ lượng than do Công ty đang khai thác là tài sản thuộc sở hữu Nhà nước giao cho Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam là đại diện chủ sở hữu Nhà nước thống nhất quản lý và không tính vào giá trị tài sản của Công ty. Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam giao cho Công ty quản lý tài nguyên, trữ lượng than này và hằng năm Công ty khai thác than cho Tập đoàn theo Hợp đồng kinh tế về việc phối hợp kinh doanh giữa Tập đoàn và Công ty.

5. Công ty được phép sử dụng nhãn hiệu “TKV” và “VINACOMIN” của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam ở tên gọi của Công ty bằng tiếng Việt và tiếng Anh theo Quy chế sử dụng nhãn hiệu của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam và quy định của pháp luật;

Ngoài các quy định trong Điều lệ này, Công ty có trách nhiệm thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty con đối với Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam theo Điều lệ của Tập đoàn và các quy chế quản lý trong nội bộ Tập đoàn mà Công ty là một thành viên.

6. Trụ sở đăng ký của Công ty:

- Địa chỉ: Số 42, phố Kim Đồng, phường Cẩm Tây, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.

- Điện thoại: 02033864251

- Fax: 02033863942

- E-mail:

- Website:

7. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với Nghị quyết của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.



8. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn quy định tại Khoản 2 Điều 58 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là không xác định thời hạn (vô thời hạn) kể từ ngày Công ty được thành lập.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

Công ty có 01 Người đại diện theo pháp luật là Giám đốc Công ty. Người đại diện theo pháp luật của Công ty là cá nhân đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước trọng tài, tòa án và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định hiện hành của pháp luật và Điều lệ này.

CHƯƠNG III

MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu và ngành, nghề kinh doanh của Công ty

1. Mục tiêu hoạt động của Công ty là tối đa hoá các khoản lợi nhuận hợp lý cho Công ty, tăng lợi tức cho các cổ đông, đóng góp cho Ngân sách Nhà nước, đảm bảo quyền lợi cho người lao động và không ngừng phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh.

2. Ngành nghề kinh doanh của Công ty:

a) Tại thời điểm hợp nhất, ngành nghề kinh doanh của công ty bao gồm

TT	Tên ngành	Mã ngành
1	Khai thác và thu gom than cứng	0510
2	Khai thác và thu gom than non	0520
3	Khai thác quặng sắt	0710
4	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt	0722
5	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
6	Khai thác và thu gom than bùn	0892
7	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác	0990
8	Nuôi trồng thủy sản biển	0321
9	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
10	Sản xuất sẫm, lốp cao su; đắp và tái chế lốp cao su	2211
11	Sản xuất sản phẩm khác từ cao su	2219
12	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
13	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
14	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
15	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
16	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	2824
17	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
18	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312

19	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
20	Sửa chữa thiết bị điện	3314
21	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
22	Sửa chữa thiết bị khác	3319
23	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;	3320
24	Truyền tải và phân phối điện	3512
25	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
26	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
27	Xây dựng nhà để ở	4101
28	Xây dựng nhà không để ở	4102
29	Xây dựng công trình đường sắt	4211
30	Xây dựng công trình đường bộ	4212
31	Xây dựng công trình thủy	4291
32	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
33	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
34	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
35	Phá dỡ	4311
36	Chuẩn bị mặt bằng	4312
37	Lắp đặt hệ thống điện	4321
38	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
39	Buôn bán vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
40	Vận tải hàng hóa đường sắt	4912
41	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
42	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
43	Vận tải hàng hoá đường thủy nội địa	5022
44	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
45	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy - Quản lý khai thác cảng và bến thủy nội địa	5222
46	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
47	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống, phục vụ lưu động	5610
48	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
49	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Cho thuê điều hành, quản lý nhà và đất không để ở.	6810

50	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển.	7730
----	---	------

b) Công ty có thể bổ sung các ngành nghề kinh doanh khác phù hợp với quy định của pháp luật và được Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

1. Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.

2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

CHƯƠNG IV VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần

1. Vốn điều lệ:

a) Vốn điều lệ của Công ty là 619.352.020.000 VNĐ (bằng chữ: Sáu trăm mười chín tỷ, ba trăm năm mươi hai triệu, không trăm hai mươi nghìn đồng). Vốn điều lệ của Công ty được chia thành 61.935.202 cổ phần với mệnh giá là 10.000 VNĐ/cổ phần.

b) Công ty có thể thay đổi mức vốn điều lệ (tăng, giảm vốn điều lệ) khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

2. Cổ phần:

a) Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này đều là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 11, Điều 12 của Điều lệ này;

Cổ phần phổ thông được dùng làm tài sản cơ sở để phát hành chứng chỉ lưu ký không có quyền biểu quyết được gọi là cổ phần phổ thông cơ sở. Chứng chỉ lưu ký không có quyền biểu quyết có lợi ích kinh tế và nghĩa vụ tương ứng với cổ phần phổ thông cơ sở, trừ quyền biểu quyết.

b) Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật;

c) Cổ phần phổ thông không thể chuyển đổi thành cổ phần ưu đãi. Cổ phần ưu đãi có thể chuyển đổi thành cổ phần phổ thông khi được Đại hội cổ đông cổ đông thông qua;

d) Chào bán cổ phần:

- Chào bán cổ phần là việc Công ty tăng thêm số lượng cổ phần được quyền chào bán và bán các cổ phần đó trong quá trình hoạt động để tăng vốn điều lệ;

- Chào bán cổ phần để tăng vốn điều lệ được thực hiện theo một trong các hình thức quy định tại Khoản 2, Điều 123 Luật Doanh nghiệp gồm:

(i) Chào bán cho các cổ đông hiện hữu.

(ii) Chào bán ra công chúng.

(iii) Chào bán cổ phần riêng lẻ.

- Việc chào bán cổ phần của Công ty thực hiện theo các quy định tại các Điều 123, 124, 125 của Luật Doanh nghiệp và quy định của pháp luật về chứng khoán;

d) Bán cổ phần

Hội đồng quản trị quyết định thời điểm, phương thức và giá bán cổ phần. Giá bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách của cổ phần tại thời điểm gần nhất, trừ trường hợp quy định tại điều 126 Luật Doanh nghiệp phải được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

e) Mua lại cổ phần

Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Công ty có thể mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán theo quy định tại Điều 133 Luật Doanh nghiệp. Cổ phần được Công ty mua lại theo quy định tại Điều 132, 133 Luật Doanh nghiệp được coi là cổ phần chưa bán (cổ phiếu quỹ) theo quy định tại Khoản 4, Điều 112 Luật Doanh nghiệp. HĐQT có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này và Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan. Trường hợp HĐQT không thực hiện chào bán, Công ty phải làm thủ tục điều chỉnh giảm vốn điều lệ tương ứng với tổng giá trị mệnh giá các cổ phần được Công ty mua lại trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán mua lại cổ phần, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác.

g) Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua bằng văn bản và phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

3. Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty đối với nhà đầu tư nước ngoài nhỏ hơn hoặc bằng 35% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu trong trường hợp cổ đông chưa thực hiện lưu ký cổ phần tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam

2. Cổ phiếu là loại chứng chỉ do Công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của Công ty. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại Khoản 1, Điều 121 của Luật Doanh nghiệp. Liên quan tới cổ phần ưu đãi, ngoài các quy định nêu trên thì chứng nhận cổ phiếu còn phải nêu rõ các hình thức ưu đãi của cổ phần đó và/hoặc các nội dung khác theo quy định của Điều 116, Điều 117 và Điều 118 Luật Doanh nghiệp

3. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai tháng (hoặc có thể lâu hơn theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần sẽ được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu hoặc bất kỳ một khoản phí gì.

4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

- a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;
- b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.



Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán

1. Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự), sẽ được phát hành có dấu của Công ty và chữ ký mẫu của đại diện theo pháp luật của Công ty, trừ trường hợp mà các điều khoản và điều kiện phát hành quy định khác.

2. Sổ đăng ký cổ đông:

a) Công ty lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Cổ đông phổ thông và cổ đông ưu đãi khác có thể được đăng ký vào các sổ khác nhau. Sổ đăng ký cổ đông ít nhất phải có các nội dung sau:

- Tên, trụ sở chính của Công ty.
- Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại.
- Tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn của cổ phần đã góp.
- Tên cổ đông được sắp xếp theo vần chữ cái, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức, số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần.

b) Sổ đăng ký cổ đông có thể được lập và lưu trữ bằng văn bản hoặc bằng tệp dữ liệu điện tử. Sổ đăng ký cổ đông có thể được lưu trữ tại trụ sở chính của Công ty hoặc nơi khác nhưng phải thông báo bằng văn bản cho cơ quan đăng ký kinh doanh và tất cả các cổ đông biết. Các cổ đông có quyền xem xét và nhận được bản sao danh sách cổ đông Công ty trong giờ làm việc tại nơi lưu giữ sổ đăng ký cổ đông.

3. Trường hợp cổ đông có thay đổi địa chỉ thường trú thì phải thông báo kịp thời với Công ty để cập nhật vào sổ đăng ký cổ đông. Công ty không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ của cổ đông.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần đều có thể được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông của Công ty liên quan đến đợt phát hành và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu được niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2.2.2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền biểu quyết, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

3. Trong vòng 3 năm kể từ ngày thành lập, các cổ đông sáng lập phải cùng nhau nắm giữ ít nhất 20% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty tại thời điểm đăng ký doanh nghiệp. Cổ đông sáng lập có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho cổ đông sáng lập khác. Trường hợp chuyển nhượng số cổ phần này cho những người không phải là cổ đông sáng lập thì cần phải có sự đồng ý của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp này, cổ đông dự định chuyển nhượng cổ phần không có quyền biểu quyết về việc chuyển nhượng các cổ phần đó và người nhận chuyển nhượng đương nhiên trở thành cổ đông sáng lập của Công ty.

4. Trừ khi Hội đồng quản trị có quy định khác (phù hợp với quy định của Luật doanh nghiệp), tất cả các cổ phần chuyển nhượng đều có thể thực hiện thông qua việc chuyển nhượng bằng văn bản theo cách thông thường, hoặc theo bất kỳ cách nào mà HĐQT có thể chấp nhận. Cổ phiếu đã niêm yết hoặc đăng ký giao dịch phải được chuyển nhượng thông qua Sở giao dịch chứng khoán phù hợp với các quy định của Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán. Giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc đại diện uỷ quyền của họ ký. Bên chuyển nhượng vẫn là người sở hữu cổ phần có liên quan cho đến khi tên của người nhận chuyển nhượng được đăng ký vào sổ đăng ký cổ đông (trừ trường hợp bên chuyển nhượng ủy quyền cho bên nhận chuyển nhượng tham dự Đại hội cổ đông diễn ra trong thời gian đó theo quy định tại Luật doanh nghiệp).

5. Trong trường hợp cổ đông cá nhân bị chết hoặc được cơ quan nhà nước có thẩm quyền tuyên bố là mất tích, những người thừa kế hoặc những người quản lý tài sản của người chết, người mất tích sẽ được Công ty thừa nhận là người (hoặc những người) duy nhất có quyền hoặc hưởng lợi đối với cổ phần, nhưng quy định này không giải tỏa tài sản của cổ đông đã chết, đã mất tích khỏi mọi trách nhiệm gắn liền với bất kỳ cổ phần nào mà người đó nắm giữ. Trường hợp cổ phần của cổ đông bị chết, mất tích mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế thì số cổ phần đó được giải quyết theo quy định của pháp luật dân sự.

6. Cổ đông có quyền tặng cho một phần hoặc toàn bộ cổ phần của mình tại Công ty cho cá nhân, tổ chức khác; sử dụng cổ phần để trả nợ. Trường hợp này, cá nhân, tổ chức được tặng cho hoặc nhận trả nợ bằng cổ phần sẽ là cổ đông của Công ty.

7. Trường hợp cổ đông chuyển nhượng một số cổ phần thì cổ phiếu cũ bị hủy bỏ và Công ty phát hành cổ phiếu mới ghi nhận số cổ phần đã chuyển nhượng và số cổ phần còn lại.

8. Cá nhân, tổ chức nhận cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều này chỉ trở thành cổ đông công ty từ thời điểm các thông tin của họ quy định tại khoản 2 Điều 122 của Luật doanh nghiệp được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông.

Điều 10. Thu hồi và thanh toán mua cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phần, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty theo quy định.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Nếu sau thời hạn quy định, cổ đông chưa thanh toán hoặc chỉ thanh toán được một phần số cổ phần đã đăng ký mua thì thực hiện như sau:

a) Cổ đông chưa thanh toán toàn bộ số cổ phần đã đăng ký mua sẽ đương nhiên không còn là cổ đông của Công ty và không được chuyển nhượng quyền mua cổ phần đó cho người khác;

b) Cổ đông chỉ thanh toán một phần số cổ phần đã đăng ký mua sẽ có quyền biểu quyết, nhận lợi tức và các quyền khác tương ứng với số cổ phần đã thanh toán; không được chuyển nhượng quyền mua số cổ phần chưa thanh toán cho người khác;

07
IG 1
PH
ĐỀ
100
-T

c) Số cổ phần chưa thanh toán được coi là cổ phần chưa bán và Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu tại Khoản 2 Điều này không được thực hiện và quyết định phương án xử lý tiếp theo.

5. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán theo quy định tại Khoản 3 Điều 112 Luật doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

6. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi do chưa thanh toán hoặc chưa thanh toán đủ số cổ phần đã đăng ký sẽ phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi (tính theo lãi suất tiền gửi không kỳ hạn VND tại ngân hàng mà Công ty mở tài khoản) vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cường chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi hoặc có thể miễn giám thanh toán một phần hoặc toàn bộ số tiền đó.

7. Thông báo thu hồi sẽ được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

8. Cổ đông chưa thanh toán hoặc chưa thanh toán đủ số cổ phần đã đăng ký mua phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với các nghĩa vụ tài chính của công ty phát sinh cho đến khi cổ phần bị thu hồi.

CHƯƠNG V CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát của Công ty

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty;
2. Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông;
3. Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao;
4. Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra để thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong thực hiện các nhiệm vụ được giao.

CHƯƠNG VI CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

a) Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;

b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;

d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;

đ) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;

e) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

g) Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;

h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;

i) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;

k) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;

l) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

m) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

b) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;

c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

đ) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế của Công ty; chấp hành các quyết định, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị Công ty;

2. Tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

3. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký theo quy định; không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và các thành viên Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra;

4. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần;

5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác;

6. Hoàn thành các nghĩa vụ khác do luật pháp quy định và Điều lệ này.

7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a) Vi phạm pháp luật;

b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty;

8. Cổ đông lớn có nghĩa vụ của cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp, ngoài ra phải đảm bảo tuân thủ các nghĩa vụ sau:

a) Cổ đông lớn không được lợi dụng ưu thế của mình gây ảnh hưởng đến các quyền, lợi ích của Công ty và của các cổ đông khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

b) Cổ đông lớn có nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty và gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần và phải họp trong thời hạn bốn (04) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá sáu (06) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với tổng số thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều lệ này;

c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 11 Điều lệ này; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này;

b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 4 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;



Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

d) Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
- b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
- c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
- e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
- i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
- k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- l) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị; Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;
- m) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
- n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật và Điều lệ này.

2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

- a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
- b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
- c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
- d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc.
- đ) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;
- e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
- g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

k) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;

l) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;

m) Loại cổ phần và số lượng cổ phần từng loại;

n) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;

o) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;

p) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

q) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

r) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

s) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

t) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;

u) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông là cá nhân, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức trực tiếp hoặc ủy quyền bằng văn bản cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp Đại hội đồng cổ đông hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại Khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

2. Việc chỉ định đại diện được ủy quyền phải được lập bằng văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

a) Trường hợp cổ đông là cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;

b) Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;

c) Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp;

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp;

3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định người đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của giấy ủy quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

4. Cổ đông là tổ chức có quyền cử một hoặc một số người đại diện theo ủy quyền thực hiện các quyền cổ đông của mình theo quy định của pháp luật; trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện. Việc cử, chấm dứt hoặc thay đổi người đại diện theo ủy quyền phải được thông báo bằng văn bản đến Công ty trong thời hạn sớm nhất. Thông báo phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số và ngày quyết định thành lập hoặc ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của cổ đông;

b) Số lượng cổ phần, loại cổ phần và ngày đăng ký cổ đông tại Công ty;

c) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số thẻ căn cước, giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của người đại diện theo ủy quyền;

d) Số cổ phần được ủy quyền đại diện;

đ) Thời hạn đại diện theo ủy quyền;

e) Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo ủy quyền và người đại diện theo pháp luật của cổ đông.

5. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b) Người ủy quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c) Người ủy quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền;

Tuy nhiên, quy định này sẽ không áp dụng nếu Công ty nhận được thông báo bằng văn bản về một trong các trường hợp nêu trên trước trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

6. Trường hợp cổ phần được chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng trở thành cổ đông của Công ty trong thời gian từ ngày lập xong danh sách cổ đông đến ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông thì người nhận chuyển nhượng có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông thay thế cho người chuyển nhượng đối với số cổ phần đã chuyển nhượng.

7. Người đại diện theo ủy quyền phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;

b) Không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp;

c) Cổ đông là doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại Khoản 1, Điều 88 Luật doanh nghiệp không được cử: vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu, anh ruột của vợ, anh ruột của chồng, chị ruột của vợ, chị ruột của chồng, em ruột của vợ, em ruột của chồng của người quản lý và của người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý Công ty làm người đại diện theo ủy quyền tại Công ty;

8. Trách nhiệm của người đại diện theo ủy quyền cho tổ chức hoặc cá nhân thực hiện theo quy định của Pháp luật, Điều lệ và Quy chế quản lý của tổ chức cử người đại diện theo ủy quyền hoặc theo yêu cầu của cá nhân ủy quyền

9. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử.

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

2. Việc tổ chức một cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu tại Khoản 1 điều này chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì sẽ tổ chức họp lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện đều có thể yêu cầu bỏ phiếu kín và mỗi người khi bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19 và Điều 20 Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản về phát hành cổ phần được quy định khác đi, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi trong một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty sẽ không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Công ty phải tuân thủ trình tự, thủ tục về triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và các quy định nội bộ của Công ty. Công ty có trách nhiệm công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng. Thủ tục ủy quyền và lập giấy ủy quyền cho các cổ đông được quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

2. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông, hoặc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại điểm b, hoặc tại điểm c, Khoản 4 Điều 14 Điều lệ này.

3. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:

a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông; Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

c) Chuẩn bị tài liệu cho Đại hội phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty;

d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

đ) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

e) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

g) Các công việc khác phục vụ Đại hội đồng cổ đông.

4. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty và Ủy ban chứng khoán nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai mươi một (21) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm theo thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ hướng dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận bao gồm:

a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;

b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;

c) Phiếu biểu quyết;

d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;

5. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại Khoản 2 Điều 11 của Điều lệ này có quyền kiến nghị các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân/Giấy chứng minh nhân dân/Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.

6. Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối những kiến nghị liên quan đến Khoản 4 của Điều này, thì chậm nhất là hai (02) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ được từ chối kiến nghị nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại Khoản 4 Điều này;

b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 05% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại Khoản 2 Điều 11 Điều lệ này;

c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi, thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

7. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại Khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định ở Khoản 5 Điều này. Kiến nghị sẽ được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

8. Hội đồng quản trị hoặc người có thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các trường hợp quy định tại điểm b, hoặc tại điểm c Khoản 4 Điều 14 Điều lệ này phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết từng vấn đề trong chương trình họp.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Trường hợp đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất không có đủ số lượng đại biểu cần thiết theo quy định tại Khoản 1 Điều này, thì trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập họp lần thứ hai trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được ủy quyền dự họp đại diện từ 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên.

3. Trường hợp đại hội đồng cổ đông lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết theo quy định tại Khoản 2 Điều này thì trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai thì thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba phải được gửi đi trong thời hạn hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội đồng cổ đông lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện ủy quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất dự kiến phê chuẩn.

4. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.

Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;

b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

- a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
- b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
- c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 21. Thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đối với các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

- a) Sửa đổi, bổ sung nội dung của Điều lệ Công ty;
- b) Định hướng phát triển Công ty (kế hoạch phát triển ngắn hạn, dài hạn);
- c) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- d) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT, Ban kiểm soát;
- đ) Quyết định đầu tư, bán tài sản của Công ty hoặc giao dịch mua do Công ty thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán;
- e) Quyết định việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác với tổng giá trị góp vốn, mua cổ phần từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán;

g) Thông qua báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán;

h) Tổ chức lại, giải thể, phá sản Công ty;

3. Nghị quyết về các nội dung sau đây được thông qua khi có từ 65% tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông:

- a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần được chào bán của từng loại;
- b) Thay đổi ngành nghề và lĩnh vực kinh doanh;

11298
3 TY
HÀN
JEO N
JOMIN
T. QU

c) Thay đổi mô hình tổ chức quản lý và hoạt động của Công ty theo quy định tại Điều 137 Luật Doanh nghiệp;

d) Quyết định đầu tư, bán tài sản của Công ty hoặc giao dịch mua do Công ty hoặc chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán;

đ) Quyết định việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác với tổng giá trị góp vốn, mua cổ phần từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán;

e) Tổ chức lại, giải thể, phá sản Công ty;

g) Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ Công ty;

4. Nghị quyết về các nội dung khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông (trừ các nội dung quy định tại Khoản 3, Khoản 5, Khoản 7 Điều này) được thông qua khi có trên 50% tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông.

5. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu được quy định tại Điều 42 Điều lệ này.

6. Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày được thông qua, hoặc được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty.

7. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

8. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty (trừ các nội dung quy định tại Khoản 2, Điều 21 Điều lệ này phải được biểu quyết thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông). Trường hợp thông qua quyết định dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của từng cổ đông. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại Khoản 4, Điều 18 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký doanh nghiệp của Công ty;

b) Mục đích lấy ý kiến;

c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

đ) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

e) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty;

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

a) Trường hợp gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu.

b) Trường hợp gửi Fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua Fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi Fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết;

5. Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến, giám sát của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký doanh nghiệp;

b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

đ) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu;

Các thành viên Hội đồng quản trị và người kiểm phiếu, giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc



đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

8. Nghị quyết, quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như Nghị quyết, quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- d) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- e) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

1. Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc Công ty, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2, Điều 12 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, huỷ bỏ nghị quyết hoặc một phần của nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a) Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp quy định tại Khoản 8, Điều 21 Điều lệ này.

b) Trình tự, thủ tục ra nghị quyết và nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

2. Trường hợp nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bị huỷ bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp đại hội đồng cổ đông bị huỷ bỏ có thể xem xét tổ chức lại Đại hội đồng cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.

CHƯƠNG VII HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Giới thiệu, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên **tối thiểu mười (10) ngày** trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
- g) Thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Ứng cử, đề cử vào Hội đồng quản trị

Các cổ đông có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng cử viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng cử viên; từ 20% đến dưới 50% được đề cử tối đa hai (02) ứng cử viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử tối đa ba (03) ứng cử viên; từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng cử viên.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội



bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp.

Điều 26. Số lượng, thành phần, nhiệm kỳ thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 người do Đại hội đồng cổ đông bầu và bãi miễn.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một Công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là người nắm giữ cổ phần của Công ty.

3. Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng quản trị mới được bầu và tiếp quản công việc.

4. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

a) Cơ cấu Hội đồng quản trị đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành.

b) Cơ cấu Hội đồng quản trị đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên có kiến thức và kinh nghiệm về pháp luật, tài chính, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty và có xét yếu tố về giới tính.

5. Một thành viên Hội đồng quản trị sẽ không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 của Luật Doanh nghiệp;

b) Gửi đơn bằng văn bản từ chức đến trụ sở chính của Công ty và được chấp nhận;

c) Bị mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự;

d) Vắng mặt, không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng 6 tháng mà không có sự cho phép của Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống, trừ trường hợp bất khả kháng;

đ) Bị bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

e) Không còn là đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức theo quyết định của tổ chức đó;

g) Là đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức, nhưng tổ chức đó không còn là cổ đông của Công ty nữa.

i) Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng cử viên Hội đồng quản trị;

k) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

6. Hội đồng quản trị có thể bỏ nhiệm thành viên HĐQT mới để thay thế chỗ trống bất ngờ phát sinh trong HĐQT và thành viên này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bỏ nhiệm thành viên mới đó sẽ được coi là có hiệu lực vào ngày được HĐQT bỏ nhiệm. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT mới được tính từ ngày

việc bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của HĐQT. Trong trường hợp thành viên mới không được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của HĐQT cho đến trước thời điểm diễn ra Đại hội đồng cổ đông có sự tham gia biểu quyết của thành viên HĐQT thay thế vẫn được coi là có hiệu lực.

7. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát hoặc chỉ đạo thực hiện của HĐQT. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát, chỉ đạo Giám đốc và các cán bộ quản lý, cán bộ điều hành khác trong việc quản lý, điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty.

3. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do luật pháp, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, HĐQT có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a) Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

b) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty.

c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch HĐQT; Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật, cho nghỉ chế độ, quyết định mức lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Giám đốc Công ty và các chức danh cán bộ quản lý, cán bộ điều hành khác trên cơ sở Quy chế quản lý của Công ty và theo đề nghị của Giám đốc; Quyết định cử người đại diện thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp ở công ty khác cùng với mức thù lao và lợi ích khác của những người đó. Tuy nhiên, việc bãi nhiệm các chức danh cán bộ quản lý, cán bộ điều hành Công ty không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm (nếu có).

d) Quyết định việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác với tổng giá trị góp vốn, mua cổ phần dưới 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán theo đề nghị của Giám đốc Công ty;

đ) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty; quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty.

Đề xuất việc tổ chức lại, giải thể hoặc yêu cầu phá sản Công ty, đề xuất Quy chế nội bộ về quản trị Công ty để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua theo thẩm quyền. Quyết định tổ chức lại, giải thể, chuyển đổi Công ty, quyết định Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thông qua.

e) Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với cán bộ quản lý, cán bộ điều hành cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý chống lại cán bộ quản lý, cán bộ điều hành đó;

g) Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại; Quyết định chào bán cổ phần chào bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác; Quyết định tiến độ huy động vốn điều lệ của Công ty; Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 133 Luật doanh nghiệp.



h) Đề xuất việc phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước; Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;

i) Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời; tổ chức việc chi trả cổ tức; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

k) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của Điều lệ này và Luật doanh nghiệp;

l) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

m) Chấp thuận các hợp đồng và giao dịch được ký giữa Công ty và những đối tượng quy định tại Khoản 1, Điều 167 Luật Doanh nghiệp có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất, trừ hợp đồng và giao dịch thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Người đại diện Công ty ký hợp đồng phải thông báo các thành viên HĐQT, BKS về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó, đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. HĐQT quyết định việc chấp thuận hoặc giao dịch trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo, thành viên HĐQT có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.

n) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty đã được kiểm toán. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch quy định tại Điểm s, Khoản 2 Điều 15 Điều lệ này, Khoản 1 và Khoản 3 Điều 167 Luật doanh nghiệp.

o) Quyết định đầu tư, bán tài sản của Công ty có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán;

p) Quyết định hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị bằng hoặc nhỏ hơn 10% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.

q) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

r) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

s) Báo cáo Đại hội đồng cổ đông biết việc HĐQT bổ nhiệm Giám đốc.

t) Được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty (nếu có).

u) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định.

4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:

a) Thành lập các chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của Công ty; thành lập các Công ty con của Công ty (nếu có);

b) Trong phạm vi quy định tại Khoản 2 Điều 153 của Luật doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại tại Điểm d Khoản 2 Điều 138 và Khoản 1, Khoản 3 Điều 167 Luật doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng của Công ty.

c) Việc chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại và luật sư của Công ty;

d) Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;

đ) Các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh và ngân sách hoặc vượt quá giá trị kế hoạch; hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;

e) Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp của Công ty quy định tại điểm đ, Khoản 3 Điều này tại những công ty khác;

g) Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;

h) Việc Công ty mua lại hoặc thu hồi không quá 10% cổ phần theo từng loại của Công ty, bao gồm cả mức giá mua hoặc thu hồi;

i) Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà HĐQT quyết định cần phải có sự chấp thuận của các thành viên HĐQT trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình;

k) Quyết định mức giá mua lại, thu hồi cổ phần hoặc giá bán cổ phần của Công ty.

5. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

6. HĐQT có thể ủy quyền cho viên chức cấp dưới và các cán bộ quản lý, cán bộ điều hành đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty, trừ khi luật pháp có quy định khác.

7. HĐQT thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác được quy định tại quy chế hoạt động của HĐQT. Mỗi thành viên HĐQT có một phiếu biểu quyết.

8. Khi thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình, HĐQT tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp quyết định do HĐQT thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên chấp thuận thông qua quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong

báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập cuộc họp Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức việc thông qua Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị

d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

đ) Chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng Quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng Quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng Quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng Quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 30. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Cuộc họp bầu Chủ tịch HĐQT.

Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên

có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Các cuộc họp định kỳ.

Hội đồng quản trị họp ít nhất mỗi quý một lần.

3. Các cuộc họp bất thường.

Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:

a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;

b) Có đề nghị của Giám đốc hoặc ít nhất 05 người điều hành khác;

c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;

d) Các trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.

Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

4. Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại Khoản 3 Điều này phải được Chủ tịch Hội đồng quản trị tiến hành trong thời hạn 07 ngày sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 3 Điều này có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị.

5. Trường hợp có yêu cầu của Công ty kiểm toán được chấp thuận theo quy định của pháp luật thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

6. Địa điểm họp.

Các cuộc họp HĐQT sẽ được tiến hành tại trụ sở chính của Công ty hoặc tại địa điểm khác ở Việt Nam theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của HĐQT.

7. Thông báo và chương trình họp.

a) Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày tổ chức họp, đồng thời có thể gửi Giám đốc Công ty không phải là thành viên HĐQT; các thành viên HĐQT có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó. Thông báo họp HĐQT phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp HĐQT và các phiếu biểu quyết của thành viên HĐQT.

b) Thông báo mời họp được gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên được đăng ký tại công ty.

8. Số thành viên tham dự tối thiểu.



a) Cuộc họp của Hội đồng quản trị theo giấy triệu tập lần thứ nhất được tiến hành khi có từ ba phần tư (3/4) tổng số thành viên trở lên dự họp hoặc thông qua người đại diện (người được uỷ quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

b) Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại điểm a Khoản 8 Điều này không đủ số thành viên dự họp theo quy định, thì cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trong trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp;

c) Nếu không đủ số lượng thành viên như vậy thì cuộc họp HĐQT sẽ được tổ chức lại lần thứ ba vào ngày làm việc tiếp theo tại cùng một địa điểm và cùng thời gian, khi đó cuộc họp HĐQT luôn là hợp lệ mà không phụ thuộc vào số lượng thành viên tham dự.

9. Biểu quyết.

a) Trừ trường hợp quy định tại điểm b Khoản 9 Điều này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được uỷ quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ có một (01) phiếu biểu quyết;

b) Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Một thành viên Hội đồng sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức một cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c) Theo quy định tại điểm d Khoản 9 Điều này, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến mức độ lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị đó, những vấn đề phát sinh đó sẽ được chuyển tới chủ tọa cuộc họp và phán quyết của chủ tọa liên quan đến tất cả các thành viên Hội đồng quản trị khác sẽ có giá trị là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;

d) Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điểm a, Điểm b Khoản 5 Điều 44 Điều lệ này sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.

đ) Kiểm soát viên, Giám đốc Công ty không phải là thành viên Hội đồng quản trị có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

10. Công khai lợi ích.

Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết là mình có lợi ích trong đó, sẽ phải công khai lợi ích này trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị thảo luận, xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên HĐQT không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên HĐQT này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.

11. Biểu quyết đa số.

Quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số (trên 50%) thành viên dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

12. Việc bỏ phiếu của người vắng mặt.

Thành viên không trực tiếp dự họp có quyền biểu quyết thông qua bỏ phiếu bằng văn bản, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác. Phiếu biểu quyết bằng văn bản phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một giờ trước giờ khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

13. Họp trực tuyến hoặc các hình thức khác.

Cuộc họp của HĐQT có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

a) Nghe từng thành viên Hội đồng khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

b) Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận, trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Theo Điều lệ này, thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đồng nhất tập họp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện.

Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp trực tuyến được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

14. Nghị quyết bằng văn bản.

Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên HĐQT có quyền biểu quyết. Nghị quyết loại này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.

15. Biên bản cuộc họp HĐQT.

Chủ tịch HĐQT có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi đi. Biên bản họp HĐQT được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh, có các nội dung chủ yếu theo Điều 158 Luật doanh nghiệp và phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự và người ghi biên bản. Cuộc họp HĐQT có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác.

16. Những người được mời họp dự thỉnh.

Người phụ trách quản trị (Thư ký) Công ty, Giám đốc điều hành, các Kiểm soát viên, những cán bộ điều hành khác (nếu không phải là thành viên Hội đồng quản trị) và các chuyên gia của một bên thứ ba có thể dự họp HĐQT theo lời mời của Hội đồng quản trị nhưng không được biểu quyết trừ khi bản thân họ có quyền được biểu quyết như thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 31. Các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập các tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm soát nội bộ. Thành viên của tiểu ban có ít nhất ba (03) người, bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội đồng quản trị.

Các thành viên Hội đồng quản trị độc lập/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các hành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Công ty.

Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị Công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Người phụ trách quản trị Công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị Công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

- a) Có hiểu biết về pháp luật;
- b) Không được đồng thời làm việc cho Công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;
- c) Am hiểu hoạt động kinh doanh và quản trị nội bộ của Công ty; Có khả năng tổng hợp, sử dụng thành thạo tin học, và các thiết bị văn phòng;
- d) Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị.

3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động.

4. Người phụ trách quản trị Công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
- b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
- c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d) Tham dự các cuộc họp;
- d) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- e) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên; thành viên Ban kiểm soát;
- g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
- h) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- i) Được hưởng thù lao (phụ cấp) theo Quy chế quản lý nội bộ của Công ty và/hoặc theo quyết định của Hội đồng quản trị;
- k) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

CHƯƠNG VIII

GIÁM ĐỐC CÔNG TY VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC CỦA CÔNG TY

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

Công ty thiết lập và ban hành hệ thống quản lý đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có Giám đốc, các Phó giám đốc, một Kế toán trưởng và các chức danh điều hành khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm theo Quy chế quản lý của Công ty. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh nêu trên phải được thực hiện bằng nghị quyết Hội đồng quản trị được thông qua một cách hợp thức. Giám đốc và các Phó giám đốc Công ty có thể đồng thời cùng là thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 34. Người điều hành Công ty

1. Theo đề nghị của Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được quyền tuyển dụng, sử dụng cán bộ điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và cơ chế quản lý công ty do Hội đồng quản trị quy định. Cán bộ điều hành Công ty phải có sự mẫn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.

2. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các chế độ chính sách khác đối với Giám đốc Công ty sẽ do Hội đồng quản trị quyết định.

3. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với cán bộ điều hành khác sẽ do Hội đồng quản trị quyết định trên cơ sở đề xuất của Giám đốc.

4. Tiền lương của Giám đốc và cán bộ điều hành khác của Công ty được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty, phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Điều 35. Bổ nhiệm, bãi miễn, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc

1. Bổ nhiệm:

Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng hoặc một người khác làm Giám đốc Công ty và sẽ ký hợp đồng quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan. Thông tin về tiền lương, thù lao, và lợi ích khác của Giám đốc Công ty phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong báo cáo thường niên của Công ty.

2. Nhiệm kỳ:

Nhiệm kỳ của Giám đốc không quá năm (05) năm trừ khi Hội đồng quản trị có quy định khác và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại Hợp đồng lao động (nếu có).

3. Tiêu chuẩn:

a) Giám đốc Công ty phải có tiêu chuẩn theo Điều 162 Luật Doanh nghiệp và không được phép là những người bị pháp luật cấm giữ chức vụ này, tức là những người vị thành niên, người không đủ năng lực hành vi, người đã bị kết án tù, người đang thi hành hình phạt tù, nhân viên lực lượng vũ trang, các cán bộ công chức nhà nước và người đã bị phán quyết là đã làm cho Công ty mà họ từng lãnh đạo trước đây bị phá sản.

b) Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật.

4. Quyền hạn và nhiệm vụ.

a) Thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông; tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;

b) Quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của công ty thuộc thẩm quyền của Giám đốc hoặc không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị, thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng và giao dịch tài chính và thương mại theo thẩm quyền hoặc các hợp đồng, giao dịch đã được Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông thông qua theo quy định của Điều lệ này, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;

c) Đề nghị Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức hoặc ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật, cho nghỉ chế độ, quyết định mức lương của Phó giám đốc, Kế toán trưởng Công ty, các cán bộ điều hành khác theo Quy chế quản lý của Công ty và cử, bãi miễn người đại diện quản lý phần vốn của Công ty đầu tư ở doanh nghiệp khác;

d) Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, khen thưởng, kỷ luật, xếp lương, cho nghỉ chế độ đối với các chức danh cán bộ, nhân viên trong Công ty không thuộc diện phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn (đối với những chức danh cần phải được sự thông qua của Hội đồng quản trị thì chỉ được quyết định sau khi đã báo cáo và được Hội đồng quản trị thông qua);

d) Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động của Công ty. Tuyển dụng lao động, ký kết hợp đồng lao động, bố trí sử dụng, quyết định lương và phụ cấp (nếu có), khen thưởng, kỷ luật, cho nghỉ chế độ hoặc cho thôi việc người lao động trong Công ty theo quy định của pháp luật về lao động và quy chế của Công ty;

e) Đề nghị Hội đồng quản trị quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể các công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty; góp vốn mua cổ phần của doanh nghiệp khác; đề nghị phê duyệt các Quy chế quản lý nội bộ của Công ty. Đề nghị thông qua đề xuất việc tổ chức lại, chia tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể hoặc yêu cầu phá sản Công ty, đề xuất Quy chế nội bộ về quản trị Công ty báo cáo Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua theo thẩm quyền.

g) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh; đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;

h) Xây dựng dự thảo chiến lược phát triển, kế hoạch phát triển ngắn hạn, trung hạn, kế hoạch kinh doanh hàng năm, các dự án đầu tư, các quy chế quản lý nội bộ của Công ty để trình Hội đồng quản trị;

i) Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bản cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính sẽ phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;

k) Chậm nhất vào ngày 31 tháng 10 hàng năm, Giám đốc điều hành phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu kinh doanh và phù hợp với kế hoạch tài chính 5 năm;

l) Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của Giám đốc điều hành và pháp luật;

m) Có quyền từ chối thực hiện những quyết định của Chủ tịch hay thành viên Hội đồng quản trị nếu thấy trái pháp luật, trái Điều lệ này hoặc trái với nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; đồng thời phải có trách nhiệm thông báo ngay bằng văn bản cho Ban kiểm soát;

n) Được quyết định các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong những trường hợp khẩn cấp như thiên tai, hỏa hoạn, sự cố bất khả kháng và chịu trách nhiệm về các quyết định này, đồng thời báo cáo ngay cho Hội đồng quản trị;

o) Thực hiện trách nhiệm của Người đại diện theo pháp luật của Công ty được quy định tại Điều 13 Luật Doanh nghiệp.

5. Báo cáo lên Hội đồng quản trị và các cổ đông.

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo cho những cơ quan này khi được yêu cầu.

6. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Giám đốc Công ty khi có đa số (trên 50%) thành viên Hội đồng quản trị dự họp có quyền biểu quyết tán thành và bổ nhiệm một Giám đốc Công ty mới thay thế. Giám đốc Công ty bị miễn nhiệm có quyền phản đối việc miễn nhiệm này tại Đại hội đồng cổ đông tiếp theo gần nhất.

7. Từ nhiệm hoặc mất tư cách.

a) Khi muốn từ nhiệm, Giám đốc Công ty phải có đơn gửi HĐQT. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đơn, HĐQT phải xem xét và quyết định.

b) Giám đốc Công ty mất tư cách khi bị chết, mất trí, mất quyền công dân hoặc tự ý bỏ nhiệm sở 3 ngày trở lên. Trong trường hợp này, HĐQT phải tạm cử người thay thế không quá 30 ngày và tiến hành các thủ tục bổ nhiệm Giám đốc mới.

8. Ủy quyền, ủy nhiệm.

a) Giám đốc Công ty có thể ủy quyền hoặc ủy nhiệm cho các Phó giám đốc hoặc người khác thay mình giải quyết một số phần việc của Công ty và chịu trách nhiệm pháp lý về sự ủy quyền hoặc ủy nhiệm đó;

b) Người được ủy quyền, ủy nhiệm phải chịu trách nhiệm pháp lý trước Giám đốc Công ty và pháp luật về những công việc mình làm;

c) Sự ủy quyền, ủy nhiệm liên quan đến con dấu của Công ty phải được thực hiện bằng văn bản và có thời hạn;

CHƯƠNG IX BAN KIỂM SOÁT

Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên)

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng cử viên Ban kiểm soát, thông tin liên quan đến các ứng cử viên được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố **tối thiểu mười (10) ngày** trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm Thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên). Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban kiểm soát được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b) Trình độ học vấn;



- c) Trình độ chuyên môn;
- d) Quá trình công tác;
- đ) Các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ Kiểm soát viên và các chức danh quản lý, điều hành khác;
- e) Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng cử viên cho Công ty, trong trường hợp ứng cử viên đó hiện đang là Kiểm soát viên của Công ty;
- g) Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
- h) Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng cử viên đó (nếu có);
- i) Các thông tin khác (nếu có).

2. Gợi thiệu, đề cử vào Ban kiểm soát.

Các cổ đông có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 50% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 50% trở lên được đề cử đủ ba (03) ứng viên.

3. Trường hợp số lượng các ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại quy chế nội bộ về quản trị Công ty. Thủ tục và cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng cử viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Điều 37. Số lượng, thành phần, nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên)

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên) của Công ty là 03 người do Đại hội đồng cổ đông bầu và bãi miễn. Nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 169 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và không thuộc các trường hợp sau:

- a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty.
- b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong ba (03) năm liền trước đó.

3. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Kiểm soát viên đó bị pháp luật cấm làm Kiểm soát viên hoặc không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp.

b) Kiểm soát viên đó có đơn từ chức được gửi đến trụ sở chính Công ty và được chấp thuận;

c) Kiểm soát viên đó bị rối loạn tâm thần và các Kiểm soát viên khác có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi dân sự;

d) Kiểm soát viên đó không thực hiện nghĩa vụ của mình, vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát liên tục trong vòng sáu (06) tháng liên tục, và trong thời gian này Ban kiểm soát không cho phép Kiểm soát viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống, trừ trường hợp bất khả kháng;

e) Kiểm soát viên đó bị bãi nhiệm Kiểm soát viên theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông do không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công hoặc vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của Kiểm soát viên theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này;

g) Không còn là đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức theo quyết định của tổ chức đó;

h) Là đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức, nhưng tổ chức đó không còn là cổ đông của Công ty nữa.

i) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Kiểm soát viên có thể được thay thế khi có chỗ trống bất ngờ phát sinh. Kiểm soát viên thay thế phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc thay thế Kiểm soát viên mới đó sẽ được coi là có hiệu lực vào ngày được Ban kiểm soát thay thế. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên mới được tính từ ngày việc thay thế có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của Ban kiểm soát. Trong trường hợp Kiểm soát viên mới không được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của Ban kiểm soát cho đến trước thời điểm diễn ra Đại hội đồng cổ đông có sự tham gia biểu quyết của Kiểm soát viên thay thế vẫn được coi là có hiệu lực.

5. Trường hợp Ban kiểm soát vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của mình có nguy cơ gây thiệt hại cho Công ty thì Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông để xem xét và bãi nhiệm Ban kiểm soát đương nhiệm và bầu Ban kiểm soát mới thay thế.

6. Trong trường hợp vào thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nhiệm vụ cho đến khi Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 38. Trưởng ban kiểm soát

1. Các Kiểm soát viên phải bầu một Kiểm soát viên làm Trưởng ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của công ty.

2. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:

a) Triệu tập và chủ trì cuộc họp Ban kiểm soát;

b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Giám đốc và các cán bộ quản lý, điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;

c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình lên Đại hội đồng cổ đông;

Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

1. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát có quyền hạn và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và nghĩa vụ sau đây:

a) Giám sát tình hình tài chính của Công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành, và người quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Giám đốc và cổ đông;

b) Chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông về hoạt động giám sát và thực hiện các nhiệm vụ được giao;

c) Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;

d) Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông;

đ) Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty;

e) Xem xét sổ kế toán và các tài liệu khác của Công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty bất cứ khi nào nếu xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 12 của Điều lệ này;

g) Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 12 của Điều lệ này, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty;

h) Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty; Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua;

i) Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành và người điều hành khác vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;

k) Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn việc lựa chọn công ty kiểm toán được chấp thuận theo quy định của pháp luật, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan đến sự rút lui hay bãi nhiệm của Công ty kiểm toán được chấp thuận theo quy định của pháp luật. Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán; thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;

l) Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của Ban điều hành, quản lý Công ty; xem xét báo cáo của Công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng quản trị chấp thuận; xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của Ban điều hành, quản lý Công ty;

m) Ban kiểm soát có quyền sử dụng tư vấn độc lập hoặc bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện các nhiệm vụ được giao;

n) Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông;

o) Tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị theo giấy mời, phát biểu ý kiến nhưng không được tham gia biểu quyết;

p) Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

q) Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Giám đốc và cổ đông;

r) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ này và quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát:

a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và các tài liệu kèm theo phải được gửi đến các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị;

b) Thành viên của Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty và cán bộ điều hành khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của Kiểm soát viên hoặc Ban kiểm soát;

c) Người phụ trách quản trị (Thư ký) Công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao chụp các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị và bản sao các biên bản, nghị quyết họp Hội đồng quản trị, họp Đại hội đồng cổ đông sẽ phải được cung cấp cho Kiểm soát viên vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị;

d) Báo cáo của Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành phải được gửi đến Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị;

đ) Kiểm soát viên có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm làm việc của người quản lý, điều hành và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc;

e) Báo cáo và tài liệu do Hội đồng quản trị chuẩn bị liên quan đến kết quả kinh doanh, báo cáo tài chính, báo cáo đánh giá công tác quản lý điều hành Công ty phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

3. Nghĩa vụ của Kiểm soát viên:

a) Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Công ty, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao;

b) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và cổ đông của Công ty;

c) Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông Công ty; không được sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

d) Trường hợp vi phạm quy định tại các điểm a, b, c của Khoản này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì các Kiểm soát viên phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó;

Mọi thu nhập và lợi ích khác mà Kiểm soát viên trực tiếp hoặc gián tiếp có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.

đ) Trường hợp phát hiện có Kiểm soát viên vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì Hội đồng quản trị phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

Điều 40. Cuộc họp của Ban kiểm soát



1. Sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số thành viên trở lên dự họp. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các Kiểm soát viên tham dự họp phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng Kiểm soát viên.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và đại diện công ty kiểm toán được chấp thuận theo quy định của pháp luật tham dự và trả lời các vấn đề mà các Kiểm soát viên quan tâm.

Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát:

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

CHƯƠNG X

BẦU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT

Điều 42. Bầu Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

1. Các cổ đông phổ thông tự nguyện tập hợp thành nhóm thoả mãn các điều kiện quy định để đề cử người vào HĐQT và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết chậm nhất ngay khi khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty sẽ thông báo cho các cổ đông dự họp về thông tin trên tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

2. Căn cứ số lượng thành viên HĐQT và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 12 Điều lệ này được quyền đề cử một hoặc một số người làm ứng cử viên HĐQT và Ban kiểm soát theo quy định tại các Khoản 2 Điều 25 và Khoản 2 Điều 36 tương ứng của Điều lệ này. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử thì số ứng cử viên còn lại do HĐQT, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu hoặc đại diện nhân với số thành viên được bầu của HĐQT hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

4. Những người trúng cử thành viên HĐQT hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như

nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử.

5. Trường hợp bầu lần thứ nhất không đủ số lượng thành viên HĐQT và Ban kiểm soát theo quy định thì phải tiến hành bầu tiếp lần hai trong số những người đã được đề cử của lần thứ nhất còn lại. Trường hợp khi bầu lần thứ hai vẫn chưa đủ số lượng quy định thì Đại hội đồng cổ đông quyết định có bầu tiếp hay không, nếu Đại hội đồng cổ đông không quyết định được thì chủ tọa Đại hội quyết định.

CHƯƠNG XI

TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HĐQT, KIỂM SOÁT VIÊN GIÁM ĐỐC CÔNG TY VÀ CÁN BỘ ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 43. Trách nhiệm căn trọng của thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc Công ty và cán bộ điều hành

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc Công ty và cán bộ điều hành khác được uỷ thác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực và theo phương thức mà họ tin là vì lợi ích cao nhất của Công ty và với một mức độ căn trọng mà một người thận trọng thường có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.

Điều 44. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 164 Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc Công ty và cán bộ điều hành khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của bất kỳ tổ chức hoặc cá nhân nào khác.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

4. Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, Công ty không được phép cấp các khoản vay, bảo lãnh, hoặc tín dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc Công ty, cán bộ điều hành khác và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân nào mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ trường hợp công ty đại chúng và tổ chức có liên



quan tới thành viên này là các công ty trong cùng Tập đoàn hoặc các Công ty hoạt động theo nhóm Công ty, bao gồm Công ty mẹ - Công ty con, Tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.

5. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc Công ty, cán bộ điều hành khác, hoặc các cá nhân, tổ chức liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc Công ty, cán bộ điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính, sẽ không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:

a) Đối với hợp đồng có giá trị từ dưới 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc, cán bộ điều hành khác đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị. Đồng thời, Hội đồng quản trị đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan;

b) Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn 20% của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, cán bộ điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này;

c) Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông thông qua hoặc phê chuẩn.

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc Công ty, cán bộ điều hành khác, các cá nhân và tổ chức có liên quan với các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 45. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Trách nhiệm về thiệt hại.

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc Công ty và cán bộ điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự cẩn cán và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Bồi thường.

Công ty sẽ bồi thường cho những người đã, đang và có nguy cơ trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ điều hành, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty uỷ quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ điều hành, nhân viên hoặc đại diện theo uỷ quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, cẩn cán vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.

Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo uỷ quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, cán bộ điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện theo uỷ quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:

a) Đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cưỡng vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;

b) Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

CHƯƠNG XII

QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 46. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:

a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.

2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

5. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

CHƯƠNG XIII

NGƯỜI LAO ĐỘNG, CÔNG ĐOÀN VÀ CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI TRONG CÔNG TY

Điều 47. Người lao động, công đoàn và tổ chức chính trị - xã hội

1. Giám đốc Công ty phải lập kế hoạch đề Hội đồng quản trị thông qua về các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và cán bộ điều hành Công ty, các vấn đề khác theo quy định của pháp luật.

2. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong Công ty hoạt động theo Hiến pháp và pháp luật của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam.

3. Tổ chức công đoàn, các tổ chức chính trị - xã hội khác trong Công ty hoạt động theo Hiến pháp và pháp luật của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và điều lệ của các tổ chức đó.

4. Công ty có nghĩa vụ tôn trọng và không được cản trở, gây khó khăn trong việc thành lập tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội tại Công ty; không được cản trở, gây khó khăn cho người lao động tham gia hoạt động trong các tổ chức này; tạo điều kiện cho các tổ chức trên hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ và điều lệ của mình.

CHƯƠNG XIV

PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 48. Phân phối lợi nhuận

1. Lợi nhuận trước thuế của Công ty sau khi bù đắp lỗ năm trước (nếu có) theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, trích quỹ Phát triển khoa học và công nghệ (nếu có) theo quy định, nộp thuế thu nhập doanh nghiệp và hoàn thành các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật phần còn lại được sử dụng như sau:

a) Chia cổ tức;

b) Trích lập các quỹ theo quy định hiện hành của pháp luật.

2. Mức cổ tức, hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty và tỷ lệ trích lập các quỹ do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo đề nghị của Hội đồng quản trị.

Điều 49. Cổ tức

1. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và theo quy định của pháp luật, cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận giữ lại của Công ty nhưng không được vượt quá mức Hội đồng quản trị đề nghị và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

2. Hội đồng quản trị có thể quyết định thanh toán tạm ứng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.

3. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

4. Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc từng phần cổ tức bằng cổ phần và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi nghị quyết này. Công ty có thể chi trả cổ tức bằng cổ phần, trình tự và thủ tục thực hiện chi trả cổ tức bằng cổ phần thực hiện theo quy định tại Luật doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty sẽ phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua Công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

6. Căn cứ Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

7. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận thực hiện theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG XV

TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 50. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty sẽ mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty sẽ tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 51. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng Một hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng Mười Hai cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng Mười Hai của năm đó, nếu lớn hơn 90 ngày; trường hợp nhỏ hơn 90 ngày thì được cộng vào năm tài chính tiếp theo.

Điều 52. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ kế toán Việt Nam (VAS) và chế độ kế toán doanh nghiệp phù hợp theo quy định của pháp luật Việt Nam.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng Đồng Việt Nam (hoặc ngoại tệ tự do chuyển đổi trong trường hợp được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận) làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

CHƯƠNG XVI

BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 53. Báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý

1. Công ty phải lập bản báo cáo tài chính hàng năm theo quy định của pháp luật và phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 56 Điều lệ này trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính. Công ty phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán, cơ quan đăng ký kinh doanh và Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

2. Báo cáo tài chính hàng năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công ty trong năm tài chính và bảng cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình các hoạt động của Công ty cho đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính. Trường hợp Công ty là một công ty mẹ, ngoài báo cáo tài chính năm, Công ty còn phải lập bảng cân đối kế toán tổng hợp về tình hình hoạt động của Công ty và các công ty con vào cuối mỗi năm tài chính.

3. Công ty phải lập và công bố các Báo cáo tài chính sáu tháng đã soát xét và Báo cáo tài chính quý (đối với công ty niêm yết/công ty đại chúng quy mô lớn) theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết) và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và Cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật doanh nghiệp và Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam.

4. Các Báo cáo tài chính năm được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), Báo cáo tài chính sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý (đối với công ty niêm yết, công ty đại chúng quy mô lớn) phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty

5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền sao chụp bản báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán, báo cáo sáu tháng và hàng quý trong giờ làm việc của Công ty, tại trụ sở chính của Công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

Điều 54. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán, thị trường chứng khoán và của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam.

Điều 55. Công khai thông tin

Công ty phải lập và công bố công khai thông tin theo quy định tại Điều 176 của Luật Doanh nghiệp và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

CHƯƠNG XVII KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 56. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán được chấp thuận theo quy định của pháp luật, hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán được chấp thuận theo quy định của pháp luật và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với Hội đồng quản trị. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.

2. Công ty kiểm toán được chấp thuận theo quy định của pháp luật kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính năm phản ánh các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị Công ty theo quy định của pháp luật.

3. Một bản sao của Báo cáo kiểm toán sẽ phải được gửi đính kèm với mỗi bản báo cáo kế toán hàng năm của Công ty.

4. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công ty sẽ được phép tham dự mọi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng

cổ đông mà mọi cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại Đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.

CHƯƠNG XVIII CON DẤU CỦA DOANH NGHIỆP

Điều 57. Dấu của doanh nghiệp

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử
2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).
3. Hội đồng quản trị, Giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XIX GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 58. Giải thể công ty

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:
 - a) Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ công ty mà không có quyết định gia hạn (nếu thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn thì bỏ đoạn này);
 - b) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;
 - d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 59. Thanh lý

1. Ít nhất sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có một quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên trong đó do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán được chấp thuận theo quy định của pháp luật. Ban thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày mà Ban được thành lập và ngày bắt đầu hoạt động trên thực tế. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước tòa án và các cơ quan hành chính.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:
 - a) Các chi phí thanh lý;
 - b) Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho công nhân viên;

- c) Thuế và các khoản nộp có tính chất thuế mà Công ty phải trả cho Nhà nước;
- d) Các khoản vay (nếu có);
- đ) Các khoản nợ khác của Công ty;
- e) Số dư còn lại sau khi đã thanh toán mọi khoản nợ từ mục a đến đ trên đây sẽ được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi sẽ ưu tiên thanh toán trước.

CHƯƠNG XX

GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 60. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền của các cổ đông phát sinh từ Điều lệ hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do Luật doanh nghiệp hay các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định, giữa:

- a) Cổ đông với Công ty; hoặc
- b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc Công ty hay cán bộ điều hành khác;

Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị thì Chủ tịch Hội đồng sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Ban kiểm soát hoặc một cơ quan chức năng chuyên môn chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án kinh tế.

3. Các bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Các chi phí của tòa án sẽ do tòa phán quyết bên nào phải chịu.

CHƯƠNG XXI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 61. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

Điều 62. Hiệu lực thi hành

1. Bản Điều lệ này gồm XXI Chương và 62 Điều, được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Than Cọc Sáu – Vinacomin và Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Than Đèo Nai – Vinacomin nhất trí thông qua ngày 28-29/12/2023 tại Cẩm Phả và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ được lập thành mười (10) bản, có giá trị như nhau, trong đó:
- Năm (05) bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố;
 - Năm 05 bản lưu trữ tại Văn phòng Công ty.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc ít nhất 1/2 tổng số thành viên Hội đồng quản trị mới có giá trị.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
GIÁM ĐỐC CÔNG TY**

07,
G T
PH
ĐỀ
COM
T.01

PHỤ LỤC 04

PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU ĐỂ HOÁN ĐỔI

1. Phương án phát hành cổ phiếu để thực hiện hợp nhất doanh nghiệp

- Tên tổ chức phát hành: Công ty cổ phần Than Đèo Nai- Cọc Sáu - TKV
- Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty cổ phần Than Đèo Nai- Cọc Sáu - TKV
- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu.
- Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành: 61.935.202 cổ phần
- Tổng giá trị dự kiến phát hành theo mệnh giá: 619.352.020.000 đồng
- Đối tượng phát hành: Cổ đông hiện hữu của Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin, Công ty cổ phần Than Đèo Nai - Vinacomin theo danh sách cổ đông tại thời điểm chốt danh sách cổ đông để thực hiện việc hoán đổi.

- Phương thức phát hành: Công ty Hợp nhất sẽ phát hành 61.935.202 cổ phiếu để hoán đổi lấy toàn bộ cổ phiếu của các cổ đông trong Công ty bị hợp nhất, trong đó:

- ✓ Tỷ lệ hoán đổi đối với cổ đông Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin là 1:1
01 cổ phiếu của Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin sẽ được hoán đổi với 01 cổ phiếu Công ty hợp nhất.
- ✓ Tỷ lệ hoán đổi đối với cổ đông Công ty cổ phần Than Đèo Nai - Vinacomin là 1:1.
01 cổ phần của Công ty cổ phiếu Than Đèo Nai - Vinacomin sẽ được hoán đổi với 01 cổ phiếu Công ty hợp nhất.

Ví dụ 1: vào ngày chốt danh sách cổ đông của TC6 để thực hiện hoán đổi cổ phiếu, cổ đông Nguyễn Văn A hiện đang sở hữu 123 cổ phiếu TC6. Khi đó, cổ đông A sẽ được hưởng 123 quyền, 123 quyền này sẽ được hoán đổi lấy số cổ phiếu của Công ty hợp nhất tương ứng là $123 \times 1 = 123$ cổ phiếu.

Ví dụ 2: vào ngày chốt danh sách cổ đông của TDN để thực hiện hoán đổi cổ phiếu, cổ đông Nguyễn Văn B hiện đang sở hữu 123 cổ phiếu TDN. Khi đó, cổ đông B sẽ được hưởng 123 quyền, 123 quyền này sẽ được hoán đổi lấy số cổ phiếu của Công ty hợp nhất tương ứng là $123 \times 1 = 123$ cổ phiếu.

- Đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu của nước ngoài: ĐHĐCĐ uỷ quyền cho Hội đồng quản trị ("HDQT") thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài theo quy định của pháp luật.

- Hạn chế chuyển nhượng: toàn bộ cổ phiếu phát hành để hoán đổi không bị hạn chế chuyển nhượng.

- Thời gian thực hiện dự kiến: trong năm 2024, sau khi có chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT lựa chọn và quyết định thời điểm thực hiện phù hợp.

- Đăng ký lưu ký và giao dịch cổ phiếu phát hành: Cổ phiếu phát hành sẽ được đăng ký tại Tổng công ty lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC) và đăng ký giao dịch tại hệ thống Upcom của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo đúng quy định của pháp luật.

2. Các nội dung ủy quyền

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện các nội dung công việc, bao gồm nhưng không giới hạn ở các nội dung sau:

- Quyết định sửa đổi, bổ sung, chỉnh sửa hoặc thay đổi phương án phát hành đã được ĐHĐCĐ thông qua (nếu thấy cần thiết hoặc theo yêu cầu của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền) nhằm triển khai phương án phát hành cổ phiếu được hiệu quả cao nhất, tuân thủ các quy định của pháp luật liên quan, điều lệ và đảm bảo quyền lợi cổ đông Công ty. Báo cáo lại với ĐHĐCĐ trong kỳ họp gần nhất.

- Triển khai các thủ tục phát hành cổ phiếu để hoán đổi theo quy định của pháp luật.

- Chủ động xây dựng, thông qua hồ sơ đăng ký phát hành và giải trình hồ sơ xin phép chào bán cổ phiếu gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các cơ quan có thẩm quyền có liên quan.

- Thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài.

- Quyết định chốt danh sách cổ đông để thực hiện hoán đổi, thời điểm và tiến độ phát hành cổ phiếu, bảo đảm lợi ích của cổ đông và tuân thủ đúng các quy định của pháp luật.

- Phối hợp với Công ty hợp nhất xây dựng hồ sơ và các tài liệu cần thiết để thực hiện đăng ký lưu ký cổ phiếu Công ty hợp nhất tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC) và đăng ký giao dịch cổ phiếu tại hệ thống Upcom của Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) theo quy định pháp luật.

- Chủ động thực hiện các thủ tục pháp lý liên quan sau khi hoàn thành đợt phát hành theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Thực hiện các công việc, thủ tục khác mà HĐQT thấy cần thiết để hoàn tất việc phát hành cổ phiếu theo phương án phát hành đã được ĐHĐCĐ thông qua và phê duyệt theo quy định của pháp luật.

PHỤ LỤC 05

PHƯƠNG ÁN SẢN XUẤT KINH DOANH CÔNG TY HỢP NHẤT

1. Mục tiêu kinh doanh

- Phần đầu thực hiện đạt và vượt các chỉ tiêu do cấp có thẩm quyền giao, hoàn thành nghĩa vụ nộp ngân sách Nhà nước; đảm bảo đủ việc làm, nâng cao đời sống người lao động. Nâng cao năng lực cạnh tranh, phần đầu từng bước tăng thị phần vận tải cả về hành khách, hàng hoá.

- Kinh doanh theo đúng quy định của pháp luật, ngành nghề kinh doanh phù hợp với Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

- Đảm bảo lợi nhuận và tỷ suất lợi nhuận trên vốn của doanh nghiệp theo Nghị quyết Đại hội cổ đông Công ty.

- Đảm bảo công ăn việc làm, thu nhập cho người lao động.

2. Nhiệm vụ kinh doanh

- Thực hiện mục tiêu “Doanh nghiệp ít người, trả lương cao”. Áp dụng quy chế trả lương khuyến khích người lao động phát huy tối đa năng suất và thời gian sử dụng lao động trong ca; cơ chế trả lương lũy tiến theo sản phẩm tăng thêm để khuyến khích người lao động tăng năng suất lao động, tăng thời gian làm việc có ích trong ca. Năng suất lao động 1.233 tấn/người/năm, tốc độ tăng tiền lương vượt mức cao so với số liệu trong đề án TKV phê duyệt.
- Công ty khai thác mỏ than lộ thiên hiện đại, thân thiện với môi trường, với thiết bị công nghệ khai thác, chế biến và tiêu thụ than tiên tiến, đảm bảo các tiêu chuẩn môi trường, cải thiện điều kiện lao động cho công nhân vận hành, đảm bảo an toàn cho tất cả các công đoạn trong dây chuyền sản xuất, nâng cao năng suất lao động, giảm chi phí sản xuất.
- Khai thác than đến độ sâu -345m so với mức thủy chuẩn, đảm bảo chất lượng than ổn định, tận thu tối đa tài nguyên so với phương pháp khai thác hầm lò, đáp ứng nhu cầu tiêu thụ trong nước và xuất khẩu theo chỉ đạo của Tập đoàn Than Khoáng sản Việt Nam.
- Xây dựng mối quan hệ với các đơn vị trong vùng, trong ngành, trong nước và trên thế giới để nắm bắt kịp thời những thành tựu khoa học áp dụng trong ngành mỏ, những thông tin về thị trường, sản phẩm và các thông tin liên quan đến chiến lược phát triển của Công ty để điều chỉnh kịp thời.

3. Thông tin về dự án cụm mỏ Cọc Sáu - Đèo Nai

Sau hợp nhất, Công ty hợp nhất dự kiến sẽ không khai thác than tại các mỏ hiện nay của Công ty cổ phần Than Cọc Sáu – Vinacomin và Công ty cổ phần Than Đèo Nai – Vinacomin mà sẽ thực hiện khai thác than tại cụm mỏ Cọc Sáu - Đèo Nai tại Thành phố Cẩm Phà, tỉnh Quảng Ninh. Công ty cổ phần Than Đèo Nai – Vinacomin đã được giao thực hiện Dự án khai thác cụm mỏ Cọc Sáu - Đèo Nai. Hiện nay, TDN đang triển khai các công việc chuẩn bị dự án: Xin chấp thuận chủ trương đầu tư; lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM), thẩm tra, thẩm định TKCS, xin cấp GPKT... để đảm bảo tiến độ kế hoạch đã đề ra.

4. Kế hoạch kinh doanh Công ty hợp nhất năm 2024 (dự kiến)

TT	Chỉ tiêu	Năm 2024
1	Doanh thu (triệu đồng)	5.824.582
2	Lợi nhuận sau thuế (triệu đồng)	67.766
3	Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/doanh thu (%)	1,16%
4	Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu (ROE) (%)	9,47%
5	Tỷ lệ cổ tức (tính trên mệnh giá) (%)	6%

Căn cứ để đạt được kế hoạch doanh thu, lợi nhuận trên:

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của công ty sau hợp nhất vẫn tập trung vào mảng hoạt động cốt lõi đang được vận hành tại 2 công ty trước hợp nhất là khai thác than. Công ty hợp nhất sẽ tăng quy mô về mặt tài chính, gia tăng hiệu quả trong quản trị doanh nghiệp; giảm chi phí, tăng hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh. Do đó, Công ty dự kiến kế hoạch doanh thu sẽ tăng trưởng, lợi nhuận tăng.

KẾ HOẠCH PHỐI HỢP KNH DOANH NĂM 2024 CÔNG TY HỢP NHẤT

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Đèo Nai	Cọc Sáu	Công ty Hợp Nhất
1	Quản trị tài nguyên				
	a - Bóc đất đá lộ thiên	1000m ³	25.500	12.420	37.920
	Trong đó: Đất CBSX	"	25.500	12.420	37.920
	* Hệ số bóc đất đá CBSX	m ³ /tấn	15,00	10,35	13,08
	c - Tỷ lệ tổn thất tài nguyên khai thác				
	- Khai thác lộ thiên	%	3,9	4,0	3,9
2	Sản phẩm chủ yếu				
2.1	Than nguyên khai	1000t	1.700	1.200	2.900
	- Lộ thiên	"	1.700	1.200	2.900
2.2	Than sạch sàng tại mỏ	1000t	720	230	950
	- Than sạch từ nguyên khai	"	170	15	185
	- Than sạch từ đất đá lẫn than	"	550	215	765
2.3	Than tiêu thụ (giao cho Tập đoàn)	1000t	2.250	1.415	3.665



TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Đèo Nai	Cọc Sáu	Công ty Hợp Nhất
A	Than giao cho các Công ty tuyển than	"	1.530	1.185	2.715
	- Than sạch	"			
	- Than nguyên khai	"	1.530	1.185	2.715
B	Than giao cho các Cty kho vận, cảng	"	720	230	950
	- Than sạch	"	720	230	950
3	Doanh thu tổng số	tr.đồng	4.072.681	1.751.901	5.824.582
	- Doanh thu sản xuất than	"	4.066.181	1.751.901	5.818.082
	- Doanh thu sản xuất kinh doanh khác	"	6.500		6.500
4	Lợi nhuận	tr.đồng	57.989	26.719	84.708
	- Sản xuất than	"	57.989	26.719	84.708
5	Giá thành, giá bán				
	- Giá bán bình quân than quy sạch	đ/tấn	1.982.439	1.415.964	1.769.301
	- Giá thành bình quân than quy sạch	"	1.954.167	1.394.368	1.743.541

Mọi hoạt động kinh doanh của Công ty cổ phần Than Cọc Sáu – Vinacomin và Công ty cổ phần Than Đèo Nai – Vinacomin vẫn được duy trì theo Kế hoạch mà ĐHĐCĐ đã thông qua cho đến khi hoàn tất việc hợp nhất theo quy định. Sau khi hoàn tất việc hợp nhất, hoạt động kinh doanh của TC6 và TDN sẽ phụ thuộc vào phương án hoạt động kinh doanh cũng như công tác quản trị, điều hành của Công ty hợp nhất.

ĐHĐCĐ ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty phối hợp với Công ty Cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin để thực hiện các nội dung có liên quan nhằm đảm bảo mang lại hiệu quả cao nhất cho Công ty hợp nhất.

Số: 6104 /TTr-TĐN

Cám Phá, ngày 22 tháng 12 năm 2023

TỜ TRÌNH

Về việc Thông qua Phương án hợp nhất Công ty Cổ phần Than Cọc Sáu-
Vinacomin và Công ty Cổ phần Than Đèo Nai- Vinacomin

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Than Đèo Nai- Vinacomin

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;

Căn cứ Luật Cạnh tranh số 23/2018/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 12/06/2018;

Căn cứ Nghị định số 35/2020/NĐ-CP ngày 24/03/2020 quy định chi tiết một số điều của Luật cạnh tranh;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 118/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính về hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng;

Căn cứ Quyết định số 2006/QĐ-TTg ngày 12/12/2017 phê duyệt Đề án tái cơ cấu Tập đoàn Than - Khoáng sản Việt Nam giai đoạn 2017 – 2020;

Căn cứ Quyết định số 1263/QĐ-TTg ngày 27/10/2023 về việc Phê duyệt Đề án cơ cấu lại Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam đến năm 2025;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Than Đèo Nai - Vinacomin đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 20/4/2021;

Căn cứ Nghị quyết số 20/NQ-HĐQT ngày 22/12/2023 của HĐQT Công ty.

Để tăng trưởng về quy mô, mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh, tái cơ cấu bộ máy tổ chức hoạt động.

Hội đồng quản trị (“**HĐQT**”) kính trình Đại hội đồng cổ đông (“**DHDCĐ**”) thông qua Phương án hợp nhất Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin (“**TC6**”) và Công ty cổ phần Than Đèo Nai – Vinacomin (“**TDN**”) theo chi tiết Phương án hợp nhất đính kèm Tờ trình này.

Một số nội dung cơ bản của Phương án hợp nhất như sau:

A. PHƯƠNG ÁN HỢP NHẤT DOANH NGHIỆP

I. Thông tin về các công ty tham gia hợp nhất:

1. Thông tin chung của TC6 và TDN

- Tên Công ty bị hợp nhất: **CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CỌC SÁU –**



VINACOMIN

- Địa chỉ trụ sở chính: Phường Cẩm Phú, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.
 - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5700101002 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp lần đầu ngày 02/01/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 05/12/2019.
 - Vốn điều lệ: 324.961.050.000 đồng (*Ba trăm hai mươi bốn tỷ chín trăm sáu mươi một triệu không trăm năm mươi nghìn đồng*).
 - Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 32.496.105 cổ phiếu.
 - Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu.
- Tên công ty bị hợp nhất: **CÔNG TY CỔ PHẦN THAN ĐÈO NAI – VINACOMIN**
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 42, phố Kim Đồng, Phường Cẩm Tây, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.
 - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5700101299 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp lần đầu ngày 01/01/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 22/12/2021.
 - Vốn điều lệ: 294.390.970.000 đồng (*Hai trăm chín mươi bốn tỷ ba trăm chín mươi triệu chín trăm bảy mươi nghìn đồng*).
 - Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 29.439.097 cổ phiếu.
 - Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu.

2. Chỉ tiêu và hoạt động kinh doanh của TC6 và TDN 3 năm gần nhất

Một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của TC6

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	30/09/2023
1. Tổng giá trị tài sản	1.708.220	1.795.088	1.420.072	1.395.331
2. Doanh thu thuần	3.124.086	2.675.815	3.237.001	1.514.680
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	6.142	48.868	(7.614)	(7.773)
4. Lợi nhuận khác	1.071	663	9.784	10.893
5. Lợi nhuận trước thuế	7.213	49.531	2.170	3.120
6. Lợi nhuận sau thuế	7.213	38.085	1.574	2.496
7. Tỷ lệ trả cổ tức	2%	4,5%	0%	-

Một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của TDN

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	9T/2023
1. Tổng giá trị tài sản	1.383.436	1.329.875	1.469.478	1.521.016
2. Doanh thu thuần	3.014.960	3.214.243	3.792.755	2.951.296
3. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	53.965	42.785	57.953	35.633
4. Lợi nhuận khác	2.640	6.077	4.218	1.069
5. Lợi nhuận trước thuế	56.606	48.862	62.172	36.702
6. Lợi nhuận sau thuế	44.870	39.067	49.566	29.249
7. Tỷ lệ trả cổ tức	8%	14%	8%	NA

II. Thông tin về Công ty sau hợp nhất

1. Thông tin chung về công ty sau hợp nhất

- Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN THAN ĐÈO NAI - CỘC SÁU - TKV
- Tên viết tắt: ...
- Tên tiếng Anh: ... COAL JOINT STOCK COMPANY
- Trụ sở chính: Trụ sở chính của Công ty CP Than Đèo Nai - Cọc Sáu - TKV sẽ đặt tại Phường Cẩm Tây, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh.

2. Ngành nghề, phạm vi hoạt động kinh doanh của công ty hợp nhất:

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty cổ phần Than Đèo Nai - Cọc Sáu - TKV là: Khai thác than theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Danh sách ngành nghề kinh doanh của Công ty hợp nhất:

STT	Mã ngành kinh doanh	Ngành nghề kinh doanh của Công ty Hợp nhất (dự kiến)	Ngành nghề kinh doanh của TDN	Ngành nghề kinh doanh của TC6
1	0510	Khai thác và thu gom than cứng	Khai thác và thu gom than cứng	Khai thác và thu gom than cứng
2	0520	Khai thác và thu gom than non	Khai thác và thu gom than non	Khai thác và thu gom than non
3	0710	Khai thác quặng sắt	Khai thác quặng sắt	Khai thác quặng sắt
4	0722	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt	
5	0810	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét

STT	Mã ngành kinh doanh	Ngành nghề kinh doanh của Công ty Hợp nhất (dự kiến)	Ngành nghề kinh doanh của TDN	Ngành nghề kinh doanh của TC6
6	0892	Khai thác và thu gom than bùn		Khai thác và thu gom than bùn
7	0990	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác		Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác
8	0321	Nuôi trồng thủy sản biển	Nuôi trồng thủy sản biển	Nuôi trồng thủy sản biển
9	1104	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng		Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng
10	2211	Sản xuất săm, lốp cao su; đập và tái chế lốp cao su	Sản xuất săm, lốp cao su; đập và tái chế lốp cao su	Sản xuất săm, lốp cao su; đập và tái chế lốp cao su
11	2219	Sản xuất sản phẩm khác từ cao su		Sản xuất sản phẩm khác từ cao su
12	2392	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	
13	2511	Sản xuất các cấu kiện kim loại		Sản xuất các cấu kiện kim loại
14	2591	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại		Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại
15	2592	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	
16	2824	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng		Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng
17	3311	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn		
18	3312	Sửa chữa máy móc, thiết bị	Sửa chữa máy móc, thiết bị	Sửa chữa máy móc, thiết bị
19	3313	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học		Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học

STT	Mã ngành kinh doanh	Ngành nghề kinh doanh của Công ty Hợp nhất (dự kiến)	Ngành nghề kinh doanh của TDN	Ngành nghề kinh doanh của TC6
20	3314	Sửa chữa thiết bị điện		Sửa chữa thiết bị điện
21	3315	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)		Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)
22	3319	Sửa chữa thiết bị khác		Sửa chữa thiết bị khác
23	3320	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp.		Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp.
24	3512	Truyền tải và phân phối điện		Truyền tải và phân phối điện
25	3600	Khai thác, xử lý và cung cấp nước		Khai thác, xử lý và cung cấp nước
26	3700	Thoát nước và xử lý nước thải		Thoát nước và xử lý nước thải
27	4101	Xây dựng nhà để ở		Xây dựng nhà để ở
28	4102	Xây dựng nhà không để ở		Xây dựng nhà không để ở
29	4211	Xây dựng công trình đường sắt	Xây dựng công trình đường sắt	
30	4212	Xây dựng công trình đường bộ	Xây dựng công trình đường bộ	
31	4291	Xây dựng công trình thủy		
32	4292	Xây dựng công trình khai khoáng		
33	4293	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo.		
34	4299	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	

012
 NG
 PH
 N Đ
 IN
 PHA

STT	Mã ngành kinh doanh	Ngành nghề kinh doanh của Công ty Hợp nhất (dự kiến)	Ngành nghề kinh doanh của TDN	Ngành nghề kinh doanh của TC6
35	4311	Phá dỡ		Phá dỡ
36	4312	Chuẩn bị mặt bằng	Chuẩn bị mặt bằng	Chuẩn bị mặt bằng
37	4321	Lắp đặt hệ thống điện		Lắp đặt hệ thống điện
38	4520	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác
39	4663	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng
40	4912	Vận tải hàng hóa đường sắt	Vận tải hàng hóa đường sắt	Vận tải hàng hóa đường sắt
41	4931	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)		Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)
42	4933	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ
43	5022	Vận tải hàng hoá đường thủy nội địa	Vận tải hàng hoá đường thủy nội địa	Vận tải hàng hoá đường thủy nội địa
44	5210	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa		Kho bãi và lưu giữ hàng hóa
45	5222	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy - Quản lý khai thác cảng và bến thủy nội địa.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy - Quản lý khai thác cảng và bến thủy nội địa.	
46	5510	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày

STT	Mã ngành kinh doanh	Ngành nghề kinh doanh của Công ty Hợp nhất (dự kiến)	Ngành nghề kinh doanh của TDN	Ngành nghề kinh doanh của TC6
47	5610	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống, phục vụ lưu động	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống, phục vụ lưu động	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống, phục vụ lưu động
48	5621	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng		Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng
49	6810	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Cho thuê điều hành, quản lý nhà và đất không để ở.		
50	7730	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển.		

3. Vốn điều lệ

- Vốn điều lệ của Công ty Hợp nhất là: 619.352.020.000 đồng (Sáu trăm mười chín tỷ, ba trăm năm mươi hai triệu, không trăm hai mươi nghìn đồng)
- Số cổ phần phát hành: 61.935.202 cổ phần
- Loại cổ phần: cổ phần phổ thông
- Mệnh giá mỗi cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần.

4. Cơ cấu nguồn vốn và tài sản sau hợp nhất

Giả thiết Ngày Hợp nhất là ngày 30/09/2023, ta sẽ tính toán được các chỉ tiêu của Công ty hợp nhất dựa trên số liệu Quyết toán báo cáo tài chính Quý III/2023 của TC6 và TDN như sau:

TT	Chỉ tiêu	TC6	TDN	Công ty Hợp nhất
1	Vốn điều lệ trước hợp nhất (triệu đồng)	324.961	294.391	619.352
2	Số cổ phiếu đang lưu hành (cổ phiếu)	32.496.105	29.439.097	61.935.202
3	Tổng tài sản (triệu đồng)	1.395.331	1.521.016	2.916.347

5. Thông tin về các mối liên hệ giữa các tổ chức bị hợp nhất

(i) Quan hệ sở hữu chéo:

Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam là công ty mẹ của CTCP Than Cọc Sáu và CTCP Than Đèo Nai:

Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam sở hữu tại	Số lượng cổ phần sở hữu (cp)	Tỷ lệ nắm giữ (%)
Công ty Than Cọc Sáu	21.130.131	65,02%
Công ty Than Đèo Nai	19.135.414	65,00%

(ii) Quan hệ với người có liên quan khác:

TC6 và TDN là công ty con của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam.

(iii) Quan hệ kinh doanh và các quan hệ khác với bên thứ ba:

TC6 và TDN tiến hành khai thác, quản lý và giao sản phẩm cho Tập đoàn trên cơ sở hợp đồng khai thác, sàng tuyển, chế biến than. Việc ký kết hợp đồng cung cấp than với các khách hàng sẽ do Tập đoàn trực tiếp đứng ra ký kết, Công ty có trách nhiệm thực hiện các hợp đồng đó theo sự chỉ định của Tập đoàn.

6. Phương án hoạt động kinh doanh sau hợp nhất:

Kế hoạch sản xuất kinh doanh sau hợp nhất (dự kiến):

TT	Chỉ tiêu	Năm 2024
1	Doanh thu (triệu đồng)	5.824.582
2	Lợi nhuận sau thuế (triệu đồng)	67.766
3	Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/doanh thu (%)	1,16%
4	Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu (ROE) (%)	9,47%
5	Tỷ lệ cổ tức (tính trên mệnh giá) (%)	6%

7. Phương án sử dụng lao động:

Vào Ngày Hợp Nhất, toàn bộ người lao động của TC6 và TDN sẽ trở thành người lao động của Công ty Hợp nhất. Công ty Hợp nhất có nghĩa vụ thừa nhận, tôn trọng và cam kết tiếp tục kế thừa các hợp đồng lao động của người lao động của TC6 và TDN. Đồng thời, Công ty Hợp nhất sẽ đảm bảo chế độ làm việc, thu nhập và phúc lợi cho người lao động tối thiểu đạt mức hiện tại.

III. Thông tin về việc hợp nhất

1. Mục đích hợp nhất:

Việc hợp nhất Công ty cổ phần Than Cọc Sáu – Vinacomin (“TC6”) và Công ty cổ phần Than Đèo Nai – Vinacomin (“TDN”) được thực hiện theo Quyết định số 1263/QĐ-TTg ngày 27/10/2023 về việc Phê duyệt Đề án cơ cấu lại Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam đến năm 2025.

Việc hợp nhất TC6 và TDN nhằm mục đích nâng cao hiệu quả trong sản xuất kinh

doanh, giải quyết những khó khăn về khai thác, biên giới, trữ lượng, đồ thái, sắp xếp mô hình tổ chức tinh gọn, bố trí lao động hợp lý. Việc hợp nhất không chỉ giảm được các đầu mối mà còn giúp Công ty nâng trữ lượng tài nguyên, tiết kiệm tối đa quản lý nhân lực và giúp giảm các chi phí quản lý, thuế tài nguyên, phục vụ phụ trợ... nhờ đó nâng cao hiệu quả trong hoạt động.

2. Hình thức hợp nhất:

- Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin, Công ty cổ phần Than Đèo Nai - Vinacomin sẽ hợp nhất thành một pháp nhân mới là Công Ty Hợp Nhất thông qua hoán đổi cổ phiếu TC6 và cổ phiếu TDN lấy cổ phiếu của Công Ty Hợp Nhất theo Hợp đồng hợp nhất. Vào Ngày Hợp Nhất, Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin và Công ty cổ phần Than Đèo Nai - Vinacomin chấm dứt tồn tại, chuyển toàn bộ quyền và lợi ích hợp pháp, các khoản nợ chưa thanh toán, hợp đồng lao động và các nghĩa vụ khác cho Công Ty Hợp Nhất.
- Tỷ lệ hoán đổi cổ phiếu để thực hiện hợp nhất sẽ được tính toán dựa trên kết quả định giá của các Công ty bị hợp nhất thực hiện bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY, vốn điều lệ của các Công ty bị hợp nhất và vốn điều lệ của Công ty Hợp nhất.

3. Chi phí hợp nhất

Các chi phí hợp nhất bao gồm các chi phí phát sinh để thực hiện toàn bộ quá trình hợp nhất từ khi các bên ký kết hợp đồng hợp nhất cho đến khi Công ty hợp nhất nhận được Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mới và có đầy đủ quyền sở hữu, sử dụng đối với tài sản của các Công ty bị hợp nhất, bao gồm nhưng không hạn chế ở các chi phí sau: chi phí thực hiện hồ sơ giấy tờ, xin chấp thuận; chi phí đăng ký, chuyển giao quyền sở hữu... Mỗi bên tự chịu các chi phí và phí tổn phát sinh cho bên đó liên quan đến hợp đồng và giao dịch hợp nhất, cho dù giao dịch hợp nhất có hoàn thành hay không.

4. Phương pháp kế toán hợp nhất

Giá trị tài sản, nợ phải trả, vốn chủ sở hữu của CTCP Than Cọc Sáu - Vinacomin, CTCP Than Đèo Nai - Vinacomin sẽ được chuyển giao cho Công ty hợp nhất bằng cách hợp cộng sổ kế toán, với các nguyên tắc cơ bản sau:

Vốn chủ sở hữu của Công ty Hợp nhất sẽ bằng tổng Giá trị tài sản thuần của 2 Công ty tại ngày *Ngày Hợp nhất (là ngày Công ty hợp nhất nhận được Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp)*. Giá trị tài sản thuần này là chênh lệch giữa Tổng tài sản và Tổng nợ phải trả tại *Ngày Hợp nhất*. Như vậy:

- Vốn điều lệ của công ty Hợp nhất sẽ bằng tổng vốn điều lệ của 2 Công ty tham gia hợp nhất;
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của công ty Hợp nhất được xác định bằng tổng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của TC6 và TDN;
- Các nguồn quỹ của công ty Hợp nhất được xác định bằng tổng các nguồn quỹ của 2 công ty tham gia hợp nhất.

Tài sản và nợ phải trả của Công ty hợp nhất được xác định bằng tổng tài sản và nợ phải trả của CTCP Than Cọc Sáu và CTCP Than Đèo Nai tại *Ngày Hợp nhất*.

5. Các phương pháp xác định giá trị cổ phần; Tỷ lệ và nguyên tắc hoán đổi:

a. Các phương pháp xác định giá trị cổ phần:

Có 3 phương pháp xác định giá trị cổ phần cho TDN và TC6, cụ thể như sau:

- Phương pháp tài sản: Phương pháp tài sản phản ánh chính xác giá trị các tài sản



hiện hữu và các tiềm năng của doanh nghiệp tại thời điểm thẩm định nhưng lại đánh giá tài sản ở trạng thái tĩnh.

- Phương pháp tỷ số bình quân: Giá trị doanh nghiệp xác định thông qua so sánh với giá của 3 công ty đã niêm yết trên sàn chứng khoán hoặc đăng ký giao dịch. Các chỉ số tài chính của các đơn vị này chưa có tính chất tương đồng và chưa phù hợp về quy mô nhưng phản ánh được góc nhìn về giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Phương pháp giá giao dịch: Phương pháp này phản ánh được giá trị trên thị trường của Cổ phiếu. Giá trị giao dịch từ khi niêm yết đến thời điểm thẩm định giá có sự biến động, được nhà đầu tư chấp nhận và có giao dịch khớp lệnh. Tuy nhiên, khối lượng giao dịch của cổ phiếu TC6 là nhỏ so với tổng khối lượng cổ phiếu niêm yết, mức độ giao dịch trên thị trường cũng không thường xuyên.

Do đó, Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY đã lựa chọn phương pháp tài sản để tính toán giá trị cổ phần làm cơ sở tính toán tỷ lệ hoán đổi thực hiện hợp nhất 2 Công ty.

b. Giá trị cổ phần

⚡ Giá trị cổ phần Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin

Căn cứ vào Chứng thư thẩm định giá Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin số 1068/2023/UHY-BCTV ngày 07/12/2023 và Báo cáo Tư vấn giá số 1068/2023/UHY-BCTV ngày 07/12/2023 của Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY tại thời điểm 30/06/2023:

Giá trị phần vốn chủ sở hữu của TC6 tại thời điểm 30/06/2023 (1)	1.422.626.840.377 đồng
Tổng số vốn cổ phần của CTCP Than Cọc Sáu - Vinacomin (2)	32.496.105 cổ phần
Giá trị 1 cổ phần là: (3) = (1)/(2)	43.778 đồng/cổ phần

⚡ Giá trị cổ phần Công ty cổ phần Than Đèo Nai - Vinacomin

Căn cứ vào Chứng thư thẩm định giá Công ty cổ phần Than Đèo Nai - Vinacomin số 1067/2023/UHY-BCTĐG ngày 07/12/2023 và Báo cáo tư vấn giá số 1067/2023/UHY-BCTV ngày 07/12/2023 của Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY tại thời điểm 30/06/2023:

Giá trị phần vốn chủ sở hữu của TDN tại thời điểm 30/06/2023 (1)	1.332.537.554.120 đồng
Phương án phân phối lợi nhuận sau thuế tích lũy đến thời điểm 30/06/2023 (2)	(26.473.017.011) đồng
Giá trị phần vốn chủ sở hữu của Công ty cổ phần Than Đèo Nai - Vinacomin dự kiến sau khi thực hiện phân phối lợi nhuận đến thời điểm 30/06/2023 là: (3)=(1)-(2)	1.306.064.537.109 đồng
Tổng số vốn cổ phần của CTCP Than Đèo Nai - Vinacomin (4)	29.439.097 cổ phần
Giá trị 1 cổ phần là: (5) = (1)/(4)	45.264 đồng/cổ phần
Giá trị 1 cổ phần (dự kiến sau khi thực hiện phân phối lợi nhuận) là: (6)=(3)/(4)	44.365 đồng/cổ phần

c. Tỷ lệ hoán đổi

Căn cứ theo kết quả Báo cáo kết quả chứng thư thẩm định giá CTCP Than Cọc Sáu và CTCP Than Đèo Nai, Báo cáo tư vấn giá do Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY thực hiện, tỷ lệ hoán đổi của các cổ đông Công ty bị Hợp nhất được tính toán như sau:

TT	Chỉ tiêu	TC6	TDN	Công ty Hợp nhất
1	Vốn điều lệ trước hợp nhất (30/06/2023)	324.961.050.000	294.390.970.000	
2	Số cổ phiếu đang lưu hành (30/06/2023)	32.496.105	29.439.097	
3	Vốn điều lệ sau hợp nhất trên sổ sách kế toán			619.352.020.000
Tỷ lệ hoán đổi khi TDN chưa thực hiện phân phối lợi nhuận				
4	Vốn chủ sở hữu (đã được đánh giá lại) (30/06/2023)	1.422.626.840.377	1.332.537.554.120	
5	Giá trị 1 cổ phần đã được đánh giá lại (30/06/2023)	43.778	45.264	
6	Trọng số về tương quan tỷ lệ giá trị vốn chủ sở hữu được đánh giá lại giữa 2 công ty	51,63%	48,37%	
7	Số vốn cổ phần công ty hợp nhất mà các cổ đông công ty bị hợp nhất sẽ nhận được	319.771.447.926	299.580.572.074	
8	Tỷ lệ hoán đổi cổ phần ((8)=(7)/(1))	0,9840	1,0176	
9	Tỷ lệ hoán đổi cổ phần (làm tròn số)	1	1	
Tỷ lệ hoán đổi khi TDN thực hiện phân phối lợi nhuận				
10	Vốn chủ sở hữu (đã được đánh giá lại) (30/06/2023)	1.422.626.840.377	1.306.064.537.109	
11	Giá trị 1 cổ phần đã được đánh giá lại (30/06/2023)	43.778	44.365	
12	Trọng số về tương quan tỷ lệ giá trị vốn chủ sở hữu được đánh giá lại giữa 2 công ty	52,14%	47,86%	

TT	Chỉ tiêu	TC6	TDN	Công ty Hợp nhất
13	Số vốn cổ phần công ty hợp nhất mà các cổ đông công ty bị hợp nhất sẽ nhận được	322.930.143.228	296.421.876.772	
14	Tỷ lệ hoán đổi cổ phần ((14)=(13)/(1))	0,9938	1,0069	
15	Tỷ lệ hoán đổi cổ phần (làm tròn số)	1	1	

Kết luận: Như vậy, tỷ lệ hoán đổi cổ phiếu được xác định là 1:1. Có nghĩa là:

- 01 cổ phiếu TC6 sẽ được hoán đổi lấy 01 cổ phiếu Công ty Hợp nhất.
- 01 cổ phiếu TDN sẽ được hoán đổi lấy 01 cổ phiếu Công ty Hợp nhất.

6. Thời hạn, thủ tục và điều kiện chuyển đổi tài sản

Toàn bộ tài sản, quyền và lợi ích hợp pháp của các Bên được coi là đã chuyển giao cho Công Ty Hợp Nhất vào Ngày Hợp Nhất tính theo giá trị sổ sách tại Ngày Hợp Nhất.

- a. Vào Ngày Hợp Nhất, Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin và Công ty cổ phần Than Đèo Nai - Vinacomin sẽ lập Hội đồng bàn giao tài sản gồm Người đại diện theo pháp luật, các thành viên HĐQT, đại diện Ban kiểm soát của từng Công ty (nếu có). Hội đồng bàn giao tài sản có trách nhiệm bảo quản, thống kê, ký Biên bản bàn giao với Hội đồng tiếp nhận tài sản của Công Ty Hợp Nhất. Hội đồng tiếp nhận tài sản gồm Người đại diện theo pháp luật, các thành viên HĐQT của Công Ty Hợp Nhất.
- b. Vào Ngày Hợp Nhất, toàn bộ hồ sơ, tài liệu liên quan đến quá trình tổ chức và hoạt động của các Công ty bị hợp nhất phải được chuyển giao cho Công Ty Hợp Nhất. Các Bên đồng thời thực hiện việc khóa sổ kế toán, kiểm kê tài sản, lập Báo cáo tài chính và bàn giao toàn bộ tài liệu kế toán cho Công Ty Hợp Nhất trên cơ sở Biên bản bàn giao.
- c. Việc chuyển giao tài sản và nghĩa vụ nợ phải được ghi nhận tại Biên bản bàn giao, xác nhận tình trạng Tài sản/Nghĩa vụ nợ theo từng danh mục Tài sản/Nghĩa vụ nợ. Hội đồng bàn giao tài sản của mỗi Bên liên đới chịu trách nhiệm trong trường hợp kê khai không đúng, không đầy đủ tình trạng tài sản, công nợ của mỗi Công ty trong Biên bản bàn giao.
- d. Tất cả các khoản tiền và khoản nợ (thuộc bất kỳ loại nào và bằng bất kỳ loại tiền tệ nào) đến hạn, còn nợ, phát sinh hoặc phải trả cho bên thứ ba nào của Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin, Công ty cổ phần Than Đèo Nai - Vinacomin tồn tại trước Ngày Hợp Nhất và đã được liệt kê tại Báo cáo kiểm toán và Bảng tổng hợp các thay đổi phát sinh sẽ được chuyển giao cho và trở thành nghĩa vụ của Công Ty Hợp Nhất. Công Ty Hợp Nhất có nghĩa vụ thanh toán đầy đủ đối với bên thứ ba đó.
- e. Đối với các tài sản phải đăng ký theo quy định của pháp luật (nếu có), Công Ty Hợp Nhất sẽ thực hiện các thủ tục cần thiết để nhận chuyển quyền sở hữu từ các Công ty bị hợp nhất sang Công Ty Hợp Nhất trong vòng 06 (sáu) tháng kể từ Ngày Hợp Nhất trên cơ sở phù hợp với các quy định pháp luật có liên quan.
- f. Vào Ngày Hợp Nhất, Công Ty Hợp Nhất căn cứ vào Biên bản bàn giao mở sổ kế toán, tổng hợp Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin,

Công ty cổ phần Than Đèo Nai - Vinacomin thành Báo cáo tài chính của Công Ty Hợp Nhất.

- g. Kể từ Ngày Hợp Nhất, Công Ty Hợp Nhất sẽ kế thừa tất cả các quyền và nghĩa vụ Các Bên theo các hợp đồng còn hiệu lực giữa Bên A, Bên B với bên thứ ba trước Ngày Hợp Nhất, và sẽ bị ràng buộc bởi các hợp đồng đó.
 - h. Công Ty Hợp Nhất sẽ không có nghĩa vụ thanh toán bất cứ khoản tiền nào hoặc tài sản nào khác cho bất cứ tổ chức/cá nhân nào liên quan đến cổ phần của Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin, Công ty cổ phần Than Đèo Nai - Vinacomin.
 - i. Trong thời gian kể từ ngày ký Hợp đồng hợp nhất cho đến Ngày Hợp Nhất, hai Công ty vẫn hoạt động kinh doanh bình thường, vẫn thực hiện các nghĩa vụ về tài sản hoặc các nghĩa vụ khác theo hợp đồng đã ký kết, hoặc ký các hợp đồng cần thiết khác phục vụ hoạt động kinh doanh thường ngày, cũng như ban hành các quyết định nội bộ khác để điều hành các công việc thường ngày, tuy nhiên phải tuân thủ các cam kết và hạn chế khác mà các Công ty đã thống nhất và ghi nhận tại Hợp đồng hợp nhất.
 - j. ĐHDCĐ của Hai Công ty bị hợp nhất sẽ bầu thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Trưởng Ban Kiểm soát và bổ nhiệm Giám đốc của Công Ty Hợp Nhất. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Giám đốc của Công Ty Hợp Nhất sẽ được tính từ Ngày Hợp Nhất.
 - k. Kể từ ngày Ngày Ký kết Hợp đồng hợp nhất, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc của hai Công ty bị hợp nhất vẫn tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ của mình, phối hợp với nhau làm tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh của Mỗi Bên và sẽ chấm dứt mọi quyền và nghĩa vụ vào Ngày Hợp Nhất.
 - l. Công Ty Hợp Nhất sẽ không tham gia vào hoạt động vận hành, kinh doanh và quản lý của Mỗi Bên trong thời gian kể từ ngày Ngày Ký kết Hợp đồng hợp nhất đến Ngày Hợp Nhất.
- 7. Tỷ suất lợi nhuận trên vốn mỗi cổ phần trước và sau hợp nhất, so sánh giá thị trường với giá trị sau chuyển đổi**

Stt	Chỉ tiêu	TC6	TDN	Công ty Hợp nhất
1	Lợi nhuận sau thuế (31/12/2022) (triệu đồng)	1.574	49.566	
2	Số cổ phiếu đang lưu hành (cổ phiếu)	32.496.105	29.439.097	
3	Tỷ suất lợi nhuận trên vốn cổ phần	0,47%	13,16%	
4	Giá đóng cửa cổ phiếu tại ngày 31/12/2022	4.200 đồng/cp	7.000 đồng/cp	
5	Giá trị sau khi chuyển đổi (đồng)	N/A	N/A	619.352.020.000

- 8. Lộ trình hợp nhất và trình tự, thủ tục, điều kiện, tổ chức thực hiện chuyển đổi cổ phần**



a. Lộ trình hợp nhất (dự kiến)

Công việc thực hiện	Thời gian
Tổ chức ĐHĐCĐ của các bên công ty bị hợp nhất để thông qua việc hợp nhất. 2 Công ty ký Hợp đồng hợp nhất tại ngày ĐHĐCĐ thông qua Hợp đồng hợp nhất.	6 tuần (bao gồm cả thời gian chốt danh sách)
2 Công ty thực hiện công bố thông tin về nghị quyết, biên bản ĐHĐCĐ thông qua phương án, điều lệ và hợp đồng hợp nhất	Trong vòng 24h kể từ khi được thông qua
TC6 và TDN thông báo và gửi cho các chủ nợ và người lao động hợp đồng hợp nhất	Trong vòng 15 ngày kể từ khi ĐHĐCĐ thông qua hợp đồng hợp nhất.
2 Công ty cùng nộp hồ sơ xin ý kiến Ủy ban cạnh tranh quốc gia về tập trung kinh tế khi thực hiện hợp nhất	4 tuần
TC6 và TDN nộp hồ sơ và xin cấp phép của UBCKNN về phương án phát hành cổ phiếu để thực hiện hợp nhất.	8 tuần
2 Công ty công bố thông báo phát hành cổ phiếu hoán đổi	Trong vòng 7 ngày kể từ ngày có giấy phép chào bán chứng khoán ra công chúng của UBCKNN
2 Công ty thực hiện chốt danh sách cổ đông để thực hiện việc hoán đổi cổ phiếu	Gửi thông báo chốt danh sách đến Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam 8 ngày làm việc trước ngày chốt danh sách.
Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu gửi UBCKNN	Trong vòng 10 ngày kể từ ngày thực hiện hoán đổi cổ phiếu.
Hủy đăng ký giao dịch, lưu ký cổ phần của Công ty bị hợp nhất	2 tuần
Hoàn thiện hồ sơ đăng ký chính thức Công ty Hợp nhất nộp lên Sở Kế Hoạch và Đầu Tư ở tại địa phương nơi có trụ sở của Công ty Hợp nhất.	2 tuần
Chuyển giao toàn bộ tài sản, nợ, quyền và nghĩa vụ từ các công ty bị hợp nhất sang công ty Hợp nhất vào Ngày Hợp nhất	2 tuần
- Đăng ký cấp lại các giấy phép chuyên ngành - Đăng ký công ty đại chúng đối với Công ty Hợp nhất - Đăng ký lưu ký chứng khoán của Công ty Hợp nhất - Đăng ký giao dịch đối với Công ty Hợp nhất - Đăng ký quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng các tài sản phải đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng.	4 tuần – 8 tuần

b. Thời hạn, thủ tục và điều kiện chuyển đổi cổ phần

- Kể từ ngày ĐHĐCĐ thông qua phương án hoán đổi cổ phiếu cho đến Ngày Đăng Ký Cuối Cùng, TC6 và TDN không được phát hành thêm, phân chia, tách, gộp cổ phần.
 - TC6 và TDN phải xác định ngày chốt danh sách cổ đông của mỗi bên để tiến hành việc hoán đổi cổ phiếu thành cổ phiếu của Công ty Hợp Nhất (“Ngày Đăng Ký Cuối Cùng”).
 - Kể từ Ngày Hợp Nhất: Mọi cổ phần do TC6, TDN đã phát hành và đang lưu hành trước thời điểm hoán đổi sẽ tự động bị hủy và chấm dứt tồn tại.
 - Công ty Hợp nhất sẽ không thanh toán bất cứ khoản tiền nào hoặc tài sản nào khác cho bất cứ tổ chức/cá nhân nào liên quan đến cổ phần của TC6 và TDN.
 - Việc chuyển giao cổ phiếu sẽ được thực hiện tại Trụ sở Công ty Hợp nhất, trong vòng 30 ngày kể từ Ngày Hợp Nhất.
- c. Phương án huy động nguồn vốn, trong trường hợp tổ chức bị hợp nhất không đủ năng lực tài chính, để bảo đảm quyền lợi của các cổ đông phản đối, không đồng ý việc hợp nhất**

Căn cứ Điều 132 và Điều 134 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, trong trường hợp cổ đông của TC6 và TDN không biểu quyết thông qua phương án hợp nhất thì sẽ có quyền yêu cầu công ty mua lại cổ phần. Tuy nhiên, công ty chỉ thực hiện mua lại khi có nguồn và sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại, công ty vẫn đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác.

B. PHƯƠNG ÁN BẢO VỆ QUYỀN LỢI, LỢI ÍCH HỢP PHÁP CỦA CÁC TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CÓ LIÊN QUAN

Phương án bảo vệ quyền lợi, lợi ích hợp pháp của cổ đông, chủ nợ, người lao động và các chức danh quản lý, khách hàng của TC6 và TDN: chi tiết theo dự thảo Phương án đính kèm.

C. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY BỊ HỢP NHẤT

1. Tiến hành thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính, kê khai tài sản, quyền, nghĩa vụ, lợi ích hợp pháp một cách trung thực, chính xác.
2. Không thực hiện tăng vốn làm ảnh hưởng đến tỷ lệ chuyển đổi cổ phần trong thời gian kể từ khi Hợp đồng hợp nhất có hiệu lực.
3. Không mở rộng ngành nghề kinh doanh, hoặc đầu tư vào một dự án nào mà không được sự đồng ý bằng văn bản của Bên còn lại kể từ ngày Hợp đồng hợp nhất có hiệu lực.
4. Không sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ, thay thế các chính sách, quy chế, quy định, quy trình quản lý, điều hành đang được áp dụng tại công ty kể từ ngày Hợp đồng hợp nhất có hiệu lực (bao gồm cả các quy định về tài chính, kế toán, kiểm toán...).
5. Phối hợp, kiểm soát việc thực hiện theo Hợp đồng hợp nhất.
6. Không ban hành bất kỳ văn bản nào gây cản trở việc hợp nhất.
7. Giải quyết các khiếu nại, tranh chấp có liên quan đến việc hợp nhất và mọi hoạt động của mỗi Bên tính đến Ngày Hợp nhất.
8. Cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về số liệu các khoản nợ, tiền phải trả, nghĩa vụ tài chính và chi phí phát sinh của mỗi Bên tính đến Ngày Hợp nhất. Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Người đại diện theo pháp luật



của mỗi Bên liên đới chịu trách nhiệm trong trường hợp kê khai không đúng, không đầy đủ tình trạng tài sản, công nợ của mỗi Bên.

D. THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH CỦA HĐQT

Sau khi được ĐHĐCĐ thông qua phương án hợp nhất, tỷ lệ hoán đổi cổ phiếu, dự thảo Hợp đồng hợp nhất, ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT 2 công ty thực hiện ký kết hợp đồng hợp nhất, và chỉnh sửa, bổ sung hợp đồng hợp nhất (nếu cần) để đảm bảo quyền lợi cao nhất cho Công ty và các cổ đông.

E. ĐIỀU LỆ CÔNG TY HỢP NHẤT

Dự thảo Điều lệ Công ty hợp nhất tuân theo quy định của Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 về hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

F. CÁC NỘI DUNG LIÊN QUAN TỚI THUẾ VÀ NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH ĐỐI VỚI NHÀ NƯỚC

Các công ty bị hợp nhất cần thực hiện quyết toán thuế, thực hiện hoàn thành đầy đủ nghĩa vụ đối với nhà nước trước khi chấm dứt hoạt động.

G. PHƯƠNG ÁN XỬ LÝ VÀ/HOẶC BỒI THƯỜNG TRONG TRƯỜNG HỢP MỘT BÊN BỊ HỢP NHẤT ĐƠN PHƯƠNG HỦY BỎ THỎA THUẬN HỢP NHẤT

Nếu một trong hai bên công ty bị hợp nhất đơn phương hủy bỏ thỏa thuận hợp nhất, bên vi phạm có trách nhiệm bồi thường cho bên kia bất kỳ khoản mất mát, thiệt hại nào do hành vi vi phạm thỏa thuận hợp nhất đã được kí kết của mình hoặc người đại diện của mình gây ra bao gồm nhưng không giới hạn tất cả các khoản chi phí, phí tổn liên quan đến việc ký kết, thực hiện và chấm dứt thỏa thuận hợp nhất.

H. ĐĂNG KÝ LƯU KÝ CỔ PHIẾU PHÁT HÀNH ĐỂ HOÁN ĐỔI CỦA CÔNG TY HỢP NHẤT TẠI TỔNG CÔNG TY LƯU KÝ VÀ BÙ TRỪ CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM VÀ ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỔ PHIẾU TRÊN HỆ THỐNG UPCOM CỦA SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Công ty hợp nhất có trách nhiệm đăng ký công ty đại chúng với UBCKNN sau khi đi vào hoạt động và đáp ứng các điều kiện theo quy định.

Toàn bộ số cổ phiếu phát hành để hoán đổi của Công ty hợp nhất sẽ được đăng ký lưu ký tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam và đăng ký giao dịch trên hệ thống UpCOM của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

I. THỜI GIAN THỰC HIỆN

Thời gian thực hiện dự kiến: trong năm 2024. ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT chủ động triển khai các thủ tục để hợp nhất 2 Công ty trên cơ sở đảm bảo tuân thủ đúng các quy định của pháp luật hiện hành.

J. CÁC NỘI DUNG ỦY QUYỀN CHO HĐQT

Để việc triển khai thực hiện công tác hợp nhất Công ty Cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin và Công ty Cổ phần Than Đèo Nai - Vinacomin được nhanh chóng và thuận lợi, HĐQT kính trình ĐHĐCĐ ủy quyền cho Hội đồng quản trị triển khai các công việc

liên quan đến hợp nhất công ty, bao gồm nhưng không giới hạn các công việc sau đây:

1. Hoàn thiện Phương án hợp nhất theo các nội dung mà ĐHĐCĐ bất thường đã thông qua, bao gồm nhưng không giới hạn ở Kết quả bầu cử thành viên HĐQT, Ban kiểm soát và bổ nhiệm Giám đốc, người đại diện theo pháp luật của Công ty hợp nhất;

2. Đàm phán, bổ sung và hoàn chỉnh Hợp đồng hợp nhất cho phù hợp với tình hình thực tế và các quy định pháp luật có liên quan giữa Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin và Công ty cổ phần Than Đèo Nai - Vinacomin;

3. Triển khai, xây dựng và thực hiện tất cả các thủ tục, tài liệu cần thiết để phát hành cổ phiếu thực hiện hoán đổi để thực hiện hợp nhất theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty;

4. Chủ động triển khai thực hiện các thủ tục nhằm đảm bảo việc hợp nhất Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin và Công ty cổ phần Than Đèo Nai - Vinacomin được tiến hành nhanh chóng và đảm bảo các quy định của pháp luật hiện hành;

5. Tổ chức, sắp xếp bộ máy hoạt động, nhân sự của Công ty hợp nhất để đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh được liên tục;

6. Phối hợp với Công ty hợp nhất thực hiện tất cả các thủ tục, tài liệu cần thiết để lưu ký và đăng ký giao dịch tập trung số cổ phiếu phát hành tại Tổng công ty Lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và trên hệ thống UpCOM của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội theo quy định của Pháp luật.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi (qua Website);
- Các thành viên HĐQT, BKS (e-copy);
- Đăng trên Website;
- Lưu: VT, Thư ký Công ty.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Trọng Tốt



Số: 6105/TTr-TĐN

Cám Phá, ngày 22 tháng 12 năm 2023

TỜ TRÌNH

Về việc Thông qua hợp đồng hợp nhất Công ty Cổ phần Than Cọc Sáu-
Vinacomin và Công ty Cổ phần Than Đèo Nai- Vinacomin

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Than Đèo Nai- Vinacomin

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Quyết định số 2006/QĐ-TTg ngày 12/12/2017 phê duyệt Đề án tái cơ cấu Tập đoàn Than - Khoáng sản Việt Nam giai đoạn 2017 – 2020;
- Quyết định số 1263/QĐ-TTg ngày 27/10/2023 về việc Phê duyệt Đề án cơ cấu lại Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam đến năm 2025;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Than Đèo Nai - Vinacomin đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 20/4/2021;
- Căn cứ Nghị quyết số 20/NQ-HĐQT ngày 22/12/2023 của HĐQT Công ty.

Theo quy định tại Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020, Hội đồng quản trị (“HĐQT”) Công ty đã xây dựng dự thảo Hợp đồng hợp nhất giữa Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin và Công ty cổ phần Than Đèo Nai – Vinacomin.

HĐQT Công ty cổ phần Than Đèo Nai- Vinacomin trình Đại hội đồng cổ đông thông qua nội dung Hợp đồng hợp nhất giữa 2 Công ty (Dự thảo hợp đồng đã được gửi lên Website Công ty để các cổ đông nghiên cứu), đồng thời ủy quyền cho HĐQT Công ty đàm phán, bổ sung và hoàn chỉnh Hợp đồng hợp nhất cho phù hợp với tình hình thực tế và các quy định pháp luật có liên quan.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi (Qua Website);
- Các thành viên HĐQT, BKS (e-copy);
- Đăng trên Website;
- Lưu: VT, Thư ký Công ty.



Số: 6106/TTTr-TĐN

Cẩm Phà, ngày 22 tháng 12 năm 2023

TỜ TRÌNH
Về việc Thông qua dự thảo điều lệ Công ty sau hợp nhất

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Than Đèo Nai- Vinacomin

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính về hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;
- Quyết định số 2006/QĐ-TTg ngày 12/12/2017 phê duyệt Đề án tái cơ cấu Tập đoàn Than - Khoáng sản Việt Nam giai đoạn 2017- 2020;
- Quyết định số 1263/QĐ-TTg ngày 27/10/2023 về việc Phê duyệt Đề án cơ cấu lại Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam đến năm 2025;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Than Đèo Nai - Vinacomin đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 20/4/2021;
- Căn cứ Nghị quyết số 20/NQ-HĐQT ngày 22/12/2023 của HĐQT Công ty.

Để bảo đảm thực hiện hợp nhất Công ty Cổ phần Than Cọc sáu - Vinacomin và Công ty Cổ phần Than Đèo Nai - Vinacomin đúng thủ tục, quy định tại Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Than Đèo Nai- Vinacomin trình Đại hội đồng cổ đông thông qua nội dung Điều lệ Công ty hợp nhất theo quy định áp dụng đối với công ty đại chúng theo mẫu tại Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 với cấu trúc gồm 20 Chương và 60 Điều.

(Dự thảo điều lệ đã được gửi lên Website Công ty để các cổ đông nghiên cứu).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi (Qua Website);
- Thành viên HĐQT, BKS (e-copy);
- Đăng trên Website;
- Lưu: VT, Thư ký Công ty.



Số: 6108/TTr-TĐN

Cám Phá, ngày 22 tháng 12 năm 2023

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua bổ sung ngành nghề kinh doanh của Công ty hợp nhất

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Than Đèo Nai- Vinacomin

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Than Đèo Nai - Vinacomin đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 20/4/2021;
- Căn cứ Nghị quyết số 20/NQ-HĐQT ngày 22/12/2023 của HĐQT Công ty.

Thực hiện việc hợp nhất Công ty Cổ phần Than Đèo Nai-Vinacomin và Công ty Cổ phần Than Cọc Sáu- Vinacomin. Sau khi được hợp nhất hai Công ty theo đề án tái cơ cấu của TKV, nhà điều hành sản xuất và các công trình xây dựng khác được thu gọn lại, máy móc thiết bị và nhân công được tổ chức lại phù hợp... Để chuẩn bị cho việc thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh phù hợp với thực trạng của Công ty hợp nhất, Công ty cần đăng ký thêm một số ngành nghề. Theo yêu cầu của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh, Công ty phải làm thủ tục bổ sung ngành nghề kinh doanh mới được Sở Công thương cấp giấy phép cho Công ty được hoạt động sản xuất kinh doanh.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Than Đèo Nai- Vinacomin trình Đại hội để bổ sung thêm một số ngành nghề sau:

TT	Tên ngành	Mã ngành
1	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
2	Xây dựng công trình thủy	4291
3	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
4	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
5	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Cho thuê điều hành, quản lý nhà và đất không để ở	6810
6	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần than Đèo Nai - Vinacomin kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Nơi nhận:

- Các cổ đông của Công ty (Website);
- Các thành viên HĐQT, BKS (e-copy);
- (Đăng Website)
- Lưu: VT, Thư ký Công ty.



Nguyễn Trọng Tốt

Số: 6107/TT-ĐN

Cám Phá, ngày 22 tháng 12 năm 2023

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua Phương án phát hành cổ phiếu để hoán đổi

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Than Đèo Nai- Vinacomin

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Luật Cạnh tranh số 23/2018/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 12/06/2018;
- Căn cứ Nghị định số 35/2020/NĐ-CP ngày 24/03/2020 quy định chi tiết một số điều của Luật cạnh tranh;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 118/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính về hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng;
- Quyết định số 2006/QĐ-TTg ngày 12/12/2017 phê duyệt Đề án tái cơ cấu Tập đoàn Than - Khoáng sản Việt Nam giai đoạn 2017 – 2020;
- Quyết định số 1263/QĐ-TTg ngày 27/10/2023 về việc Phê duyệt Đề án cơ cấu lại Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam đến năm 2025;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Than Đèo Nai - Vinacomin đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- Căn cứ Nghị quyết số 20/NQ-HĐQT ngày 22/12/2023 của HĐQT Công ty;

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Than Đèo Nai- Vinacomin kính trình Đại hội nội dung sau:

Công ty hợp nhất sẽ phát hành cổ phiếu để hoán đổi lấy toàn bộ số cổ phiếu đang lưu hành của các Công ty bị hợp nhất theo phương thức dưới đây và được Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”) các Công ty bị hợp nhất thông qua. Theo đó, tất cả các cổ đông hiện hữu của các Công ty bị hợp nhất sẽ trở thành cổ đông của Công ty hợp nhất thông qua việc sở hữu cổ phiếu Công ty hợp nhất phát hành thêm theo Phương án phát hành cổ phiếu để hoán đổi, cụ thể như sau:

1. Phương án phát hành cổ phiếu để thực hiện hợp nhất doanh nghiệp

- Tên tổ chức phát hành: Công ty cổ phần Than Đèo Nai- Cọc Sáu - TKV
- Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty cổ phần Than Đèo Nai- Cọc Sáu - TKV
- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu.
- Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành: 61.935.202 cổ phần



- Tổng giá trị dự kiến phát hành theo mệnh giá: 619.352.020.000 đồng

- Đối tượng phát hành: Cổ đông hiện hữu của Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin, Công ty cổ phần Than Đèo Nai - Vinacomin theo danh sách cổ đông tại thời điểm chốt danh sách cổ đông để thực hiện việc hoán đổi.

- Phương thức phát hành: Công ty Hợp nhất sẽ phát hành 61.935.202 cổ phiếu để hoán đổi lấy toàn bộ cổ phiếu của các cổ đông trong Công ty bị hợp nhất, trong đó:

✓ Tỷ lệ hoán đổi đối với cổ đông Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin là 1:1

01 cổ phiếu của Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin sẽ được hoán đổi với 01 cổ phiếu Công ty hợp nhất.

✓ Tỷ lệ hoán đổi đối với cổ đông Công ty cổ phần Than Đèo Nai - Vinacomin là 1:1.

01 cổ phần của Công ty cổ phiếu Than Đèo Nai - Vinacomin sẽ được hoán đổi với 01 cổ phiếu Công ty hợp nhất.

Ví dụ 1: vào ngày chốt danh sách cổ đông của TC6 để thực hiện hoán đổi cổ phiếu, cổ đông Nguyễn Văn A hiện đang sở hữu 123 cổ phiếu TC6. Khi đó, cổ đông A sẽ được hưởng 123 quyền, 123 quyền này sẽ được hoán đổi lấy số cổ phiếu của Công ty hợp nhất tương ứng là $123 \times 1 = 123$ cổ phiếu.

Ví dụ 2: vào ngày chốt danh sách cổ đông của TDN để thực hiện hoán đổi cổ phiếu, cổ đông Nguyễn Văn B hiện đang sở hữu 123 cổ phiếu TDN. Khi đó, cổ đông B sẽ được hưởng 123 quyền, 123 quyền này sẽ được hoán đổi lấy số cổ phiếu của Công ty hợp nhất tương ứng là $123 \times 1 = 123$ cổ phiếu.

- Đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu của nước ngoài: ĐHĐCĐ uỷ quyền cho Hội đồng quản trị ("HDQT") thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài theo quy định của pháp luật.

- Hạn chế chuyển nhượng: toàn bộ cổ phiếu phát hành để hoán đổi không bị hạn chế chuyển nhượng.

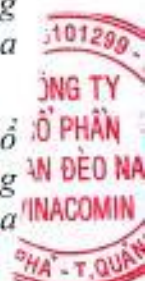
- Thời gian thực hiện dự kiến: trong năm 2024, sau khi có chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. ĐHĐCĐ uỷ quyền cho HDQT lựa chọn và quyết định thời điểm thực hiện phù hợp.

- Đăng ký lưu ký và giao dịch cổ phiếu phát hành: Cổ phiếu phát hành sẽ được đăng ký tại Tổng công ty lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC) và đăng ký giao dịch tại hệ thống Upcom của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo đúng quy định của pháp luật.

2. Các nội dung ủy quyền

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện các nội dung công việc, bao gồm nhưng không giới hạn ở các nội dung sau:

- Quyết định sửa đổi, bổ sung, chỉnh sửa hoặc thay đổi phương án phát hành đã được ĐHĐCĐ thông qua (nếu thấy cần thiết hoặc theo yêu cầu của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền) nhằm triển khai phương án phát hành cổ phiếu được hiệu quả cao nhất, tuân thủ các quy định của pháp luật liên quan, điều lệ và đảm bảo quyền lợi cổ đông Công ty. Báo cáo lại với ĐHĐCĐ trong kỳ họp gần nhất.



- Triển khai các thủ tục phát hành cổ phiếu để hoán đổi theo quy định của pháp luật.

- Chủ động xây dựng, thông qua hồ sơ đăng ký phát hành và giải trình hồ sơ xin phép chào bán cổ phiếu gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các cơ quan có thẩm quyền có liên quan.

- Thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài.

- Quyết định chốt danh sách cổ đông để thực hiện hoán đổi, thời điểm và tiến độ phát hành cổ phiếu, bảo đảm lợi ích của cổ đông và tuân thủ đúng các quy định của pháp luật.

- Phối hợp với Công ty hợp nhất xây dựng hồ sơ và các tài liệu cần thiết để thực hiện đăng ký lưu ký cổ phiếu Công ty hợp nhất tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC) và đăng ký giao dịch cổ phiếu tại hệ thống Upcom của Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) theo quy định pháp luật.

- Chủ động thực hiện các thủ tục pháp lý liên quan sau khi hoàn thành đợt phát hành theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Thực hiện các công việc, thủ tục khác mà HĐQT thấy cần thiết để hoàn tất việc phát hành cổ phiếu theo phương án phát hành đã được ĐHĐCĐ thông qua và phê duyệt theo quy định của pháp luật.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi (Qua Website);
- Các thành viên HĐQT, BKS (e-copy);
- Đăng trên Website;
- Lưu: VT, Thư ký Công ty.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Trọng Tốt



Số: 6109/TTr-TĐN

Cám Phá, ngày 22 tháng 12 năm 2023

TỜ TRÌNH

Về việc Thông qua Phương án sản xuất kinh doanh Công ty hợp nhất

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Than Đèo Nai- Vinacomin

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Luật Cạnh tranh số 23/2018/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 12/06/2018;
- Căn cứ Nghị định số 35/2020/NĐ-CP ngày 24/03/2020 quy định chi tiết một số điều của Luật cạnh tranh;
- Căn cứ Thông tư số 118/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính về hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng;
- Quyết định số 2006/QĐ-TTg ngày 12/12/2017 phê duyệt Đề án tái cơ cấu Tập đoàn Than - Khoáng sản Việt Nam giai đoạn 2017 – 2020;
- Quyết định số 1263/QĐ-TTg ngày 27/10/2023 về việc Phê duyệt Đề án cơ cấu lại Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam đến năm 2025;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Than Đèo Nai - Vinacomin đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 20/4/2021;
- Căn cứ Nghị quyết số 20 /NQ-HĐQT ngày 22/12/2023 của HĐQT Công ty.

Triển khai nội dung Đề án cơ cấu lại Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam đến năm 2025 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

Hội đồng quản trị (“**HDQT**”) Công ty cổ phần Than Đèo Nai- Vinacomin kính trình Đại hội đồng cổ đông (“**ĐHĐCĐ**”) thông qua Phương án hoạt động kinh doanh sau hợp nhất Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin (“**TC6**”) và Công ty cổ phần Than Đèo Nai – Vinacomin (“**TDN**”) như sau:

1. Mục tiêu kinh doanh

- Phấn đấu thực hiện đạt và vượt các chỉ tiêu do cấp có thẩm quyền giao, hoàn thành nghĩa vụ nộp ngân sách Nhà nước; đảm bảo đủ việc làm, nâng cao đời sống người lao động. Nâng cao năng lực cạnh tranh, phấn đấu từng bước tăng thị phần vận tải cả về hành khách, hàng hoá.



- Kinh doanh theo đúng quy định của pháp luật, ngành nghề kinh doanh phù hợp với Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

- Đảm bảo lợi nhuận và tỷ suất lợi nhuận trên vốn của doanh nghiệp theo Nghị quyết Đại hội cổ đông Công ty.

- Đảm bảo công ăn việc làm, thu nhập cho người lao động.

2. Nhiệm vụ kinh doanh

- Thực hiện mục tiêu “Doanh nghiệp ít người, trả lương cao”. Áp dụng quy chế trả lương khuyến khích người lao động phát huy tối đa năng suất và thời gian sử dụng lao động trong ca; cơ chế trả lương lũy tiến theo sản phẩm tăng thêm để khuyến khích người lao động tăng năng suất lao động, tăng thời gian làm việc có ích trong ca. Năng suất lao động 1.233 tấn/người/năm, tốc độ tăng tiền lương vượt mức cao so với số liệu trong đề án TKV phê duyệt.
- Công ty khai thác mỏ than lộ thiên hiện đại, thân thiện với môi trường, với thiết bị công nghệ khai thác, chế biến và tiêu thụ than tiên tiến, đảm bảo các tiêu chuẩn môi trường, cải thiện điều kiện lao động cho công nhân vận hành, đảm bảo an toàn cho tất cả các công đoạn trong dây chuyền sản xuất, nâng cao năng suất lao động, giảm chi phí sản xuất.
- Khai thác than đến độ sâu -345m so với mức thủy chuẩn, đảm bảo chất lượng than ổn định, tận thu tối đa tài nguyên so với phương pháp khai thác hầm lò, đáp ứng nhu cầu tiêu thụ trong nước và xuất khẩu theo chỉ đạo của Tập đoàn Than Khoáng sản Việt Nam.
- Xây dựng mối quan hệ với các đơn vị trong vùng, trong ngành, trong nước và trên thế giới để nắm bắt kịp thời những thành tựu khoa học áp dụng trong ngành mỏ, những thông tin về thị trường, sản phẩm và các thông tin liên quan đến chiến lược phát triển của Công ty để điều chỉnh kịp thời.

3. Thông tin về dự án cụm mỏ Cọc Sáu - Đèo Nai

Sau hợp nhất, Công ty hợp nhất dự kiến sẽ không khai thác than tại các mỏ hiện nay của Công ty cổ phần Than Cọc Sáu – Vinacomin và Công ty cổ phần Than Đèo Nai – Vinacomin mà sẽ thực hiện khai thác than tại cụm mỏ Cọc Sáu - Đèo Nai tại Thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh. Công ty cổ phần Than Đèo Nai – Vinacomin đã được giao thực hiện Dự án khai thác cụm mỏ Cọc Sáu - Đèo Nai. Hiện nay, TDN đang triển khai các công việc chuẩn bị dự án: Xin chấp thuận chủ trương đầu tư; lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM), thẩm tra, thẩm định TKCS, xin cấp GPKT... để đảm bảo tiến độ kế hoạch đã đề ra.

4. Kế hoạch kinh doanh Công ty hợp nhất năm 2024 (dự kiến)

TT	Chỉ tiêu	Năm 2024
1	Doanh thu (triệu đồng)	5.824.582
2	Lợi nhuận sau thuế (triệu đồng)	67.766
3	Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/doanh thu (%)	1,16%
4	Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu (ROE) (%)	9,47%

101
ÔNG
ĐỖ PH
AN Đ
VINAC
PHA -

Căn cứ để đạt được kế hoạch doanh thu, lợi nhuận trên:

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của công ty sau hợp nhất vẫn tập trung vào mảng hoạt động cốt lõi đang được vận hành tại 2 công ty trước hợp nhất là khai thác than. Công ty hợp nhất sẽ tăng quy mô về mặt tài chính, gia tăng hiệu quả trong quản trị doanh nghiệp; giảm chi phí, tăng hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh. Do đó, Công ty dự kiến kế hoạch doanh thu sẽ tăng trưởng, lợi nhuận tăng.

KẾ HOẠCH PHỐI HỢP KNH DOANH NĂM 2024 CÔNG TY HỢP NHẤT

TT	Chỉ tiêu	DVT	Đèo Nai	Cọc Sáu	Công ty Hợp Nhất
1	Quản trị tài nguyên				
	a - Bóc đất đá lộ thiên	1000m ³	25.500	12.420	37.920
	Trong đó: Đất CBSX	"	25.500	12.420	37.920
	* Hệ số bóc đất đá CBSX	m ³ /tấn	15,00	10,35	13,08
	c - Tỷ lệ tổn thất tài nguyên khai thác				
	- Khai thác lộ thiên	%	3,9	4,0	3,9
2	Sản phẩm chủ yếu				
2.1	Than nguyên khai	1000t	1.700	1.200	2.900
	- Lộ thiên	"	1.700	1.200	2.900
2.2	Than sạch sàng tại mỏ	1000t	720	230	950
	- Than sạch từ nguyên khai	"	170	15	185
	- Than sạch từ đất đá lẫn than	"	550	215	765
2.3	Than tiêu thụ (giao cho Tập đoàn)	1000t	2.250	1.415	3.665
a	Than giao cho các Công ty tuyển than	"	1.530	1.185	2.715
	- Than sạch	"			
	- Than nguyên khai	"	1.530	1.185	2.715
b	Than giao cho các Cty kho vận, cảng	"	720	230	950
	- Than sạch	"	720	230	950
3	Doanh thu tổng số	tr.đồng	4.072.681	1.751.901	5.824.582
	- Doanh thu sản xuất than	"	4.066.181	1.751.901	5.818.082
	- Doanh thu sản xuất kinh doanh khác	"	6.500		6.500
4	Lợi nhuận	tr.đồng	57.989	26.719	84.708
	- Sản xuất than	"	57.989	26.719	84.708
5	Giá thành, giá bán				
	- Giá bán bình quân than quy sạch	đ/tấn	1.982.439	1.415.964	1.769.301
	- Giá thành bình quân than quy sạch	"	1.954.167	1.394.368	1.743.541

Mọi hoạt động kinh doanh của Công ty cổ phần Than Cọc Sáu – Vinacomin và Công ty cổ phần Than Đèo Nai – Vinacomin vẫn được duy trì theo Kế hoạch mà ĐHĐCĐ đã thông qua cho đến khi hoàn tất việc hợp nhất theo quy định. Sau khi hoàn tất việc hợp nhất, hoạt động kinh doanh của TC6 và TDN sẽ phụ thuộc vào phương án hoạt động kinh doanh cũng như công tác quản trị, điều hành của Công ty hợp nhất.

ĐHĐCĐ ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty phối hợp với Công ty Cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin để thực hiện các nội dung có liên quan nhằm đảm bảo mang lại hiệu quả cao nhất cho Công ty hợp nhất.

Trên đây là nội dung của phương án hoạt động kinh doanh Công ty hợp nhất.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi (Qua Website Công ty);
- Các thành viên HĐQT, BKS (e-copy);
- Đăng trên Website;
- Lưu: VT, Thư ký Công ty.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Trọng Tốt



Số: 6110/TTr-TĐN

Cám Pha, ngày 22 tháng 12 năm 2023

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2023

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Than Đèo Nai- Vinacomin

Căn cứ các văn bản hướng dẫn của các cơ quan quản lý Nhà nước về việc phân phối lợi nhuận đối với doanh nghiệp do Nhà nước làm chủ sở hữu và doanh nghiệp có vốn Nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 1263/QĐ-TTg, ngày 27/10/2023 của Thủ tướng Chính phủ về "Phê duyệt Đề án cơ cấu lại Tập đoàn Công nghiệp Than- Khoáng sản Việt Nam" đến năm 2025;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty; Điều kiện thực tế sản xuất kinh doanh, lợi ích của cổ đông, người lao động trong Công ty;

Căn cứ Nghị quyết số 07/NQ-ĐHCD-2023 ngày 24/4/2023 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty Cổ phần Than Đèo Nai - Vinacomin.

- Căn cứ Nghị quyết số 20/NQ-HĐQT ngày 22/12/2023 của HĐQT Công ty.

HĐQT Công ty Cổ phần Than Đèo Nai- Vinacomin kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua việc phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2023, theo đó Công ty Cổ phần Than Đèo Nai đề xuất cơ sở, nguyên tắc về Phương án phân phối lợi nhuận của Công ty năm 2023 như sau:

- Không trích lập bổ sung quỹ đầu tư phát triển.

- Kết quả lợi nhuận sau thuế lũy kế đến thời điểm ngày 31/12/2023 (trong đó Lợi nhuận chưa phân phối lũy kế đến ngày 30/6/2023 là: 26.473.017.011 đồng); các quỹ không thuộc vốn chủ sở hữu theo BCTC kiểm toán tại thời điểm 31/12/2023 (nếu có) sẽ thuộc về quyền quyết định của cổ đông Công ty cổ phần Than Đèo Nai - Vinacomin. Phương án phân phối lợi nhuận, phương án chia cổ tức cụ thể sẽ được thông qua tại ĐHCĐ thường niên năm 2024 của Công ty CP Than Đèo Nai- Vinacomin.

HĐQT Công ty trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi (Qua Website Công ty);
- Các thành viên HĐQT, BKS (e-copy);
- Đăng trên Website;
- Lưu: VT, Thư ký Công ty.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Trọng Tốt

Số: 6231/TTr-TĐN

Cám Phả, ngày 28 tháng 12 năm 2023

TỜ TRÌNH

Phương án nhân sự HĐQT/BKS và bầu cử thành viên HĐQT/BKS và các chức danh khác tại Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2023

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2023,
Công ty Cổ phần Than Đèo Nai- Vinacomin**

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Than Đèo Nai - Vinacomin đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 20/4/2021;

- Căn cứ Nghị quyết số 21/NQ-HĐQT ngày 27/12/2023 của HĐQT Công ty.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Than Đèo Nai- Vinacomin trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Phương án nhân sự HĐQT/ BKS; bầu cử thành viên HĐQT/BKS và các chức danh Chủ tịch HĐQT, Trưởng ban kiểm soát, Giám đốc của Công ty hợp nhất (Công ty Cổ phần Than Đèo Nai- Cọc Sáu- TKV) như sau:

1. Phương án nhân sự Thành viên HĐQT/BKS Công ty hợp nhất:

1.1. HĐQT Công ty hợp nhất: Cơ cấu HĐQT gồm 05 thành viên (bao gồm: 01 thành viên là Chủ tịch HĐQT; 01 thành viên là Giám đốc và 03 thành viên HĐQT khác);

- Tỷ lệ thành viên HĐQT không tham gia điều hành là 02 người.

- Đối với Thành viên độc lập HĐQT Công ty hợp nhất: không cơ cấu trong nhân sự HĐQT kỳ này. Lý do: Căn cứ Điều 137 Luật Doanh nghiệp 2020; Điều 276 của Nghị định 155/2020/NĐ-CP, đối với chức danh Thành viên HĐQT độc lập trong cơ cấu nhân sự HĐQT trong thời gian Công ty chưa niêm yết, chưa phải là công ty đại chúng (đang hoạt động ở sàn Upcom) là không bắt buộc; Đồng thời tạo điều kiện cho cho việc sắp xếp cán bộ quản lý sau khi hai công ty hợp nhất.

1.2. Ban kiểm soát Công ty hợp nhất: Cơ cấu BKS gồm 03 thành viên (bao gồm: 01 thành viên là Trưởng ban kiểm soát, và 02 thành viên BKS khác);

2. Công tác bầu cử tại Đại hội:

2.1. Căn cứ khoản b, Điều 200 của Luật Doanh nghiệp năm 2020, tại Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2023 Công ty Cổ phần Than Đèo Nai- Vinacomin (công ty bị hợp nhất), sẽ bầu trực tiếp đối với các chức danh Thành viên HĐQT, Chủ tịch HĐQT, Giám đốc, Thành viên ban kiểm soát và Trưởng ban kiểm soát của Công ty hợp nhất (Công ty Cổ phần Than Đèo Nai- Cọc Sáu- TKV).

2.2. Công tác bầu thành viên HĐQT, BKS; Chủ tịch HĐQT, Trưởng ban KS và bầu Giám đốc được thực hiện theo nguyên tắc bầu dồn phiếu: số phiếu bầu được tính = số lượng cổ phần đại diện của mỗi cổ đông * (nhân) với số lượng



thành viên HĐQT/BKS/ chức danh cần phải bầu tại Đại hội; Số phiếu sẽ được đại biểu cổ đông bầu cho ứng viên quan tâm.

c. Trình tự bầu cử của các đại biểu cổ đông/ người đại diện:

- Bầu chọn tối đa 05 thành viên HĐQT và 03 thành viên BKS trong số ứng viên được đại hội thông qua;

- Bầu Chủ tịch HĐQT và Trưởng ban Kiểm soát trong số thành viên HĐQT, BKS trúng cử;

- Bầu Giám đốc trong số các thành viên HĐQT còn lại, sau khi đã loại trừ thành viên HĐQT đã trúng cử Chủ tịch HĐQT.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Thành viên HĐQT, BKS (e-copy);
- Đăng trên Website;
- Lưu: VT, Thư ký Công ty.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Trọng Tốt



Số: 6232/ TTr-TĐN

Cám Phá, ngày 28 tháng 12 năm 2023

TỜ TRÌNH

**Thông qua danh sách nhân sự ứng cử bầu Thành viên và Chủ tịch HĐQT,
Giám đốc; Thành viên và Trưởng BKS Công ty hợp nhất
tại Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2023**

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2023,
Công ty Cổ phần Than Đèo Nai- Vinacomin**

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Than Đèo Nai - Vinacomin đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 20/4/2021;
- Căn cứ Nghị quyết số 21/NQ-HĐQT ngày 27/12/2023 của HĐQT Công ty.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Than Đèo Nai- Vinacomin trình Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2023 để thông qua danh sách nhân sự ứng cử bầu các chức danh Thành viên HĐQT và Chủ tịch HĐQT; Giám đốc; Thành viên BKS và Trưởng ban kiểm soát của Công ty hợp nhất (Công ty Cổ phần Than Đèo Nai- Cọc Sáu- TKV) như sau:

Hội đồng quản trị Công ty CP Than Đèo Nai- Vinacomin đã có Thông báo số 5672/TB-TĐN ngày 05/12/2023 V/v đề cử, ứng cử để bầu vào thành viên Hội đồng quản trị, ban kiểm soát, Giám đốc của Công ty hợp nhất (nhiệm kỳ 05 năm);

1. Công ty tổng hợp kết quả đề cử, ứng cử để bầu vào thành viên Hội đồng quản trị, ban kiểm soát, Giám đốc của Công ty hợp nhất.

- Đến ngày 27/12/2023 Công ty nhận được duy nhất văn bản của cổ đông TKV thông qua Quyết định số 2296/QĐ-TKV ngày 26/12/2023 để uỷ quyền cho Người đại diện phần vốn TKV tại Công ty có giới thiệu các ứng viên tham gia HĐQT là 03 ứng viên, Ban kiểm soát là 01 ứng viên;

- Để bảo đảm đủ số lượng thành viên HĐQT là 05 người, BKS là 03 người theo Phương án đã được lập. Hội đồng quản trị Công ty tổ chức họp, thống nhất đề cử thêm 02 ứng viên tham gia bầu HĐQT và 02 ứng viên tham gia bầu BKS từ nhân sự của 2 Công ty bị hợp nhất (Công ty Cổ phần Than Đèo Nai- Vinacomin và Công ty Cổ phần Than Cọc Sáu- Vinacomin).

2. Tổng hợp danh sách các ứng viên tham gia bầu HĐQT Công ty hợp nhất:

* Ứng viên do cổ đông TKV giới thiệu:

(1) Ông: Nguyễn Trọng Tốt- Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Than Đèo Nai- Vinacomin, ứng cử tham gia Thành viên HĐQT và bầu Chủ tịch HĐQT Công ty hợp nhất;



(2) Ông: Đặng Thanh Bình- Thành viên HĐQT- Giám đốc Cổ phần Than Đèo Nai- Vinacomin, ứng cử tham gia Thành viên HĐQT và bầu Giám đốc Công ty hợp nhất;

(3) Ông: Nguyễn Văn Thuận- Thành viên HĐQT- Giám đốc Công ty Cổ phần Than Cọc Sáu- Vinacomin, tham gia ứng cử Thành viên HĐQT và bầu thành viên HĐQT Công ty hợp nhất;

** Ứng viên do HĐQT Công ty giới thiệu:*

(4) Ông: Vũ Trọng Hùng- TV HĐQT- Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Than Đèo Nai- Vinacomin, tham gia ứng cử Thành viên HĐQT Công ty hợp nhất;

(5) Ông Nguyễn Tấn Long- TV HĐQT- Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Than Cọc Sáu- Vinacomin, tham gia ứng cử Thành viên HĐQT Công ty hợp nhất;

3. Tổng hợp danh sách các ứng viên tham gia bầu BKS Công ty hợp nhất:

** Ứng viên do cổ đông TKV giới thiệu:*

(1) Bà: Nguyễn Thị Lương Anh- Trưởng ban kiểm soát Công ty CP Than Đèo Nai- Vinacomin, tham gia ứng cử Thành viên BKS và bầu Trưởng ban kiểm soát Công ty hợp nhất;

** Ứng viên do HĐQT Công ty giới thiệu:*

(2) Bà: Nguyễn Thị Yến- Thành viên BKS Công ty Cổ phần Than Đèo Nai- Vinacomin, tham gia ứng cử Thành viên BKS Công ty hợp nhất;

(3) Bà: Trần Thị Điệp – Thành viên BKS Công ty Cổ phần Than Cọc Sáu- Vinacomin, tham gia ứng cử Thành viên BKS Công ty hợp nhất;

(Kèm theo Hồ sơ cá nhân của các ứng viên)

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Thành viên HĐQT, BKS (e-copy);
- Đăng trên Website;
- Lưu: VT, Thư ký Công ty.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Trọng Tốt





CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH

*Ứng cử, đề cử để bầu làm thành viên HĐQT – Chủ tịch HĐQT
Công ty cổ phần Than Đèo Nai- Cọc Sáu- TKV nhiệm kỳ 05 năm
kể từ ngày Công ty chính thức được hoạt động*

- Họ và tên: **NGUYỄN TRỌNG TÓT**
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: Ngày 12 tháng 6 năm 1965
- Nơi sinh: Thôn Hoài Việt - xã Sơn Hà - huyện Thái Thụy - tỉnh Thái Bình;
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Thôn Hoài Việt - xã Sơn Hà - huyện Thái Thụy - tỉnh Thái Bình;
- Số căn cước công dân: 034065002627 do Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư, cấp ngày 23/5/2016;
- Địa chỉ thường trú: Tổ 57, Khu 4, P.Hồng Gai, TP.Hạ Long, T.Quảng Ninh
- Điện thoại liên lạc: 0904 111 204
- Trình độ văn hoá: 12/12.
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư khai thác mỏ
- Quá trình công tác:

Thời gian từ tháng năm ÷ tháng năm	Đơn vị công tác	Chức vụ
11/1988 ÷ 09/1989	Công ty than Mông Dương (nay là Công ty CP than Mông Dương)	Công nhân khai thác
10/1989 ÷ 03/2004		Cán bộ kỹ thuật mỏ
04/2004 ÷ 09/2013		Phó Giám đốc
10/2013 ÷ 07/2015	Tập đoàn CN Than-KS Việt Nam	Trưởng ban Kỹ thuật Công nghệ mỏ
08/2015 ÷ 03/2017	Công ty CP than Mông Dương	Giám đốc Công ty
4/2017 ÷ 4/2018	Tập đoàn CN Than-KS Việt Nam	Trưởng ban KCL
Từ ngày 26/4/2018 đến nay	Tập đoàn CN Than-KS Việt Nam	Trưởng ban - Thành viên Ban quản lý vốn của TKV, Chủ tịch HĐQT Công ty CP Than Hà Lâm - Vinacomin.
Từ ngày 09/5/2018 đến 31/7/2023	Tập đoàn CN Than-KS Việt Nam	Trưởng ban - Thành viên Ban quản lý vốn của TKV, Chủ tịch HĐQT Công ty CP Cơ khí Mạo Khê - Vinacomin.
Từ ngày 07/5/2018 đến 30/4/2019	Tập đoàn CN Than-KS Việt Nam	Trưởng ban - Thành viên Ban quản lý vốn của TKV - Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Than Hà Tu - Vinacomin.

Thời gian từ tháng năm ÷ tháng năm	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 14/12/2021 đến 31/7/2023	Tập đoàn CN Than-KS Việt Nam	Trưởng ban - Thành viên Ban quản lý vốn của TKV, Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Vận tải và đưa đón thợ Mỏ-TKV.
Từ 01/5/2019 đến nay	Tập đoàn CN Than-KS Việt Nam	Người quản lý phần vốn- Ban quản lý vốn của TKV, Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Than Đèo Nai - Vinacomin.
Từ 16/4/2018 đến 27/12/2022	Tập đoàn CN Than-KS Việt Nam	Trưởng ban - Thành viên Ban quản lý vốn của TKV, Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Than Vàng Danh- Vinacomin.
Từ 28/12/2022 đến nay	Tập đoàn CN Than-KS Việt Nam	Người quản lý phần vốn- Ban quản lý vốn của TKV, Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Than Vàng Danh- Vinacomin.
Từ 01/8/2023 đến nay	Tập đoàn CN Than-KS Việt Nam	Người quản lý phần vốn- Ban quản lý vốn của TKV, Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Than Mông Dương- Vinacomin.

14. Chức vụ công tác hiện nay: Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Than Đèo Nai – Vinacomin.

15. Chức vụ công tác ở Công ty khác:

- Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Than Hà Lầm - Vinacomin.
- Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Than Mông Dương - Vinacomin.
- Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Than Vàng Danh - Vinacomin.

16. Số cổ phần nắm giữ : 19.135.414 cổ phần.

- Sở hữu cá nhân: 0 (không) cổ phần;

- Đại diện phần vốn Nhà nước: 19.135.414 cổ phần (bằng 65% vốn điều lệ).

17. Mỗi quan hệ gia đình (ghi rõ họ và tên, ngày sinh, nghề nghiệp, chức vụ, nơi làm việc của từng người: Bố, mẹ, vợ/chồng, con, anh chị em ruột).

TT	Họ và tên	Quan hệ	Số CMND/CCCD	Nghề nghiệp, chức vụ	Nơi làm việc
1	Vũ Thị Xâm	Mẹ đẻ	-	Nội trợ	
2	Bùi Thị Hoa	Vợ	Số 034171003584 Ngày 27.12.2016 Cục Cảnh sát	Nhân viên	
3	Nguyễn Mai Quỳnh	Con Gái	Số 034197010731 Ngày 14/8/2021 CA Q/Ninh	Nhân viên	
4	Nguyễn Đình Tin	Con rể	022096011240 Ngày 28/6/2021 Cục cảnh sát	Nhân viên	
5	Nguyễn Quỳnh Trang	Con Gái	Số 022302000187 Ngày 27.12.2016	Học sinh	

TT	Họ và tên	Quan hệ	Số CMND/CCCD	Nghề nghiệp, chức vụ	Nơi làm việc
			Cục CS		
6	Nguyễn Thị Chiện	Chị gái	Số 034154003361 Ngày 05.01.2017 Cục Cảnh sát	Nội trợ	
7	Nguyễn Công Thuận	Anh rể	Số 034054003361 Ngày 05.01.2017 Cục Cảnh sát	Hưu trí	
8	Nguyễn Thị Huyền	Chị gái	Số 151992838 Ngày 16.09.2008 CA Thái Bình	Nội trợ	
9	Đình Văn Miên	Anh rể	Số 152227471 Ngày 04.07.2013 CA Thái Bình	Hưu trí	
10	Bùi Công Hào	Bố vợ	-	Hưu trí	
11	Đình Thị Nguyễn	Mẹ vợ	-	Nội trợ	

18. Số cổ phần do người có liên quan nắm giữ

TT	Tên cá nhân/tổ chức	Số CMND/CCCD	Địa chỉ; Số điện thoại liên hệ	Số cổ phần hiện đang sở hữu	Tỷ lệ % vốn điều lệ	Mối quan hệ
1	Vũ Thị Xâm	-	Xã Sơn Hà- huyện Thái Thụy - tỉnh Thái Bình	0	0	Mẹ đẻ
2	Bùi Thị Hoa	Số 034171003584 Ngày 27.12.2016 Cục Cảnh sát	Tổ 57, Khu 4, P.Hồng Gai, Hạ Long, Quảng Ninh	0	0	Vợ
3	Nguyễn Mai Quỳnh	Số 034197010731 Ngày 14/8/2021 CA Q/Ninh	-Nt-	0	0	Con Gái
4	Nguyễn Đình Tín	022096011240 Ngày 28/6/2021 Cục cảnh sát	-Nt-	0	0	Con rể
5	Nguyễn Quỳnh Trang	Số 022302000187 Ngày 27.12.2016 Cục CS	-Nt-	0	0	Con Gái
6	Nguyễn Thị Chiện	Số 034154003361 Ngày 05.01.2017 Cục Cảnh sát	Xã Sơn Hà - huyện Thái Thụy - tỉnh Thái Bình	0	0	Chị gái
7	Nguyễn Công Thuận	Số 034054003361 Ngày 05.01.2017 Cục Cảnh sát	-Nt-	0	0	Anh rể
8	Nguyễn Thị Huyền	Số 151992838 Ngày 16.09.2008 CA Thái Bình	Xã Sơn Hà - huyện Thái Thụy - tỉnh Thái Bình	0	0	Chị gái
9	Đình Văn Miên	Số 152227471 Ngày 04.07.2013 CA Thái Bình	-Nt-	0	0	Anh rể
10	Bùi Công Hào	-	Xã Sơn Hà - huyện Thái Thụy - tỉnh Thái Bình	0	0	Bố vợ
10	Đình Thị Nguyễn	-	-Nt-	0	0	Mẹ vợ

001
CÔNG
CỔ P
IAN E
VINAI
PHA -

- 19. Hành vi, vi phạm pháp luật: không
- 20. Các khoản nợ đối với Công ty: không
- 21. Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: không

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là trung thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung trên./.

XÁC NHẬN

Của Công ty Cổ phần Than Đèo Nai Vinacomin



Chiêu Đình Giảng

Cám Phà, ngày 27 tháng 12 năm 2023

Người kê khai

Nguyễn Trọng Tốt

12
i TY
HÂN
ÈO
OMI
T. QU

BẢN CUNG CẤP THÔNG TIN

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước,
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

- Họ và tên: **NGUYỄN TRỌNG TỐT**
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: Ngày 12 tháng 6 năm 1965
- Nơi sinh: Thôn Hoài Việt - xã Sơn Hà - huyện Thái Thụy - tỉnh Thái Bình;
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Thôn Hoài Việt - xã Sơn Hà - huyện Thái Thụy - tỉnh Thái Bình;
- Số căn cước công dân: 034065002627 do Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư, cấp ngày 23/5/2016;
- Địa chỉ thường trú: Tổ 57, Khu 4, P.Hồng Gai, Hạ Long, Quảng Ninh
- Điện thoại liên lạc: 0904 111 204; Email: totmdcoal@gmail.com
- Tên tổ chức là đối tượng công bố thông tin: Công ty cổ phần Than Đèo Nai - Vinacomin (Mã chứng khoán: TDN; Niêm yết: HNX)
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức là đối tượng công bố: Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Than Đèo Nai - Vinacomin
- Chức vụ công tác ở Công ty khác:
 - Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Than Hà Lâm - Vinacomin.
 - Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Than Mông Dương - Vinacomin.
 - Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Than Vàng Danh - Vinacomin.
- Số cổ phần nắm giữ : 19.135.414 cổ phần.
 - Sở hữu cá nhân: 0 (không) cổ phần;
 - Đại diện phần vốn Nhà nước: 19.135.414 cổ phần (bằng 65% vốn điều lệ).
- Cam kết nắm giữ: không
- Danh sách người có liên quan của người khai:

T	T	Họ tên	Tài khoản GD Chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại Cty (nếu có)	Số CMTND/ CCCD/ hộ chiếu; ngày tháng năm cấp và nơi cấp	Địa chỉ nơi thường trú - Địa chỉ liên hệ	Số Cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Thời điểm bắt đầu có liên quan của người nội bộ	Ghi chú
I		Vũ Thị Xâm	0	0	-	Xã Sơn Hà- huyện Thái Thụy - tỉnh Thái Bình	0	0	25/4/ 2022	Mẹ đẻ

T	T	Họ tên	Tài khoản GD Chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại Cty (nếu có)	Số CMTND/ CCCD/ hộ chiếu; ngày tháng năm cấp và nơi cấp	Địa chỉ nơi thường trú - Địa chỉ liên hệ	Số Cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Thời điểm bắt đầu có liên quan của người nội bộ	Ghi chú
2		Bùi Thị Hoa	0	0	Số 034171003584 Ngày 27.12.2016 Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	Tổ 57, Khu 4, P. Hồng Gai, Hạ Long, Quảng Ninh	0	0	nt	Vợ
3		Nguyễn Mai Quỳnh	0	0	Số 101246374 Ngày 17.11.2011 CA Q/Ninh	-Nt-	0	0	Nt	Con Gái
4		Nguyễn Quỳnh Trang	0	0	Số 022302000187 Ngày 27.12.2016 Cục CS	-Nt-	0	0	nt	Con Gái
5		Nguyễn Thị Chiên	0	0	Số 034154003361 Ngày 05.01.2017 Cục Cảnh sát	Xã Sơn Hà - huyện Thái Thụy - tỉnh Thái Bình	0	0	nt	Chị gái
6		Nguyễn Công Thuận	0	0	Số 034054003361 Ngày 05.01.2017 Cục Cảnh sát	-Nt-	0	0	nt	Anh rể
7		Nguyễn Thị Huyền	0	0	Số 151992838 Ngày 16.09.2008 CA Thái Bình	Xã Sơn Hà - huyện Thái Thụy - tỉnh Thái Bình	0	0	nt	Chị gái
8		Đình Văn Miên	0	0	Số 152227471 Ngày 04.07.2013 CA Thái Bình	-Nt-	0	0	nt	Anh rể
9		Bùi Công Hào	0	0	-	Xã Sơn Hà - huyện Thái Thụy - tỉnh Thái Bình	0	0	nt	Bố vợ
10		Đình Thị Nguyễn	0	0	-	-Nt-	0	0	nt	Mẹ vợ

17. Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không.

18. Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không.

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là trung thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Cám Phá, ngày 28 tháng 12 năm 2023

Người kê khai



Nguyễn Trọng Tốt



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH

**Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc
Công ty cổ phần Than Đèo Nai - Cọc Sáu - TKV**

- 1. Họ và tên : **ĐẶNG THANH BÌNH**
- 2. Giới tính : Nam
- 3. Ngày, tháng, năm sinh : 12/11/1977
- 4. Nơi sinh : Xã Hồng Châu, huyện Đông Hưng, Tỉnh Thái Bình
- 5. Quốc tịch : Việt Nam
- 6. Dân tộc : Kinh
- 7. Quê quán : Xã Hồng Châu, huyện Đông Hưng, Tỉnh Thái Bình
- 8. Số CMTND/CCCD/hộ chiếu: 151233725 Cấp ngày 20/12/2010
- 9. Địa chỉ thường trú : Số nhà 33, khu Hòn Một, Cẩm Bình- Cẩm Phả- Quảng Ninh.
- 10. Điện thoại liên lạc : 0915.244.896
- 11. Trình độ văn hoá : 12/12
- 12. Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ khai thác mỏ
- 13. Quá trình công tác :

Từ tháng, năm đến tháng, năm	Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác (Đảng, chính quyền, đoàn thể)
T8/2001-T1/2002	Công nhân vận hành máy Xúc, Công trường máy xúc, Mỏ than Đèo Nai
T2/2002-T9/2005	Nhân viên phòng KTKT, Công ty than Đèo Nai
T10/2005-T7/2006	Nhân viên Ban QLDA, Công ty than Đèo Nai
T8/2006-T3/2007	Độc công, Công trường máy xúc, Công ty CP than Đèo Nai
T4/2007-T9/2007	Ủy nhiệm Phó phòng ĐKSX, Công ty Than Đèo Nai
T10/2007-T3/2011	Phó phòng ĐKSX, Công ty CP than Đèo Nai
T4/2011-T10/2015	Trưởng Phòng ĐKSX, Công ty CP than Đèo Nai
T11/2015-T5/2016	Ủy viên BCH Đảng bộ, Phó Giám đốc-Công ty Cổ phần Than Đèo Nai-Vinacomin
T6/2016-T3/2017	Ủy viên BCH Đảng bộ, UV HĐQT, Phó Giám đốc-Công ty Cổ phần Than Đèo Nai-Vinacomin.
T4/2017-T5/2018	Ủy viên BCH Đảng bộ, UV HĐQT, Phó Giám đốc-Công ty Cổ phần Than Đèo Nai-Vinacomin; Học tiếng Anh và học QTDN mô hiện đại tại trường Đại học Queensland-Australia.
T6/2018-14/12/2021	Ủy viên BCH Đảng bộ, UV HĐQT, Phó Giám đốc-Công ty Cổ phần Than Đèo Nai-Vinacomin.
15/12/2021-đến nay	Bí thư Đảng ủy, UV HĐQT, Giám đốc Công ty Cổ phần Than Đèo Nai-Vinacomin.

14. Chức vụ công tác hiện nay: Bí thư Đảng ủy; Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty.

15. Chức vụ công tác ở Công ty khác: không

16. Mỗi quan hệ gia đình (ghi rõ họ và tên, ngày sinh, nghề nghiệp, chức vụ, nơi làm việc của từng người: Bố, mẹ, vợ/chồng, con, anh chị em ruột).

ST T	Họ và tên	Quan hệ	Số CMND/CCCD	Nghề nghiệp, chức vụ	Nơi làm việc
1	Hoàng Thị Quỳnh Phương	Vợ	100644736 24/09/2011; CA Quảng Ninh	Nhân viên	Công ty Than Thống Nhất
2	Đặng Phương Linh	Con gái	022303000913, cấp ngày 5/5/2018 Cục CSDKQL và DLQG	Sinh viên	
3	Đặng Phương Chi	Con gái	-	Học sinh	
4	Nguyễn Thị Mơ	Mẹ đẻ	150035667 18/11/1998 Thái Bình	Giáo viên, nghỉ hưu.	
5	Đặng Minh Thăng	Anh traí	013636232 15/10/2008 - Hà Nội	Nhân viên	Bảo hiểm Ngân hàng nông nghiệp Hà Nội.
6	Đặng Minh Huệ	Em gái	151334228 cấp 02/09/2013; Thái Bình	Nhân viên	Công ty Tin học
7	Nguyễn Hoài Anh	Chị dâu	011807181 22/05/2013 Hà Nội	Giáo viên	Trường cấp II Thành Công - HN
8	Hoàng Văn Công	Bố Vợ	100370824 07/11/2007; CA Quảng Ninh	Cán bộ, về hưu	
9	Nguyễn Thị Phấn	Mẹ Vợ	100027285 11/6/2006 Q.Ninh	Công nhân, về hưu	
10	Hoàng Thị Thu Hoài	Em gái vợ	022181003960, cấp ngày 8/4/2019 Cục CSDKQL và DLQG	Nội trợ	
11	Nguyễn Việt Hùng	Em rể vợ	022078002292, cấp ngày 6/7/2018 Cục CSDKQL và DLQG	Cán bộ	Công ty Sông Đà
12	Hoàng Thị Dung	Em gái vợ	100825231 07/10/2009 Qn	Nội trợ	
13	Đặng Tiến Cường	Em rể vợ	034085009578, cấp ngày 0/5/2018 Cục CSDKQL và DLQG	Làm việc tự do	

17. Số cổ phần nắm giữ: 522 cổ phần; chiếm 0,0018 % vốn điều lệ, trong đó:

+ Đại diện (tên tổ chức là Nhà nước/tổ chức khác) sở hữu: không

+ Sở hữu cá nhân: 522 cổ phần.

18. Số cổ phần do người có liên quan nắm giữ:

TT	Tên cá nhân/tổ chức	Số CMND/CCCD	Địa chỉ; Số điện thoại liên hệ	Số cổ phần hiện đang sở hữu	Tỷ lệ % vốn điều lệ	Mối quan hệ
1	Hoàng Thị Quỳnh Phương	100644736 24/09/2011; CA Quảng Ninh	Số nhà 33, khu Hòn Một, Cẩm Bình- Cẩm Phá- Quảng Ninh	0	0	Vợ
2	Đặng Phương Linh	022303000913, cấp ngày 5/5/2018 Cục CSDKQL và DLQG	Nt	0	0	Con gái
3	Đặng Phương Chi	-	Nt	0	0	Con gái
4	Nguyễn Thị Mơ	150035667 18/11/1998 Thái Bình	Hồng Châu, Đông Hưng, Thái Bình	0	0	Mẹ đẻ
5	Đặng Minh Thắng	013636232 15/10/2008 - HN	SN 23 ngõ 82 Chùa Láng Thượng, Đống Đa, Hà Nội	0	0	Anh trai
6	Đặng Minh Huệ	151334228 cấp 02/09/2013; CA Tỉnh Thái Bình	Hồng Châu, Đông Hưng, Thái Bình	0	0	Em gái
7	Nguyễn Hoài Anh	011807181 22/05/2013 Hà Nội	SN 23 ngõ 82 Chùa Láng Thượng, Đống Đa, Hà Nội	0	0	Chị dâu
8	Hoàng Văn Công	100370824 07/11/2007; CA Quảng Ninh	Cẩm Tây, Cẩm Phá, Quảng Ninh	0	0	Bố Vợ
9	Nguyễn Thị Phần	100027285 11/6/2006 Q.Ninh	Cẩm Tây, Cẩm Phá, Quảng Ninh	0	0	Mẹ Vợ
10	Hoàng Thị Thu Hoài	022181003960, cấp ngày 8/4/2019 Cục CSDKQL và DLQG	Mộ Lao – Hà Đông, Hà Nội	0	0	Em gái vợ
11	Nguyễn Việt Hùng	022078002292, cấp ngày 6/7/2018 Cục CSDKQL và DLQG	Mộ Lao – Hà Đông, Hà Nội	0	0	Em rể vợ
12	Hoàng Thị Dung	100825231 07/10/2009 Q Ninh	Phương Canh, Nam Từ Liêm – Hà Nội	0	0	Em gái vợ
13	Đặng Tiến Cường	034085009578, cấp ngày 0/5/2018 Cục CSDKQL và DLQG	Phương Canh, Nam Từ Liêm – Hà Nội	0	0	Em rể vợ

19. Hành vi, vi phạm pháp luật: không

20. Các khoản nợ đối với Công ty: không

21. Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: không

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là trung thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung trên./.

XÁC NHẬN
Công ty CP Than Đèo Nai-Vinacomin



Vũ Trọng Hùng

Cẩm Phả, ngày 28 tháng 12 năm 2023

Người kê khai

Đặng Thanh Bình

5/1
JN
Ổ F
N I
NA
HA

BẢN CUNG CẤP THÔNG TIN

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán.**

1. Họ và tên: **ĐẶNG THANH BÌNH**
2. Giới tính: Nam.
3. Ngày tháng năm sinh: Ngày 12 tháng 11 năm 1977.
4. Nơi sinh: Hồng Châu – Đông Hưng – Thái Bình.
5. Số CMND/CCCD: 151233735 ;Cấp ngày 20/12/2010; Nơi cấp: Công an Tỉnh Thái Bình
6. Quốc tịch: Việt Nam.
7. Dân tộc: Kinh.
8. Địa chỉ thường trú: Số nhà 33, Khu Hòn Một, Phường Cẩm Bình, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh.
9. Điện thoại liên lạc : 0915 244 896.
10. Địa chỉ email: binhbt1211@gmail.com
11. Tên tổ chức là đối tượng công bố thông tin: Công ty cổ phần Than Đèo Nai – Vinacomin (Mã chứng khoán: TDN; Niêm yết: HNX)
12. Chức vụ hiện nay tại tổ chức là đối tượng công bố: Thành viên HĐQT – Giám đốc Công ty cổ phần Than Đèo Nai – Vinacomin
13. Các chức vụ. Hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không
14. Số cổ phần nắm giữ: 522 cổ phần, chiếm 0,0018 % vốn điều lệ, trong đó:
 - + Đại diện Nhà nước: Không
 - + Cá nhân sở hữu: 522 cổ phần
15. Cam kết nắm giữ: không
16. Danh sách Người có liên quan của người khai:

S T T	Họ tên	Tài khoản GD Chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại Cty (nếu có)	Số CMTND/CCCD/ hộ chiếu; ngày tháng năm cấp và nơi cấp	Địa chỉ nơi thường trú - Địa chỉ liên hệ	Số Cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Thời điểm bắt đầu có liên quan của người nội bộ	Ghi chú
1	Hoàng Thị Quỳnh Phương	0	0	100644736 24/09/2011; CA Quảng Ninh	Số nhà 33, khu Hòn Một, Cẩm Bình- Cẩm Phả- Quảng Ninh	0	0	25/4/ 2022	Vợ
2	Đặng Phương Linh	0	0	022303000913, cấp ngày 15/5/2018 Cục	Nt	0	0	nt	Con gái

12/2022
TỶ
IẢN
30 M
OMIN
r.QU

S T T	Họ tên	Tài khoản GD Chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại Cty (nếu có)	Số CMTND/ CCCD/ hộ chiếu; ngày tháng năm cấp và nơi cấp	Địa chỉ nơi thường trú - Địa chỉ liên hệ	Số Cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Thời điểm bắt đầu có liên quan của người nội bộ	Ghi chú
				CSDKQL và DLQG					
3	Đặng Phương Chi	0	0	-	Nt	0	0	Nt	Con gái
4	Nguyễn Thị Mơ	0	0	150035667 18/11/1998 Thái Bình	Hồng Châu, Đông Hưng, Thái Bình	0	0	nt	Mẹ đẻ
5	Đặng Minh Thắng	0	0	013636232 15/10/2008 - Hà Nội	SN 23 ngõ 82 Chùa Láng Thượng, Đống Đa, Hà Nội	0	0	nt	Anh trai
6	Đặng Minh Huệ	0	0	151334228 cấp 02/09/2013; CA Tỉnh Thái Bình	Hồng Châu, Đông Hưng, Thái Bình	0	0	nt	Em gái
7	Nguyễn Hoài Anh	0	0	011807181 22/05/2013 Hà Nội	SN 23 ngõ 82 Chùa Láng Thượng, Đống Đa, Hà Nội	0	0	nt	Chị dâu
8	Hoàng Văn Công	0	0	100370824 07/11/2007; CA Quảng Ninh	Cầm Tây, Cầm Phá, Quảng Ninh	0	0	nt	Bố Vợ
9	Nguyễn Thị Phấn	0	0	100027285 11/6/2006 Q.Ninh	Cầm Tây, Cầm Phá, Quảng Ninh	0	0	tt	Mẹ Vợ
10	Hoàng Thị Thu Hoài	0	0	022181003960, cấp ngày 28/4/2019 Cục CSDKQL và DLQG	Mộ Lao - Hà Đông, Hà Nội	0	0	nt	Em gái vợ
11	Nguyễn Việt Hùng	0	0	022078002292, cấp ngày 06/7/2018 Cục CSDKQL và DLQG	Mộ Lao - Hà Đông, Hà Nội	0	0	nt	Em rể vợ
12	Hoàng Thị Dung	0	0	100825231 07/10/2009 Q Ninh	Phương Canh, Nam Từ Liêm - Hà Nội	0	0	tt	Em gái vợ
13	Đặng Tiến Cường	0	0	034085009578, cấp ngày 30/5/2018 Cục CSDKQL và DLQG	Phương Canh, Nam Từ Liêm - Hà Nội	0	0	nt	Em rể vợ

17. Lợi ích liên quan đối với Công ty cổ phần: Không

18. Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty cổ phần: Không

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là trung thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật ./.

Cẩm Phá, ngày 28 tháng 12 năm 2023

Người kê khai



Đặng Thanh Bình

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TRÍCH YẾU LÝ LỊCH

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY HỢP NHẤT
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN ĐÈO NAI - CỘC SÁU - TKV**

1. Họ và tên : NGUYỄN VĂN THUẬN
2. Giới tính : Nam
3. Ngày tháng năm sinh : Ngày 16 tháng 3 năm 1970.
4. Nơi sinh : Xã Dạ Trạch - Huyện Châu Phong – Tỉnh Hưng Yên.
5. Quốc tịch : Việt Nam.
6. Dân tộc : Kinh.
7. Quê quán : Xã Dạ Trạch - Huyện Châu Phong – Tỉnh Hưng Yên.
8. Số CMTND/CCCD : 033070002437 cấp ngày 01/05/2021. Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.
9. Địa chỉ thường trú : Tổ 16 Khu 2A - Phường Cẩm Phú - TP Cẩm Phả - Tỉnh Quảng Ninh.
10/ Điện thoại liên lạc : 0912768106.
11. Trình độ văn hoá : 10/10.
12. Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ Khai thác mỏ.
13. Quá trình công tác (từ 18 tuổi đến nay):

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
11/1993-05/2001	Công trường Xúc Thăng Lợi Công ty CP Than Cọc Sáu	Kỹ thuật viên, Đốc công
6/2001-02/2005	Phòng Kỹ thuật khai thác Công ty CP Than Cọc Sáu	Phó trưởng phòng
3/2005-01/2006	Công trường Xúc Tả Ngạn Công ty CP Than Cọc Sáu	Phó Quản đốc
02/2007-4/2008	Phòng Điều khiển sản xuất Công ty CP Than Cọc Sáu	Trưởng phòng
05/2012-3/2017	Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin	Phó Giám đốc
3/2017-9/2018	Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin	Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc
10/2018-28/11/2019	Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin	Thành viên HĐQT, Quyền Giám đốc
29/11/2019 đến nay	Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin	Thành viên HĐQT, Giám đốc



- Chức vụ công tác hiện nay
phần Than Cọc Sáu - Vinacomin.

: Thành viên HĐQT - Giám đốc Công ty cổ

14. Chức vụ công tác ở Công ty khác : Thành viên Hội đồng quản trị Công ty
hợp nhất – Công ty cổ phần Than Đèo Nai - Cọc Sáu – TKV.

15. Số cổ phần (TC6) nắm giữ : 1.392 cổ phần.

Trong đó:

+ Sở hữu cá nhân : 1.392 cổ phần.

+ Đại diện phần vốn Nhà nước : 0 cổ phần.

16. Số cổ phần (TC6) do người có liên quan nắm giữ: 1.160 cổ phần.


17. Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không.

18. Hành vi vi phạm pháp luật : Không.

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là trung thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm
trước pháp luật về những nội dung đó.

Cầm Phá, ngày 28 tháng 12 năm 2023

NGƯỜI KHAI


Nguyễn Văn Thuận

3010
CÔNG
CỐ P
IAN
VINA
/ PHA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN CUNG CẤP THÔNG TIN

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

1. Họ và tên: **NGUYỄN VĂN THUẬN**
2. Giới tính: Nam
3. Ngày tháng năm sinh: 16 tháng 03 năm 1970
4. Nơi sinh: Xã Dạ Trạch, Huyện Khoái Châu, Tỉnh Hưng Yên
5. Số CMTND/CCCD : 033070002437 cấp ngày 01/05/2021. Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.
6. Quốc tịch: Việt Nam
7. Dân tộc: Kinh
8. Địa chỉ thường trú: Tổ 16, Khu 2A, Phường Cẩm Phú, TP Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh
9. Số điện thoại: 0912 768106
10. Địa chỉ email: thuancocsau@gmail.com
11. Chức vụ hiện nay tại tổ chức là đối tượng công bố thông tin: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty hợp nhất – Công ty cổ phần Than Đèo Nai - Cọc Sáu - TKV.
12. Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:
Thành viên Hội đồng quản trị – Giám đốc Công ty cổ phần Cọc Sáu - Vinacomim
13. Số CP nắm giữ: 1.392, chiếm 0,0042 % vốn điều lệ, trong đó:
 - Đại diện (tên tổ chức là Nhà nước/cổ đông chiến lược/tổ chức khác) sở hữu: Không
 - Cá nhân sở hữu: 1.392
14. Các cam kết nắm giữ (nếu có): Không

15. Danh sách người có liên quan của người khai :

TT	Tên cá nhân/tổ chức	Số CMND/Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc Số GCN đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức), ngày cấp, nơi cấp	Số lượng CP/CCQ nắm giữ, tỷ lệ sở hữu trên vốn điều lệ của công ty đại chúng, quỹ đại chúng	Mối quan hệ
1	Đặng Thị Khánh	Số CMND: 014576291 Ngày cấp: 07/07/2012 Nơi cấp: Hưng Yên	0	Mẹ đẻ
2	Phạm Thị Hoàn	Số CCCD: 022174002155 Ngày cấp: 01/05/2021 Nơi cấp: Quảng Ninh	1.160 = 0,0035%	Vợ
3	Nguyễn Đức Toàn	Số CC: 101248485 Ngày cấp: 16/07/2012 Nơi cấp: Quảng Ninh	0	Con đẻ
4	Nguyễn Đức Duy	Số CC: 022206003997 Ngày cấp: 11/04/2021 Nơi cấp: Quảng Ninh	0	Con đẻ
5	Nguyễn Thị Vân	Số: 11650568 Ngày cấp: 20/11/2007	0	Chị ruột
6	Nguyễn Văn Thuận	Số CC: 033064003595 Ngày cấp: 10/12/2019 Nơi cấp: Hưng Yên	0	Anh ruột
7	Nguyễn Thị Lý	Số: 141356514 Ngày cấp: 21/03/1985 Nơi cấp: Hưng Yên	0	Chị ruột
8	Nguyễn Thị Hà	Số 145549262 Ngày cấp: 12/06/2009 Nơi cấp: Hưng Yên	0	Em ruột
9	Nguyễn Thị Huệ	Số 145264875 Ngày cấp: 21/02/2011 Nơi cấp: Hưng Yên	0	Em ruột
10	Phạm Mạnh Hà	Số CC: 033048001019 Ngày cấp: 04/09/2018 Nơi cấp: Quảng Ninh	0	Bố vợ
11	Đỗ Thị Tấn	Số CC: 0310151001442 Ngày cấp: 22/08/2018 Nơi cấp: Quảng Ninh	0	Mẹ vợ
12	Vũ Ngọc Lân	Số CMND: 012837132 Ngày cấp: 28/12/2005	0	Anh rể
13	Nguyễn Thị Đát	Số CMND: 145839211 Ngày cấp: 09/05/2013	0	Chị dâu

14	Nguyễn Nghiêm	Số CMND: 233276342 Ngày cấp 18/03/2019	0	Anh rể
15	Nguyễn Toàn Thắng	Số CMND: 145549188 Ngày cấp 12/06/2019	0	Em rể
16	Nguyễn Văn Loạt	Số CMND: 145264876 Ngày cấp 27/11/2013	0	Em rể


16. Lợi ích liên quan đối với công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có): Không

17. Quyền lợi mâu thuẫn với công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có): Không

Tôi cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Cầm Phá, ngày 28 tháng 12 năm 2023

NGƯỜI KHAI


Nguyễn Văn Thuận



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH

(Dùng cho người ứng cử, đề cử để bầu làm thành viên HĐQT, Kiểm soát viên Công ty cổ phần Than Đèo Nai- Cọc Sáu- TKV

- 1. Họ và tên : **VŨ TRỌNG HÙNG**
- 2. Giới tính : Nam
- 3. Ngày, tháng, năm sinh : 22/12/1977
- 4. Nơi sinh : Thị xã Cẩm Phả , Tỉnh: Quảng Ninh
- 5. Quốc tịch : Việt Nam
- 6. Dân tộc : Kinh
- 7. Quê quán: Thị trấn Phát Diệm, Huyện Kim Sơn, Tỉnh Ninh Bình
- 8. Số CMTND/CCCD/hộ chiếu: 100632824 Cấp ngày 18/12/2006
- 9. Địa chỉ thường trú : Số nhà 10, Tổ 18, khu Đông Hải II, Phường Cẩm Đông, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh
- 10. Điện thoại liên lạc : 0912.513.575
- 11. Trình độ văn hoá : 12/12
- 12. Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ Khai thác mỏ
- 13. Quá trình công tác:

Từ tháng, năm đến tháng, năm	Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác (đảng, chính quyền, đoàn thể, tổ chức xã hội), kể cả thời gian được đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ,.....
10/1999 – 3/2000	Cán bộ kỹ thuật Công trường Máy Xúc, Mỏ than Đèo Nai
4/2000-9/2000	Cán bộ kỹ thuật Công trường Máy Khoan, Mỏ than Đèo Nai
10/2000-01/2004	Nhân viên Phòng Kỹ thuật Khai thác, Công ty than Đèo Nai
02/2004-6/2005	Phó Phòng Kỹ thuật Khai thác, Công ty than Đèo Nai
7/2005-4/2007	Phó Phòng Kỹ thuật Khai thác, Công ty than Đèo Nai; Chủ tịch Công đoàn khối Kỹ thuật 1, Phó bí thư Chi bộ Kỹ thuật 1, Công ty than Đèo Nai
4/2007-10/2009	Phó Phòng ĐKSX, Công ty CP than Đèo Nai
10/2009-4/2011	Trưởng phòng ĐKSX, Công ty CP than Đèo Nai
4/2011-7/2017	Trưởng phòng KTKT, Công ty CP than Đèo Nai
8/2017-2/2022	UV Ban chấp hành Đảng bộ; Phó Giám đốc Công ty- Công ty CP Than Đèo Nai.
3/2022- đến nay	UV BTV Đảng ủy; TV HĐQT; Phó Giám đốc Công ty- Công ty CP Than Đèo Nai.



14. Chức vụ công tác hiện nay: Ủy viên Ban thường vụ Đảng ủy; Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc Công ty.

15. Chức vụ công tác ở Công ty khác: không

16. Mỗi quan hệ gia đình (ghi rõ họ và tên, ngày sinh, nghề nghiệp, chức vụ, nơi làm việc của từng người: Bố, mẹ, vợ/chồng, con, anh chị em ruột).

ST T	Họ và tên	Quan hệ	Số CMND/CCCD	Nghề nghiệp, chức vụ	Nơi làm việc
1	Vũ Trọng Yên	Bố đẻ	100076193 ngày 17/02/2009 CA tỉnh Quảng Ninh	Cán bộ, nghỉ hưu	
2	Nguyễn Thị Thùy	Vợ	100715852 ngày 20/12/2006 CA tỉnh Quảng Ninh	Công chức	Văn phòng Thành ủy TP Cẩm Phả
3	Vũ Thu Ngân	Con	022305001324 ngày 29/06/2020 Cục cảnh sát QLHC về TTXH	Học sinh	
4	Vũ Bảo Ngọc	Con	Còn nhỏ	Học sinh	
5	Vũ Trọng Hiến	Anh trai	100473465 ngày 25/9/2007 CA tỉnh Quảng Ninh	Cán bộ	Công ty CP Than Đèo Nai
6	Phạm Thị Ban	Chị dâu	034174002320 ngày 11/03/2006	Công nhân	
7	Vũ Trọng Hiến	Anh trai	100627555 16/02/2009 CA tỉnh Quảng Ninh	Cán bộ	Công ty CP Than Đèo Nai
8	Phạm Thị Duyên	Chị dâu	091554948 ngày 21/02/2009 CA tỉnh Thái Nguyên	Công nhân	
9	Trần Thị Vân	Mẹ vợ	0100090625 10/10/2002 CA tỉnh Quảng Ninh	Công chức, về hưu	
10	Nguyễn Thanh Sơn	Anh vợ	022077002084 ngày 08/02/2018 Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	Doanh nghiệp ngoài	

17. Số cổ phần nắm giữ: 787 cổ phần; chiếm 0,0027 % vốn điều lệ, trong đó:

+ Đại diện (tên tổ chức là Nhà nước/tổ chức khác) sở hữu: không

+ Sở hữu cá nhân: 787 cổ phần

18. Số cổ phần do người có liên quan nắm giữ:

TT	Tên cá nhân/tổ chức	Số CMND/CCCD	Địa chỉ; Số điện thoại liên hệ	Số cổ phần hiện đang sở hữu	Tỷ lệ % vốn điều lệ	Mối quan hệ
1	Vũ Trọng Yên	100076193 ngày 17/02/2009 CA tỉnh Quảng Ninh	SN 10, tổ 18, Phố Trần Khánh Dư, Phường Cẩm Đông, TP Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh.	0	0	Bố đẻ
2	Nguyễn Thị Thùy	100715852 ngày 20/12/2006 CA tỉnh Quảng Ninh	nt	0	0	Vợ

3	Vũ Thu Ngân	022305001324 ngày 29/06/2020 Cục cảnh sát QLHC về TTXH	nt	0	0	Con
4	Vũ Bảo Ngọc	Còn nhỏ	nt	0	0	Con
5	Vũ Trọng Hiến	100473465 ngày 25/9/2007 CA tỉnh Quảng Ninh	Cầm Đông, Cầm Phá - Quảng Ninh	2.097	0,0071	Anh trai
6	Phạm Thị Ban	034174002320 ngày 11/03/2006	nt	0	0	Chị dâu
7	Vũ Trọng Hiến	100627555 16/02/2009 CA tỉnh Quảng Ninh	Cầm Đông, Cầm Phá - Quảng Ninh	1.048	0,0036	Anh trai
8	Phạm Thị Duyên	091554948 ngày 21/02/2009 CA tỉnh Thái Nguyên	nt	0	0	Chị dâu
9	Trần Thị Vân	0100090625 10/10/2002 CA tỉnh Quảng Ninh	Khu Lao Động, Phường Cầm Tây, Cầm Phá - Quảng Ninh	0	0	Mẹ vợ
10	Nguyễn Thanh Sơn	022077002084 ngày 08/02/2018 Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	Khu Lao Động, Phường Cầm Tây, Cầm Phá - Quảng Ninh	0	0	Anh vợ

19. Hành vi, vi phạm pháp luật: không

20. Các khoản nợ đối với Công ty: không

21. Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: không

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là trung thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung trên./.

XÁC NHẬN
Của Công ty cổ phần Than Đèo Nai – Vinacomin



Thiệu Đình Giảng

Cầm Phá, ngày 28 tháng 12 năm 2023

Người kê khai

Vũ Trọng Hùng

BẢN CUNG CẤP THÔNG TIN

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán.

- Họ và tên: **VŨ TRỌNG HÙNG**
- Giới tính: Nam.
- Ngày tháng năm sinh: 22/12/1977.
- Nơi sinh: Cẩm Phả, Quảng Ninh.
- Số CMND/CCCD: 100632824 Cấp ngày 18/12/2006;
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Dân tộc: Kinh.
- Địa chỉ thường trú: Số nhà 10, Tổ 18, khu Đông Hải II, Phường Cẩm Đông, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh
- Điện thoại liên lạc : 0912.513.575
- Địa chỉ email: hungtktdeonai@gmail.com
- Tên tổ chức là đối tượng công bố thông tin: Công ty cổ phần Than Đèo Nai – Vinacomin (Mã chứng khoán: TDN; Niêm yết: HNX)
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức là đối tượng công bố: Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Giám đốc Công ty cổ phần Than Đèo Nai – Vinacomin
- Các chức vụ. Hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ: 787 cổ phần; chiếm 0,0027 % % vốn điều lệ, trong đó:
+ Đại diện Nhà nước: Không
+ Cá nhân sở hữu: 787 cổ phần
- Cam kết nắm giữ: không
- Danh sách Người có liên quan của người khai:

S T T	Họ tên	Tài khoản GD Chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại Cty (nếu có)	Số CMTND/CCCD/ hộ chiếu; ngày tháng năm cấp và nơi cấp	Địa chỉ nơi thường trú - Địa chỉ liên hệ	Số Cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Thời điểm bắt đầu có liên quan của người nội bộ	Ghi chú
1	Vũ Trọng Yên	0	0	100076193 ngày 17/02/2009 CA tỉnh Quảng Ninh	SN 10, tổ 18, Phường Cẩm Đông, TP Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh.	0	0	25/4/2022	Bố đẻ
2	Nguyễn Thị Thủy	0	0	100715852 ngày 20/12/2006 CA	nt	0	0	nt	Vợ



S T T	Họ tên	Tài khoản GD Chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại Cty (nếu có)	Số CMTND/ CCCD/ hộ chiếu; ngày tháng năm cấp và nơi cấp	Địa chỉ nơi thường trú - Địa chỉ liên hệ	Số Cổ phiếu	Tỷ lệ số hữu cổ phiếu cuối kỳ	Thời điểm bắt đầu có liên quan của người nội bộ	Ghi chú
				tỉnh Quảng Ninh					
3	Vũ Thu Ngân	0	0	022305001324 ngày 29/06/2020 Cục cảnh sát QLHC về TTXH	nt	0	0	nt	Con
4	Vũ Bảo Ngọc	0	0	Còn nhớ	nt	0	0	nt	Con
5	Vũ Trọng Hiến	0	0	100473465 ngày 25/9/2007 CA tỉnh Q.Ninh	Cẩm Đông, Cẩm Phả - Quảng Ninh	2.097	0,0071	nt	Anh trai
6	Phạm Thị Ban	0	0	034174002320 ngày 11/03/2006	nt	0	0	nt	Chị dâu
7	Vũ Trọng Hiến	0	0	100627555 ngày 16/02/2009 CA tỉnh Q.Ninh	Cẩm Đông, Cẩm Phả - Quảng Ninh	1.048	0,0036	nt	Anh trai
8	Phạm Thị Duyên	0	0	091554948 ngày 21/02/2009 CA Thái Nguyên	nt	0	0	nt	Chị dâu
9	Trần Thị Vân	0	0	0100090625 ngày 10/10/2002 CA tỉnh Q. Ninh	Khu Lao Động, Cẩm Tây, Cẩm Phả - Quảng Ninh	0	0	nt	Mẹ vợ
10	Nguyễn Thanh Sơn	0	0	022077002084 ngày 08/02/2018 Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	Khu Lao Động, Phường Cẩm Tây, Cẩm Phả - Quảng Ninh	0	0	nt	Anh vợ

17. Lợi ích liên quan đối với Công ty cổ phần: Không

18. Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty cổ phần: Không

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là trung thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật ./.

Cẩm Phả, ngày 28 tháng 12 năm 2023

Người kê khai



Vũ Trọng Hùng

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TRÍCH YẾU LÝ LỊCH

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY HỢP NHẤT
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN ĐÈO NAI - CỘC SÁU - TKV**

1. Họ và tên : NGUYỄN TẤN LONG
2. Giới tính : Nam.
3. Ngày tháng năm sinh : Ngày 08 tháng 11 năm 1967.
4. Nơi sinh : TP Cẩm Phả - Tỉnh Quảng Ninh.
5. Quốc tịch : Việt Nam.
6. Dân tộc : Kinh.
7. Quê quán : Xã Liên Bảo – Huyện Vụ Bản– Tỉnh Nam Định
8. Số CMTND/CCCD : 022067000839 cấp ngày 01/5/2021 Nơi cấp:
Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.
9. Địa chỉ thường trú : Tổ 6 khu 7 Phường Cẩm Thành - TP Cẩm Phả -
Tỉnh Quảng Ninh
10. Điện thoại liên lạc : 0912170667
11. Trình độ văn hoá : 10/10
12. Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Cơ khí động lực.
13. Quá trình công tác (từ 18 tuổi đến nay):

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
04/1985-02/1987	Phòng Quản trị Xí nghiệp Vận tải ô tô Cẩm Phả	Nhân viên
03/1987-12/1988	Mỏ Than Cọc Sáu	Nhân viên
01/1989-11/1994	Phân xưởng sửa chữa mỏ Than Cọc Sáu	Thợ sửa chữa
12/1994-08/1999	Mỏ Than Cọc Sáu	Chuyên viên
09/1999-08/2004	Phòng Vật tư Công ty Than Cọc Sáu	Phó Trưởng phòng
09/2004-09/2005	Phòng Quản lý mạng Công ty Than Cọc Sáu	Quyền Trưởng phòng
10/2005-08/2007	Phòng Quản lý Vật tư Công ty Than Cọc Sáu	Trưởng phòng
09/2007-03/2008	Công ty cổ phần Than Cọc Sáu	Phó Giám đốc
04/2008 đến nay	Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin	Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc



Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên HĐQT – Phó Giám đốc Công ty cổ phần Than Cọc Sáu- Vinacomin.

14. Chức vụ công tác ở Công ty khác : Thành viên Hội đồng quản trị Công ty hợp nhất – Công ty cổ phần Than Đèo Nai - Cọc Sáu - TKV

15. Số cổ phần (TC6) nắm giữ : 2.437 cổ phần.

Trong đó:

+ Sở hữu cá nhân : 2.437 cổ phần.

+ Đại diện phần vốn Nhà nước : 0 cổ phần.

16. Số cổ phần (TC6) do người có liên quan nắm giữ: Không.

17. Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không.

18. Hành vi vi phạm pháp luật: Không.

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là trung thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung đó.

Cầm Phá, ngày 28 tháng 12 năm 2023

NGƯỜI KÊ KHAI

Nguyễn Tấn Long

3010
CÔNG
CỔ P
IAN B
VINAC
PHA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN CUNG CẤP THÔNG TIN

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

1. Họ và tên : NGUYỄN TẤN LONG
2. Giới tính : Nam.
3. Ngày tháng năm sinh : Ngày 08 tháng 11 năm 1967.
4. Nơi sinh : TP Cẩm Phả - Tỉnh Quảng Ninh.
5. Số CMTND/CCCD : 022067000839 cấp ngày 01/5/2021 Nơi cấp:
Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.
6. Quốc tịch : Việt Nam.
7. Dân tộc : Kinh.
7. Quê quán : Xã Liên Bảo – Huyện Vụ Bản– Tỉnh Nam Định
8. Địa chỉ thường trú : Tổ 6 khu 7 Phường Cẩm Thành - TP Cẩm Phả -
Tỉnh Quảng Ninh
9. Số điện thoại : 0912170667
10. Địa chỉ email: tanlongc6@gmail.com
11. Chức vụ hiện nay tại tổ chức là đối tượng công bố thông tin: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty hợp nhất – Công ty cổ phần Than Đèo Nai - Cọc Sáu - TKV.
12. Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:
Thành viên Hội đồng quản trị – Phó Giám đốc Công ty cổ phần Cọc Sáu – Vinacomin
13. Số cổ phần (TC6) nắm giữ : 2.437 cổ phần chiếm 0,0075% vốn điều
lệ, trong đó:
- Đại diện (tên tổ chức là Nhà nước/cổ đông chiến lược/tổ chức khác) sở hữu: Không
- Cá nhân sở hữu : 2.437
14. Các cam kết nắm giữ (nếu có): Không



15. Danh sách người có liên quan của người khai :

	Tên cá nhân/tổ chức	Số CMND/Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc Số GCN đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức), ngày cấp, nơi cấp	Số lượng CP/CCQ nắm giữ, tỷ lệ sở hữu trên vốn điều lệ của công ty đại chúng, quỹ đại chúng	Mối quan hệ
1	Bùi Thị Thành	Số CMND: 100074688 Ngày cấp 08/08/2012	Không	Mẹ đẻ
2	Trịnh Thị Tuyết Nhung	Số CMND: 022171001205 Ngày cấp 11/04/2017	Không	Vợ
3	Nguyễn Thị Diệu Linh	Số CMND: 00192972 Ngày cấp 13/04/2010	Không	Con đẻ
4	Nguyễn Thành Vinh	Số CMND: 022204000613 Ngày cấp 18/04/2019	Không	Con đẻ
5	Nguyễn Thị Thanh Hiền	Số CMND: 100386419 Ngày cấp 17/06/2010	Không	Chị ruột
6	Nguyễn Thị Tuyết Mai	Số CMND: 100386872 Ngày cấp 13/10/2011	Không	Chị ruột
7	Nguyễn Thị Kim Dung	Số CMND: 100338556 Ngày cấp 10.11/1988	Không	Chị ruột
8	Nguyễn Thị Minh Tâm	Không có	Không	Chị ruột
9	Trịnh Hồng Tuệ	Số CMND: 100143463 Ngày cấp 28/02/2012	Không	Bố vợ
10	Nguyễn Thị Uyên	Số CMND: 036146000605 Ngày cấp 16/09/2018	Không	Mẹ vợ
11	Bùi Văn Thắng	Số CMND: 022055000315 Ngày cấp 10/10/2016	Không	Anh rể
12	Nguyễn Văn Đoài	Số CMND: 100013309 Ngày cấp 01/06/2012	Không	Anh rể
13	Trần Duy Phương	Không có	Không	Anh rể

16. Lợi ích liên quan đối với công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có): Không

17. Quyền lợi mâu thuẫn với công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có): Không

Tôi cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Cám Phá, ngày 28 tháng 12 năm 2023

NGƯỜI KHAI



Nguyễn Tấn Long



Ảnh 4 x 6

(ảnh mẫu
mới nhất)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH

Thành viên Ban kiểm soát, Trưởng ban kiểm soát

Công ty cổ phần Than Đèo Nai - Cọc Sáu - TKV

1. Họ và tên: **NGUYỄN THỊ LƯƠNG ANH**
2. Giới tính: Nữ
3. Ngày sinh: 04 tháng 01 năm 1971
4. Nơi sinh: Thành phố Hà Nội
5. Dân tộc: Kinh
6. Quốc tịch: Việt Nam
7. Quê quán, nơi sinh: Huyện Thanh Chương, Tỉnh Nghệ An;
8. Địa chỉ thường trú: Tổ 21- Phường Yên Hòa - Quận Cầu Giấy - Thành phố Hà Nội
9. Số CMTND/CCCD : 001171013381; Nơi cấp: Cục CS ĐKQLCT và DLQG về dân cư Ngày cấp: 09/8/2017
10. Điện thoại liên hệ: Di động: 0913.037.104; Email: luonganh.kiemtoan@gmail.com
11. Trình độ văn hóa: 12/12
12. Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế (Chuyên ngành kế toán tài chính doanh nghiệp)
13. Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
07/1990-12/1993	Trường công nhân kỹ thuật mỏ Bắc Thái	Cán bộ kế toán
01/1994-04/1996	Nhà máy xi măng La Hiên	Phó phòng kế toán
05/1996-06/2000	Xí nghiệp vật tư vận tải và chế biến than	Cán bộ kế toán
07/2000-10/2001	Xí nghiệp vật tư vận tải và chế biến than	Phó phòng kế toán
11/2001-08/2009	Công ty CP SX & KDVTTB-VVMI	Kế toán trưởng
09/2009-10/2009	Công ty CP SX & KDVTTB-VVMI	Chuyên viên chính phòng KHVT
11/2009-12/2009	Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc-TKV	Chuyên viên phòng Kiểm toán
01/2010-10/2010	Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc-TKV	Chuyên viên phòng đầu tư

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
11/2010-03/2012	Tổng công ty Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc-Vinacomin	Chuyên viên phòng Kiểm toán
04/2012-09/2015	Tổng công ty Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc-Vinacomin	Phó phòng Kiểm toán
10/2015- 21/4/2021	Tổng công ty Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV-CTCP	Trưởng ban kiểm soát
Từ 15/4.2021 - nay	Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam	Phó trưởng phòng thuộc Ban Kiểm soát nội bộ

14. Số cổ phần (TDN) nắm giữ : Không

15. Số cổ phần (TDN) của người có liên quan nắm giữ : Không.

16. Hành vi vi phạm pháp luật : Không

17. Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không

18. Chức vụ hiện nay: Phó trưởng phòng thuộc Ban Kiểm soát nội bộ Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (TKV); Trưởng ban Kiểm soát Công ty CP Than Đèo Nai – Vinacomin.

19. Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:

- + Trưởng ban kiểm soát Công ty cổ phần Than Hà Tu - Vinacomin;
- + Trưởng ban kiểm soát Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin;
- + Trưởng ban kiểm soát Công ty cổ phần Du lịch và Thương mại – Vinacomin.
- + Kiểm soát viên Viện Khoa học Công nghệ Mỏ – Vinacomin.

20. Danh sách người có liên quan của người khai:

STT	Tên cá nhân/tổ chức	Số CMND/Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc Số GCN đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức), ngày cấp, nơi cấp	Số lượng CP/CCQ nắm giữ, tỷ lệ sở hữu trên vốn điều lệ của công ty cổ phần ... (nếu có)	Mối quan hệ
1	Lương Thị Ngọc Bích	Số CMT 090194616 Ngày 2/10/2008 Nơi cấp: Thái nguyên	Không	Mẹ đẻ
2	Trịnh Đắc Hòa	Số CMT 012035667 ngày 14/8/2009 Nơi cấp: Hà Nội	Không	Chồng
3	Trịnh Như Phương	Số CMT 013619010 Ngày 11/3/2013 Nơi cấp: Hà Nội	Không	Con đẻ
4	Trịnh Minh Đức	Số: 001205010925 Ngày 13/01/2020 Nơi cấp : Cục CS ĐKQLCT và DLQG về dân cư	Không	Con đẻ
5	Nguyễn Thị Lương Nga	Số CMT 090706458 Ngày 6/5/2005 Nơi cấp: Thái nguyên	Không	Em ruột
6	Nguyễn Thạc Cường	Số CMT 090508651 Ngày 15/9/2005 Nơi cấp: Thái nguyên	Không	Em Rể

STT	Tên cá nhân/tổ chức	Số CMND/Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc Số GCN đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức), ngày cấp, nơi cấp	Số lượng CP/CCQ nắm giữ, tỷ lệ sở hữu trên vốn điều lệ của công ty cổ phần ... (nếu có)	Mối quan hệ
7	Nguyễn Lương Vinh	Hộ chiếu B 3896940 cấp ngày 15/3/2010 Cục quản lý XNC	Không	Em ruột
8	Vũ Thị Thu Giang	022184005053 Ngày 13/7/2018 Nơi cấp : Cục CS ĐKQLCT và DLQG về dân cư	Không	Em dâu
9	Trịnh Đắc Đậu	-	Không	Bố chồng
10	Trịnh Việt Hà	Số CMT 02216601157 ngày 23/8/2017- Cục CS ĐKQLCT và DLQG về dân cư	Không	Chị chồng
11	Trịnh Thị Nguyệt Hằng	Số CMT 022167001074 ngày 20/3/2017 Cục CS ĐKQLCT và DLQG về dân cư	Không	Chị chồng
12	Trịnh Song Nga	Số 022169003279 ngày 16/10/2020 Cục CS ĐKQLCT và DLQG về dân cư	Không	Chị chồng
13	Trịnh Phú Thuận	Số CMT 022075000726 ngày 6/7/2016 Cục CS ĐKQLCT và DLQG về dân cư	Không	Em chồng
14	Trần Hải Luân	Số CMT 034062002985 ngày 30/6/2016 Cục CS ĐKQLCT và DLQG về dân cư	Không	Anh rể
15	Nguyễn Đình Thuận	Số CMT 03006802279 ngày 23/8/2017 Cục CS ĐKQLCT và DLQG về dân cư	Không	Anh rể
16	Trần Văn Ngọc	Số : 022063001574 Cấp ngày 13/7/2018 Nơi cấp : Cục CS ĐKQLCT và DLQG về dân cư	Không	Anh rể
17	Nguyễn Thanh Hà	Số : 024180000644 Cấp ngày 28/10/2019. Nơi cấp : Cục CS ĐKQLCT và DLQG về dân cư	Không	Em dâu

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là hoàn toàn đúng sự thật, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

XÁC NHẬN

Cám Phá, ngày 28 tháng 12 năm 2023

Của Công ty cổ phần Than Đèo Nai **Vinacomin**

Người kê khai



CHỖ CHỮ KÝ
CHỖ CHỮ ĐÓNG

Vũ Trọng Hùng

Nguyễn Thị Lương Anh

BẢN CUNG CẤP THÔNG TIN

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

- Họ và tên: **NGUYỄN THỊ LƯƠNG ANH**
- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 04 tháng 01 năm 1971
- Nơi sinh: Thành phố Hà Nội
- Quê quán, nơi sinh: Huyện Thanh Chương, Tỉnh Nghệ An;
- Số CMTND/CCCD : 001171013381; Nơi cấp: Cục CS ĐKQLCT và DLQG về dân cư Ngày cấp: 09/8/2017
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: Tổ 21- Phường Yên Hòa - Quận Cầu Giấy - Thành phố Hà Nội
- Điện thoại liên hệ: Di động: 0913.037.104;
- Email: luonganh.kiemtoan@gmail.com
- Tên tổ chức là đối tượng công bố thông tin: Công ty CP Than Đèo Nai - Vinacomin
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức là đối tượng công bố thông tin: Trưởng ban kiểm soát Công ty Cổ phần Than Đèo Nai - Vinacomin.
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:
 - + Trưởng ban kiểm soát Công ty cổ phần Than Hà Tu - Vinacomin;
 - + Trưởng ban kiểm soát Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin;
 - + Trưởng ban kiểm soát Công ty cổ phần Du lịch và Thương mại – Vinacomin.
 - + Kiểm soát viên Viện Khoa học Công nghệ Mỏ – Vinacomin.
- Số CP (TDN) nắm giữ: Không
- Các cam kết nắm giữ (nếu có): Không
- Danh sách người có liên quan của người khai :

S T T	Họ tên	Tài khoản GD Chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại Cty (nếu có)	Số CMTND/CCCD/ hộ chiếu; ngày tháng năm cấp và nơi cấp	Địa chỉ nơi thường trú - Địa chỉ liên hệ	Số Cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Thời điểm bắt đầu có liên quan của người nội bộ	Ghi chú
1	Lương Thị Ngọc Bích	0	0	Số CMT 090194616 Ngày 2/10/2008 Nơi cấp: Thái Nguyên	Thái Nguyên	0	0	25/4/2022	Mẹ đẻ
2	Trịnh Đặc Hòa	0	0	Số CMT 012035667 ngày 14/8/2009 Nơi	Hà Nội	0	0	nt	Chồng

S T T	Họ tên	Tài khoản GD Chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại Cty (nếu có)	Số CMTND/ CCCD/ hộ chiếu; ngày tháng năm cấp và nơi cấp	Địa chỉ nơi thường trú - Địa chỉ liên hệ	Số Cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Thời điểm bắt đầu có liên quan của người nội bộ	Ghi chú
				cấp: Hà Nội					
3	Trịnh Như Phương	0	0	Số CMT 013619010 Ngày 11/3/2013 Nơi cấp: Hà Nội	Nt	0	0	nt	Con đẻ
4	Trịnh Minh Đức	0	0	Số: 001205010925 Ngày 13/01/2020 Nơi cấp : Cục CS ĐKQLCT và DLQG về dân cư	Nt	0	0	nt	Con đẻ
5	Nguyễn Thị Lương Nga	0	0	Số CMT 090706458 Ngày 6/5/2005 Nơi cấp: Thái nguyên	Thái nguyên	0	0	nt	Em ruột
6	Nguyễn Thạc Cương	0	0	Số CMT 090508651 Ngày 15/9/2005 Nơi cấp: Thái nguyên	Nt	0	0	nt	Em Rể
7	Nguyễn Lương Vinh	0	0	Hộ chiếu B 3896940 cấp ngày 15/3/2010 Cục quản lý XNC	Hà Nội	0	0	nt	Em ruột
8	Vũ Thị Thu Giang	0	0	022184005053 Ngày 13/7/2018 Nơi cấp : Cục CS ĐKQLCT và DLQG về dân cư	Nt	0	0	nt	Em dâu
9	Trịnh Đắc Đậu	0	0		Quảng Ninh	0	0	nt	Bố chồng
10	Trịnh Việt Hà	0	0	Số CMT 02216601157 ngày 23/8/2017- Cục CS ĐKQLCT và DLQG về dân cư	Nt	0	0	nt	Chị chồng
11	Trịnh Thị Nguyệt Hằng	0	0	Số CMT 022167001074 ngày 20/3/2017 Cục CS ĐKQLCT và DLQG về dân cư	Nt	0	0	nt	Chị chồng
12	Trịnh Song Nga	0	0	Số 022169003279 ngày 16/10/2020 Cục CS ĐKQLCT và DLQG về dân cư	Quảng Ninh	0	0	nt	Chị chồng
13	Trịnh Phú Thuận	0	0	Số CMT 022075000726	Nt	0	0	nt	Em

98-
Y
V
N
I
N
J
A
N
G

S T T	Họ tên	Tài khoản GD Chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại Cty (nếu có)	Số CMTND/ CCCD/ hộ chiếu; ngày tháng năm cấp và nơi cấp	Địa chỉ nơi thường trú - Địa chỉ liên hệ	Số Cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Thời điểm bắt đầu có liên quan của người nội bộ	Ghi chú
				ngày 6/7/2016 Cục CS ĐKQLCT và DLQG về dân cư					chồng
14	Trần Hải Luân	0	0	Số CMT 034062002985 ngày 30/6/2016 Cục CS ĐKQLCT và DLQG về dân cư	Nt	0	0	nt	Anh rẻ
15	Nguyễn Đình Thuận	0	0	Số CMT 03006802279 ngày 23/8/2017 Cục CS ĐKQLCT và DLQG về dân cư	Nt	0	0	nt	Anh rẻ
16	Trần Văn Ngọc			Số : 022063001574 Cấp ngày 13/7/2018 Nơi cấp : Cục CS ĐKQLCT và DLQG về dân cư	Nt	0	0	nt	Anh rẻ
17	Nguyễn Thanh Hà			Số : 024180000644 Cấp ngày 28/10/2019. Nơi cấp : Cục CS ĐKQLCT và DLQG về dân cư	Nt	0	0	nt	Em dâu

17. Lợi ích liên quan đối với công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có): Không

18. Quyền lợi mâu thuẫn với công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có): Không

Tôi cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Cầm Phá, ngày 28 tháng 12 năm 2023

NGƯỜI KHAI



Nguyễn Thị Lương Anh



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH

Thành viên Ban kiểm soát
Công ty cổ phần Than Đèo Nai – Cọc Sáu - TKV

- 1. Họ và tên : **NGUYỄN THỊ YẾN**
- 2. Giới tính : **Nữ**
- 3. Ngày, tháng, năm sinh : **ngày 25 tháng 7 năm 1977**
- 4. Nơi sinh : **Cầm phá - Tỉnh Quảng Ninh**
- 5. Quốc tịch : **Việt Nam**
- 6. Dân tộc : **Kinh**
- 7. Quê quán : **Khoái Châu - Hưng Yên**
- 8. Số CMTND/CCCD/hộ chiếu: **022 177 008 544** Cấp ngày **27/6/2022**
- 9. Địa chỉ thường trú : **Tổ 6-Khu 7- Cầm Thành- Cầm phá - Quảng Ninh**
- 10. Điện thoại liên lạc : **03 777 57585**
- 11. Trình độ văn hoá : **12/12**
- 12. Trình độ chuyên môn : **Cử nhân ngành QTKD; Cử nhân ngành Kế toán doanh nghiệp.**

13. Quá trình công tác:

2001÷02/2002	CN thống kê PX Cơ Điện – Cty CP Than Đèo Nai
03/2002 ÷11/2003	Nhân viên hạch toán PX Cơ Điện- Cty CP Than Đèo Nai
12/2003÷08/2007	Nhân viên kinh tế - PX Trạm Mạng-Cty CP Than Đèo Nai
09/2007 ÷07/2015	Cán bộ phòng TK Kế toán Tài Chính (nay là phòng KT) Cty CP Than Đèo Nai
08/2015 ÷01/2016	Cán bộ phòng Thanh tra -Kiểm toán Cty CP Than Đèo Nai
02/2016 ÷12/20117	Phó trưởng phòng Thanh tra -Pháp chế- Kiểm toán (phụ trách KTNB) Cty CP Than Đèo Nai
01/2018÷02/2021	Phó Chánh văn phòng .(phụ trách KTNB) Cty CP Than Đèo Nai
03/2021 đến nay	Phó phòng KSNB và Bảo Vệ (Phụ trách KTNB) Cty CP Than Đèo Nai

14. Số cổ phần (TDN) nắm giữ : **07 cổ phần ; chiếm 0,00002 % vốn điều lệ, trong đó:**

+ Đại diện (tên tổ chức là Nhà nước/tổ chứckhác) sở hữu: **Không**



+ Sở hữu cá nhân: 07

15. Số cổ phần (TDN) của người có liên quan nắm giữ : Không.

16. Hành vi vi phạm pháp luật : Không

17. Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không

18. Chức vụ hiện nay: Thành viên Ban kiểm soát Công ty - Phó phòng Kiểm soát nội bộ và Bảo Vệ (Phụ trách KTNB) Công ty CP Than Đèo Nai – Vinacomin.

19. Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không

20. Danh sách người có liên quan của người khai:

STT	Tên cá nhân/tổ chức	Số CMND/Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc Số GCN đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức), ngày cấp, nơi cấp	Số lượng CP/CCQ nắm giữ, tỷ lệ sở hữu trên vốn điều lệ của công ty cổ phần ... (nếu có)	Mối quan hệ
1	Nguyễn Đình Thắng	022070011991 ngày cấp 12/4/2022	Không	Chồng Bà Yến
2	Nguyễn Đình Nam	022203003199 cấp ngày 25/04/2021	Không	Con trai Bà Yến
3	Nguyễn Yến My	022305005773 cấp ngày 01/05/2021	Không	Con gái Bà Yến
4	Nguyễn Thị Hòa	022155000690 cấp ngày 18/5/2022	Không	Chị gái Bà Yến
5	Nguyễn Thị Liên	022158001180 cấp ngày 10/8/2021	Không	Chị gái Bà Yến
6	Nguyễn Thị Minh	022161001168 cấp ngày 25/4/2021	Không	Chị gái Bà Yến
7	Nguyễn Thị Oanh	022168006564 cấp ngày 12/8/2021	Không	Chị gái Bà Yến
8	Nguyễn Văn Tiến	-	Không	Anh trai Bà Yến
9	Nguyễn Văn Dũng	022072003437 cấp ngày 22/12/2021	Không	Anh trai Bà Yến
10	Trần Xuân Ánh	03305300524 cấp ngày 18/5/2022	Không	Anh rể Bà Yến
11	Nguyễn Văn Cang	031059007297 cấp ngày 25/4/2021	Không	Anh rể Bà Yến
12	Trần Văn Trọng	022063001226 cấp ngày 22/12/2021	Không	Anh rể Bà Yến
13	Nguyễn Thị Lan	033159014311 cấp ngày 20/8/2021	Không	Chị chồng
14	Nguyễn Thị Loan	033162001127 cấp ngày 03/03/2022	Không	Chị chồng

10010
CÔNG
CỔ P
THAN
VINA
TÁ PHA

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là hoàn toàn đúng sự thật, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

XÁC NHẬN

Của Công ty cổ phần Than Đèo Nai - Vinacomin



Và Trọng Hùng

Cẩm Phả, ngày 28 tháng 12 năm 2023

Người kê khai

Nguyễn Thị Yến

12
3 T
HÃ
JEO
COM
- T.S

BẢN CUNG CẤP THÔNG TIN

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

- Họ và tên: **NGUYỄN THỊ YẾN**
- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: Ngày 25 tháng 7 năm 1977
- Nơi sinh: Cẩm phá - Quảng Ninh
- Số CMND/CCCD: 022177008544; Cấp ngày 27/6/2021; Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: Tổ 6- Khu 7 - P.Cẩm Thành. Cẩm phá- Quảng Ninh
- Điện thoại liên lạc: 03 777 57585
- Địa chỉ email: yenamy97@gmail.com
- Tên tổ chức là đối tượng công bố thông tin: Công ty CP Than Đèo Nai
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức là đối tượng công bố: Thành viên Ban kiểm soát Công ty - Phó phòng Kiểm soát nội bộ và Bảo Vệ (Phụ trách KTNB) Công ty CP Than Đèo Nai – Vinacomin.
- Các chức vụ. Hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ: 07 cổ phần, chiếm 0,00002 % vốn điều lệ, trong đó:
 - + Đại diện Nhà nước: không
 - + Cá nhân sở hữu: 07 cổ phần
- Cam kết nắm giữ: Không
- Danh sách Người có liên quan của người khai:

S T T	Họ tên	Tài khoản GD Chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại Cty (nếu có)	Số CMTND/CCCD/ hộ chiếu; ngày tháng năm cấp và nơi cấp	Địa chỉ nơi thường trú - Địa chỉ liên hệ	Số Cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Thời điểm bắt đầu có liên quan của người nội bộ	Ghi chú
1	Nguyễn Đình Thắng	0	0	0220700119 91 ngày cấp 12/4/2022	Tổ 6- Khu 7 - P.Cẩm Thành. Cẩm phá- Quảng Ninh	0	0	25/4/ 2022	Chồng Bà Yến
2	Nguyễn Đình Nam	0	0	0222030031 99 cấp ngày 25/04/2021	nt	0	0	nt	Con trai Bà Yến
3	Nguyễn Yến Mỹ	0	0	0223050057 73 cấp ngày 01/05/2021	nt	0	0	nt	Con gái Bà Yến
4	Nguyễn Thị Hòa	0	0	0221550006 90 cấp ngày	Cẩm phá- Quảng	0	0	nt	Chị gái Bà



S T T	Họ tên	Tài khoản GD Chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại Cty (nếu có)	Số CMTND/ CCCD/ hộ chiếu; ngày tháng năm cấp và nơi cấp	Địa chỉ nơi thường trú - Địa chỉ liên hệ	Số Cổ phiếu	Tỷ lệ số hữu cổ phiếu cuối kỳ	Thời điểm bắt đầu có liên quan của người nội bộ	Ghi chú
				18/5/2022	Ninh				Yến
5	Nguyễn Thị Liên	0	0	022158001180 cấp ngày 10/8/2021	Cẩm phà- Quảng Ninh	0	0	nt	Chị gái Bà Yến
6	Nguyễn Thị Minh	0	0	022161001168 cấp ngày 25/4/2021	Cẩm phà- Quảng Ninh	0	0	nt	Chị gái Bà Yến
7	Nguyễn Thị Oanh	0	0	022168006564 cấp ngày 12/8/2021	Cẩm phà- Quảng Ninh	0	0	nt	Chị gái Bà Yến
8	Nguyễn Văn Tiến	0	0	-	Cẩm phà- Quảng Ninh	0	0	nt	Anh trai Bà Yến
9	Nguyễn Văn Dũng	0	0	022072003437 cấp ngày 22/12/2021	Cẩm phà- Quảng Ninh	0	0	nt	Anh trai Bà Yến
10	Trần Xuân Ánh	0	0	03305300524 cấp ngày 18/5/2022	Cẩm phà- Quảng Ninh	0	0	nt	Anh rể Bà Yến
11	Nguyễn Văn Cang	0	0	031059007297 cấp ngày 25/4/2021	Cẩm phà- Quảng Ninh	0	0	nt	Anh rể Bà Yến
12	Trần Văn Trọng	0	0	022063001226 cấp ngày 22/12/2021	Cẩm phà- Quảng Ninh	0	0	nt	Anh rể Bà Yến
13	Nguyễn Thị Lan	0	0	033159014311 cấp ngày 20/8/2021	Cẩm phà- Quảng Ninh	0	0	nt	Chị chồng
14	Nguyễn Thị Loan	0	0	033162001127 cấp ngày 03/03/2022	Cẩm phà- Quảng Ninh	0	0	nt	Chị chồng

17. Lợi ích liên quan đối với Công ty cổ phần: Không

18. Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty cổ phần: Không

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là trung thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật ./.

Cẩm Phà, ngày 28 tháng 12 năm 2023
Người kê khai



Nguyễn Thị Yến

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TRÍCH YẾU LÝ LỊCH
THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY HỢP NHẤT
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN ĐÈO NAI - CỘC SÁU - TKV

1. Họ và tên : **TRẦN THỊ ĐIỆP**
2. Giới tính : Nữ.
3. Ngày tháng năm sinh : Ngày 18 tháng 11 năm 1976.
4. Nơi sinh : Xã Vũ Lạc – Huyện Kiến Xương – Tỉnh Thái Bình.
5. Quốc tịch : Việt Nam.
6. Dân tộc : Kinh.
7. Quê quán : Xã Vũ Lạc – Huyện Kiến Xương – Tỉnh Thái Bình.
8. Số CMTND/CCCD : 034176017605 cấp ngày 10/5/2021; Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.
9. Địa chỉ thường trú : Tổ 5-Phường Cẩm Trung- TP Cẩm Phả - Tỉnh Quảng Ninh.
10. Điện thoại liên lạc : 0915529966.
11. Trình độ văn hoá : 12/12.
12. Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Kinh tế và Quản trị doanh nghiệp.
13. Quá trình công tác (từ 18 tuổi đến nay):

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
11/1997 -06/2002	PXSC ô tô, Công ty Than Cọc Sáu	Công nhân
7/2002 - 05/2019	Phòng Kế toán - Thống kê – Tài chính, Công ty cổ phần Than Cọc Sáu–Vinacomin.	Chuyên viên
06/2019 -14/01/2021	Phòng Thanh tra- Bảo vệ - Kiểm toán, Công ty cổ phần Than Cọc Sáu – Vinacomin.	Phó Trưởng phòng phụ trách công tác kiểm toán nội bộ,
15/01/2021 đến nay	Phòng Thanh tra- Bảo vệ - Kiểm toán, Công ty cổ phần Than Cọc Sáu – Vinacomin	Phó Trưởng phòng, Người phụ trách kiểm toán nội bộ,
16/05/2020 đến nay	Công ty cổ phần Than Cọc Sáu – Vinacomin	Thành viên Ban kiểm soát

14. Chức vụ công tác ở Công ty khác: Thành viên Ban kiểm soát Công ty hợp nhất- Công ty cổ phần Than Đèo Nai - Cọc Sáu – TKV.

15. Số cổ phần (TC6) nắm giữ : 650 cổ phần.

Trong đó:

+ Sở hữu cá nhân : 650 cổ phần.

+ Đại diện phần vốn Nhà nước : 0 cổ phần.

16. Số cổ phần (TC6) do người có liên quan nắm giữ: 975 cổ phần.

17. Hành vi vi phạm pháp luật : Không

18. Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là trung thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung đó.

Cầm Phả, ngày 28 tháng 12 năm 2023

NGƯỜI KHAI

Trần Thị Điệp



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN CUNG CẤP THÔNG TIN

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

1. Họ và tên : **TRẦN THỊ ĐIỆP**
2. Giới tính : Nữ.
3. Ngày tháng năm sinh : Ngày 18 tháng 11 năm 1976.
4. Nơi sinh : Xã Vũ Lạc – Huyện Kiến Xương – Tỉnh Thái Bình.
5. Số CMTND/CCCD : 034176017605 cấp ngày 10/5/2021; Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.
6. Quốc tịch : Việt Nam.
7. Dân tộc : Kinh.
8. Địa chỉ thường trú : Tổ 5-Phường Cẩm Trung- TP Cẩm Phả - Tỉnh Quảng Ninh.
9. Số điện thoại : 0915529966.
10. Địa chỉ email: kiemtoantc6@gmail.com
11. Chức vụ hiện nay tại tổ chức là đối tượng công bố thông tin: Thành viên Ban kiểm soát Công ty hợp nhất – Công ty cổ phần Than Đèo Nai - Cọc Sáu - TKV.
12. Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Thành viên Ban kiểm soát, Phó Trưởng phòng, Người phụ trách kiểm toán nội bộ Công ty cổ phần Than Cọc Sáu – Vinacomin
13. Số cổ phần (TC6) nắm giữ : 650 cổ phần chiếm 0,0020 %
vốn điều lệ, trong đó:
- Đại diện (tên tổ chức là Nhà nước/cổ đông chiến lược/tổ chức khác) sở hữu:
Không
- Cá nhân sở hữu : 650
14. Các cam kết nắm giữ (nếu có): Không



15. Danh sách người có liên quan của người khai :

	Tên cá nhân/tổ chức	Số CMND/Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc Số GCN đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức), ngày cấp, nơi cấp	Số lượng CP/CCQ nắm giữ, tỷ lệ sở hữu trên vốn điều lệ của công ty đại chúng, quỹ đại chúng	Mối quan hệ
1	Trần Công Cây	Số CM: 100074584 Cấp ngày: 02/8/2005 CA T.Quang Ninh cấp	Không	Bố đẻ
2	Nguyễn Hữu Quang	Căn cước CD số: 022071001349 Cấp ngày: 01/6/2017	975= 0,0030%	Chồng
3	Nguyễn Trần Thành	Căn cước CD số: 022098003861 Cấp ngày: 13/12/2017	Không	Con đẻ
4	Nguyễn Hữu Phú	Căn cước CD số: 022208008663 Cấp ngày: 26/06/2021	Không	Con đẻ
5	Trần Anh Đào	Số CM: 151646183 Cấp ngày: 07/04/2003	Không	Chị ruột
6	Trần Cát Ninh	Số CM: 013187397 Cấp ngày: 25/4/2009 CA TP Hà Nội cấp	Không	Em ruột
7	Trần An Thái	Số CM: 100701461 Cấp ngày: 11/5/2011 CA T.Quang Ninh cấp	Không	Em ruột
8	Trần Nguyên Văn	Căn cước CD số: 022086000626 Cấp ngày: 05/02/2016	Không	Em ruột
9	Dương Thảo Ngọc	Căn cước CD số: 19197006624 Cấp ngày: 26/06/2021	Không	Con dâu

16. Lợi ích liên quan đối với công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có): Không

17. Quyền lợi mâu thuẫn với công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có): Không

Tôi cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Cám Phá, ngày 28 tháng 12 năm 2023

NGƯỜI KHAI

Trần Thị Diệp





Cẩm Phả, ngày 28 tháng 12 năm 2023

**BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU
BẦU THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Công ty cổ phần Than Đèo Nai- Cọc Sáu- TKV
(Nhiệm kỳ 05 năm kể từ ngày Công ty chính thức được hoạt động)**

Hôm nay, vào hồi: 11.00..., ngày 28 tháng 12 năm 2023

Địa điểm tại: Phòng họp số 1 – Văn phòng Công ty

Tổ kiểm phiếu chúng tôi gồm những người có tên sau đây:

- 1) Ông : Nguyễn Danh Tuấn Trưởng ban
- 2) Ông: Nguyễn Thanh Tuấn Ủy viên
- 3) Ông: Bùi Huy Long Ủy viên

Đã tiến hành kiểm phiếu bầu thành viên Hội đồng quản trị của Công ty cổ phần Than Đèo Nai- Cọc Sáu- TKV theo đúng chức trách, nhiệm vụ được giao và nhất trí lập biên bản như sau:

- Tổng số cổ đông tham gia Đại hội là 22 cổ đông, có 21.213.623..... cổ phần, sở hữu và đại diện cho 72,06% số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

- Tổng số cổ đông tham gia bầu cử là 22 cổ đông, có 21.213.623..... cổ phần, sở hữu và đại diện cho 72,06% số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

- Số phiếu phát ra là: 22 phiếu, tương ứng 106.068.115 phiếu bầu;

- Số phiếu thu về: 22 phiếu, tương ứng 106.068.115 phiếu bầu;

- Số phiếu không hợp lệ là: 0 phiếu, tương ứng: 0.....phiếu bầu;

- Số phiếu hợp lệ là: 22... phiếu, tương ứng với 106.068.115 phiếu bầu;

Kết quả số phiếu bầu và tỷ lệ phiếu bầu (tính trên tổng số phiếu bầu hợp lệ của các cổ đông tham gia bầu cử) của từng ứng cử viên như sau:

1) Ông: Nguyễn Trọng Tốt được 42.000.000 phiếu; đạt 39,6%;

2) Ông: Đang Thanh Bình được 31.987.940 phiếu; đạt 30,18%;

3) Ông: Nguyễn Văn Thuận được 21.689.130 phiếu; đạt 20,45%;

4) Ông: Bùi Trọng Hùng được 5.874.290.. phiếu; đạt 5,54%.

5) Ông: Nguyễn Văn Long được 4.516.255 phiếu; đạt 4,26%.

Căn cứ Quy chế bầu cử, Ông/Bà sau đây trúng cử thành viên HĐQT Công ty:

1) Ông: Nguyễn Trọng Tốt

2) Ông: Đang Thanh Bình

3) Ông: Nguyễn Văn Thuận

4) Ông: Bùi Trọng Hùng

5) Ông: Nguyễn Văn Long



Việc kiểm phiếu được tiến hành từ ^b11.00 đến ^h11.30 cùng ngày.

Biên bản này được lập thành 02 bản, đã được các thành viên Tổ kiểm phiếu nhất trí ký tên xác nhận và bàn giao biên bản cùng toàn bộ phiếu bầu cho Chủ tọa Đại hội.

(Các thành viên tổ kiểm phiếu ký, ghi rõ họ tên)

Tổ trưởng

Ủy viên

Ủy viên

Nguyễn Danh Toàn

Nguyễn Thanh Tâm



299 - C.T.C.P

TY

ĂN

Đ NAI

MIN

QUẢNG NINH

Cám Phả, ngày 28 tháng 12 năm 2023



**BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU
BẦU CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Công ty cổ phần Than Đèo Nai- Cọc Sáu- TKV
(Nhiệm kỳ 05 năm kể từ ngày Công ty chính thức được hoạt động)**

Hôm nay, vào hồi: 11^h25['], ngày 28 tháng 12 năm 2023
Địa điểm tại: Phòng họp số 1 – Văn phòng Công ty

Tổ kiểm phiếu chúng tôi gồm những người có tên sau đây:

- 1) Ông : Nguyễn Danh Tuấn Trưởng ban
- 2) Ông: Nguyễn Thanh Tuấn Ủy viên
- 3) Ông: Bùi Huy Long Ủy viên

Đã tiến hành kiểm phiếu bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị của Công ty cổ phần Than Đèo Nai- Cọc Sáu- TKV theo đúng chức trách, nhiệm vụ được giao và nhất trí lập biên bản như sau:

- Tổng số cổ đông tham gia Đại hội là 22 cổ đông, có 21.213.623 cổ phần, sở hữu và đại diện cho 72,06% số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.
- Tổng số cổ đông tham gia bầu cử là 22 cổ đông, có 21.213.623 cổ phần, sở hữu và đại diện cho 72,06% số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.
- Số phiếu phát ra là: 22 phiếu, tương ứng 21.213.623 phiếu bầu;
- Số phiếu thu về: 22 phiếu, tương ứng 21.213.623 phiếu bầu;
- Số phiếu không hợp lệ là: 0 phiếu, tương ứng: 0 phiếu bầu;
- Số phiếu hợp lệ là: 22 phiếu, tương ứng với 21.213.623 phiếu bầu;

Kết quả số phiếu bầu và tỷ lệ phiếu bầu (tính trên tổng số phiếu bầu hợp lệ của các cổ đông tham gia bầu cử) của từng ứng cử viên như sau:

- 1) Ông: Nguyễn Trọng Tôt được 21.213.623 phiếu; đạt 100%
- 2) Ông: được phiếu ; đạt.....%
- 3) Ông: được phiếu ; đạt.....%
- 4) Ông: được phiếu ; đạt.....%
- 5) Ông: được phiếu ; đạt.....%

Căn cứ Quy chế bầu cử, Ông/Bà sau đây trúng cử chức danh Chủ tịch HĐQT:

- 1) Ông: Nguyễn Trọng Tôt

Việc kiểm phiếu được tiến hành từ 11^h25['] đến 11^h40['] cùng ngày.



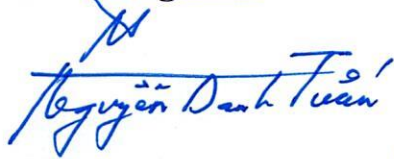
Biên bản này được lập thành 02 bản, đã được các thành viên Tổ kiểm phiếu nhất trí ký tên xác nhận và bàn giao biên bản cùng toàn bộ phiếu bầu cho Chủ tọa Đại hội.

(Các thành viên tổ kiểm phiếu ký, ghi rõ họ tên)

Tổ trưởng

Ủy viên

Ủy viên


Nguyễn Danh Tuấn


Nguyễn Trường Sơn


Trương Long



Cám Phả, ngày 28 tháng 12 năm 2023



BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU BẦU GIÁM ĐỐC
Công ty cổ phần Than Đèo Nai- Cọc Sáu- TKV
(Nhiệm kỳ 05 năm kể từ ngày Công ty chính thức được hoạt động)

Hôm nay, vào hồi: 11.25, ngày 28 tháng 12 năm 2023

Địa điểm tại: Phòng họp số 1 – Văn phòng Công ty

Tổ kiểm phiếu chúng tôi gồm những người có tên sau đây:

- 1) Ông : Nguyễn Danh Tuấn Tổ trưởng
- 2) Ông: Nguyễn Thanh Tuấn Ủy viên
- 3) Ông: Bùi Huy Long Ủy viên

Đã tiến hành kiểm phiếu bầu Giám đốc của Công ty cổ phần Than Đèo Nai- Cọc Sáu- TKV theo đúng chức trách, nhiệm vụ được giao và nhất trí lập biên bản như sau:

- Tổng số cổ đông tham gia Đại hội là 22 cổ đông, có 21.213.623 cổ phần, sở hữu và đại diện cho 72,06% số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

- Tổng số cổ đông tham gia bầu cử là 22 cổ đông, có 21.213.623 cổ phần, sở hữu và đại diện cho 72,06% số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

- Số phiếu phát ra là: 22 phiếu, tương ứng 21.213.623 phiếu bầu;

- Số phiếu thu về: 22 phiếu, tương ứng 21.213.623 phiếu bầu;

- Số phiếu không hợp lệ là: 0 phiếu, tương ứng: 0 phiếu bầu;

- Số phiếu hợp lệ là: 22 phiếu, tương ứng với 21.213.623 phiếu bầu;

Kết quả số phiếu bầu và tỷ lệ phiếu bầu (tính trên tổng số phiếu bầu hợp lệ của các cổ đông tham gia bầu cử) của từng ứng cử viên như sau:

1) Ông: Dặng Thanh Bình được 21.213.623 phiếu; đạt 100%

2) Ông: được phiếu; đạt..... %

3) Ông: được phiếu; đạt..... %

4) Ông: được phiếu; đạt..... %

Căn cứ Quy chế bầu cử, Ông/Bà sau đây trúng cử chức danh Giám đốc Công ty:

1) Ông: Dặng Thanh Bình

Việc kiểm phiếu được tiến hành từ 11.25 đến 11.40 cùng ngày.

Biên bản này được lập thành 02 bản, đã được các thành viên Tổ kiểm phiếu nhất trí ký tên xác nhận và bàn giao biên bản cùng toàn bộ phiếu bầu cho Chủ tọa Đại hội.

(Các thành viên tổ kiểm phiếu ký, ghi rõ họ tên)

Tổ trưởng

Ủy viên

Ủy viên

Nguyễn Danh Tuấn



Cẩm Phả, ngày 28 tháng 12 năm 2023

**BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU
BẦU THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT
Công ty cổ phần Than Đèo Nai- Cọc Sáu- TKV
(Nhiệm kỳ 05 năm kể từ ngày Công ty chính thức được hoạt động)**

Hôm nay, vào hồi: 11^h00, ngày 28 tháng 12 năm 2023
Địa điểm tại: Phòng họp số 1 – Văn phòng Công ty

Tổ kiểm phiếu chúng tôi gồm những người có tên sau đây:

- 1) Ông : Nguyễn Danh Tuấn Trưởng ban
- 2) Ông: Nguyễn Thanh Tuấn Ủy viên
- 3) Ông: Bùi Huy Long Ủy viên

Đã tiến hành kiểm phiếu bầu thành viên Ban kiểm soát của Công ty cổ phần Than Đèo Nai- Cọc Sáu- TKV theo đúng chức trách, nhiệm vụ được giao và nhất trí lập biên bản như sau:

- Tổng số cổ đông tham gia Đại hội là 22 cổ đông, có 21.213.623 cổ phần, sở hữu và đại diện cho 72,06% số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

- Tổng số cổ đông tham gia bầu cử là 22 cổ đông, có 21.213.623 cổ phần, sở hữu và đại diện cho 72,06% số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

- Số phiếu phát ra là: 22 phiếu, tương ứng 63.640.869 phiếu bầu;

- Số phiếu thu về: 22 phiếu, tương ứng 63.640.869 phiếu bầu;

- Số phiếu không hợp lệ là: 0 phiếu, tương ứng: 0 phiếu bầu;

- Số phiếu hợp lệ là: 22 phiếu, tương ứng với 63.640.869 phiếu bầu;

Kết quả số phiếu bầu và tỷ lệ phiếu bầu (tính trên tổng số phiếu bầu hợp lệ của các cổ đông tham gia bầu cử) của từng ứng cử viên như sau:

1) Bà: Nguyễn Thị Lương Anh được 5.406.242 phiếu; đạt 90,2%;

2) Bà: Nguyễn Thị Yên được 3.535.400 phiếu; đạt 5,56%;

3) Bà: Trần Thị Diệp được 2.699.227 phiếu; đạt 4,24%.

Căn cứ Quy chế bầu cử, Ông/Bà sau đây trúng cử thành viên BKS Công ty:

1) Bà: Nguyễn Thị Lương Anh

2) Bà: Nguyễn Thị Yên

3) Bà: Trần Thị Diệp

Việc kiểm phiếu được tiến hành từ 11^h đến 11.20^h cùng ngày.



Biên bản này được lập thành 02 bản, đã được các thành viên Tổ kiểm phiếu nhất trí ký tên xác nhận và bàn giao biên bản cùng toàn bộ phiếu bầu cho Chủ tọa Đại hội.

(Các thành viên tổ kiểm phiếu ký, ghi rõ họ tên)

Tổ trưởng

Ủy viên

Ủy viên



Nguyễn Thanh Xuân

Nguyễn Long

Nguyễn Danh Tuấn





Cẩm Phả, ngày 28 tháng 12 năm 2023

**BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU
BẦU TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT**

**Công ty cổ phần Than Đèo Nai- Cọc Sáu- TKV
(Nhiệm kỳ 05 năm kể từ ngày Công ty chính thức được hoạt động)**

Hôm nay, vào hồi: 11.25, ngày 28 tháng 12 năm 2023

Địa điểm tại: Phòng họp số 1 – Văn phòng Công ty

Tổ kiểm phiếu chúng tôi gồm những người có tên sau đây:

1) Ông : Nguyễn Danh Tuấn Trưởng ban

2) Ông: Nguyễn Thanh Tuấn Ủy viên

3) Ông: Bùi Huy Long Ủy viên

Đã tiến hành kiểm phiếu bầu Trưởng Ban kiểm soát của Công ty cổ phần Than Đèo Nai- Cọc Sáu- TKV theo đúng chức trách, nhiệm vụ được giao và nhất trí lập biên bản như sau:

- Tổng số cổ đông tham gia Đại hội là 22 cổ đông, có 21.213.623 cổ phần, sở hữu và đại diện cho 72,06% số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

- Tổng số cổ đông tham gia bầu cử là 22 cổ đông, có 21.213.623 cổ phần, sở hữu và đại diện cho 72,06% số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

- Số phiếu phát ra là: 22 phiếu, tương ứng 21.213.623 phiếu bầu;

- Số phiếu thu về: 22 phiếu, tương ứng 21.213.623 phiếu bầu;

- Số phiếu không hợp lệ là: 0 phiếu, tương ứng: 0 phiếu bầu;

- Số phiếu hợp lệ là: 22 phiếu, tương ứng với 21.213.623 phiếu bầu;

Kết quả số phiếu bầu và tỷ lệ phiếu bầu (tính trên tổng số phiếu bầu hợp lệ của các cổ đông tham gia bầu cử) của từng ứng cử viên như sau:

1) Bà: Nguyễn Thị Lương Anh được 21.213.623 phiếu; đạt 100%

2) Bà: được phiếu; đạt.....%

3) Bà: được phiếu; đạt.....%

Căn cứ Quy chế bầu cử, Ông/Bà sau đây trúng cử chức danh Trưởng ban kiểm soát Công ty:

1) Bà: Nguyễn Thị Lương Anh

Việc kiểm phiếu được tiến hành từ 11.25 đến 11.40 cùng ngày.



Biên bản này được lập thành 02 bản, đã được các thành viên Tổ kiểm phiếu nhất trí ký tên xác nhận và bàn giao biên bản cùng toàn bộ phiếu bầu cho Chủ tọa Đại hội.

(Các thành viên tổ kiểm phiếu ký, ghi rõ họ tên)

Tổ trưởng



Ủy viên


Nguyễn Tuấn Anh

Ủy viên


Trần Thị Loan

Nguyễn Danh Tuấn



**DANH SÁCH CỔ ĐÔNG THAM DỰ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN THAN ĐỀ NAI - VINACOMIN NĂM 2023**

(Tại nơi tổ chức Đại hội ngày 28 tháng 12 năm 2023)

Mã số CD	Họ và tên	Số CMND/CCCD	Chức vụ- Đơn vị	CP sở hữu	CP được uỷ quyền	Tổng số CP tham dự Đại hội	Ký tên
1	2	3	4	5	6	7=(5+6)	8
001	Nguyễn Trọng Tốt	034065002627	Chủ tịch HĐQT		20.397.588	20.397.588	Tốt
002	Đặng Thanh Bình	151233735	TV.HĐQT - Giám đốc	522	149.759	150.281	ĐTB
003	Nguyễn Văn Hùng	22061007187	TV Độc lập HĐQT		3.000	3.000	Hùng
004	Thiệu Đình Giảng	34077006273	TV HĐQT- PGĐ	2.576		2.576	ĐG
005	Vũ Trọng Hùng	100632824	TV HĐQT- PGĐ	787	169.322	170.109	B
006	Nguyễn Thị Lương Anh	1171013381	Trưởng ban Kiểm soát		230.500	230.500	NTLA
007	Trần Văn Vang	034073001929	UV. BKS - TP VT	208	6.145	6.353	TVV
008	Nguyễn Thị Yên	100654291	UV. BKS - PP KB	7	5.240	5.247	NTY
009	Vũ Thị Hương	022174002154	Kế toán trưởng	27.784	13.187	40.971	VTH
010	Nguyễn Thị Thanh Phương	022171009318	Phó Bí thư Đảng ủy		5.000	5.000	NTTF
011	Nguyễn Đăng Hưng	022070001933	Chủ tịch Công đoàn	2.576	283	2.859	NDH
012	Hoàng Đức Giang	34077012808	TP - Thư ký HĐQT		2.000	2.000	HĐG
013	Nguyễn Quang Tùng	100514241	Chánh VP	3.039	47.137	50.176	NTQ
014	Nguyễn Danh Tuấn	031066005643	TP Tổ chức nhân sự	2.944	2.148	5.092	NDT
015	Nguyễn Thanh Tuấn	100715989	QĐ CT Máy Xúc		33.737	33.737	NTT
016	Vũ Đức Thụ	36083026257	Quản đốc CT ST-TT	25	61.110	61.135	VĐT
017	Lê Văn Hưng	100603970	QĐ PX Vận tải 5	1.703	8.641	10.344	LVH
018	Nguyễn Đức Vinh	022079005112	Trưởng phòng KCM	522		522	NDV
019	Vũ Quyết Thắng	036085012175	Trưởng phòng CV		3.020	3.020	VQT
020	Trần Ngọc Dũng	022083005349	Trưởng phòng KH		58	58	TND
021	Phạm Thanh Bình	101024038	Trưởng phòng ĐM	2.230	9.790	12.020	PTB
022	Bùi Huy Long	022071001633	PP KB (PT Pháp chế)		21.035	21.035	BHL
023							
024							
025							
026							
	Tổng cộng			44.923	21.168.700	21.213.623	72,06

BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG NĂM 2023